

Tác giả ANNIE BESANT



# CHƠN NHƠN VÀ CÁC HẠ THỂ

MAN AND HIS BODIES

(Cẩm Nang Thông Thiên Học Số 7)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG THIÊN HỌC, ADYAR, MADRAS

Ấn bản năm 1912

Ấn Bản Đầu Tiên Năm 1896

Bản Dịch: **Chơn Như** - Mùa Hè 2007

(có hiệu đính – 2012)

Nguồn : *thongthienhoc.com*



## MUC LUC

-	Lời nói đầu.....	4
-	Dẫn nhập.....	5
-	Thế xác.....	9
-	Thế phách.....	26
-	Thế Vía hay Thế Dục vọng.....	35
-	Thế trí.....	59
-	Thế thượng trí.....	71
-	Các hiện thế khác.....	78
-	Các thế tạm.....	79
-	Hào quang của con người.....	80
-	Chơn nhơn.....	85

## LỜI NÓI ĐẦU

Có vài lời cần phải nói khi đưa quyển sách nhỏ này ra cho thế giới. Nó là quyển thứ bảy trong một loạt các Cẩm nang đã được trù định để đáp ứng yêu cầu của công chúng về việc trình bày đơn giản giáo huấn Thông Thiên Học. Một số người đã phàn nàn rằng kho tài liệu của chúng ta cùng một lúc quá bí hiểm, quá chuyên môn lại quá đắt tiền đối với bạn đọc bình thường, và chúng tôi hi vọng rằng loạt sách hiện nay có thể thành công trong việc cung ứng cho nhu cầu rất thiết thực này. Thông Thiên Học không chỉ dành cho người có học, nó dành cho mọi người. Trong số những người có cái thoáng nhìn đầu tiên về giáo huấn Thông Thiên Học qua những quyển sách nhỏ này, có thể có một vài người sẽ được chúng dẫn dắt thâm nhập sâu thêm vào triết lý của nó, khoa học của nó và tôn giáo của nó đối diện với những vấn đề khó hiểu hơn bằng sự nhiệt tâm của một đạo sinh và sự hăng hái của một tân tín đồ. Nhưng những Cẩm nang này không được viết ra cho đạo sinh hiểu học, người mà những khó khăn ban đầu không thể làm nản chí; chúng được viết cho những người nam và nữ bận rộn trong thế giới thường ngày, nó tìm cách minh giải một số chân lý vĩ đại khiến cuộc sống dễ chịu hơn và sự chết dễ gặp mặt hơn. Sách được viết bởi những người phụng sự các Chơn sư, vốn là các Huynh trưởng của loài người chúng ta, cho nên chúng không có mục đích nào khác hơn là để phục vụ cho đồng loại của chúng ta.

## DẪN NHẬP

Có quá nhiều sự lẫn lộn như là tâm thức và các hiện thể của nó, chơn nhơn và các lớp vỏ bọc mà nó mặc, cho nên dường như là thiết thực để đặt trước các học viên Thông Thiên Học một phát biểu dễ hiểu về những sự thật mà chúng tôi biết được. Chúng tôi đã đạt tới một mức độ nghiên cứu mà ở đó nhiều điều thoát tiên mù mờ đã trở nên rõ ràng, nhiều điều mơ hồ đã trở nên xác định, nhiều điều trước kia được chấp nhận như là lý thuyết thì nay đã trở thành sự kiện của kiến thức thực chứng (first-hand knowledge). Vì thế, có thể sắp xếp những sự kiện đã được xác định thành một chuỗi mạch lạc, những sự kiện mà khi những đạo sinh thành công phát triển được năng lực nhận xét có thể xem xét đi xem xét lại, có thể nói về chúng với sự khẳng định giống như nhà vật lý học cảm thấy khi đề cập tới những hiện tượng đã được quan sát và lên bảng kê. Nhưng ngay như nhà vật lý có thể phạm sai lầm thì nhà siêu hình học cũng có thể như thế, và khi kiến thức mở rộng, các ánh sáng mới chiếu rọi lên những sự kiện cũ, những sự tương quan của chúng được thấy rõ hơn, và dáng vẻ của chúng thay đổi – thường thường là do bởi thêm nhiều ánh sáng hơn sẽ phô bày cái sự thật mà trước kia có vẻ là một tổng thể thì nay chỉ là một mảnh. Không người có thẩm quyền nào được phép khẳng định cho những quan điểm được trình bày ở đây; chúng được đưa ra chỉ như kiểu từ đạo sinh này đến những đạo sinh khác, như một nỗ lực sao chép lại điều đã được dạy nhưng chắc chắn điều này đã được hiểu chưa đến nơi đến chốn (very imperfectly), cùng với những kết quả quan sát của những học trò cũng như thế,

do năng lực hạn chế khiến cho chúng làm ra những kết quả như vậy.

Ở lúc bắt đầu sự nghiên cứu của chúng ta, điều cần thiết là bạn đọc phương Tây cần nên thay đổi thái độ, trong đó, y đã quen đánh giá chính y, và y nên phân biệt rành mạch giữa chơn nhơn và các hạ thể mà chơn nhơn ở trong đó. Chúng ta quá quen đồng nhất hóa mình với các lớp áo bên ngoài mà mình mặc, hay có khuynh hướng nghĩ về mình như thể mình là các hạ thể đó; nếu muốn lĩnh hội một quan niệm đúng về chủ đề của chúng ta, điều cần thiết là chúng ta nên từ bỏ quan điểm đó, và nên ngưng đồng nhất hóa mình với những vỏ bọc mà mình nhất thời khoác lấy rồi lại cởi ra để mặc vào những lớp vỏ mới khi chúng ta lại cần tới những bộ y phục như thế. Đồng nhất hóa chúng ta với những hạ thể vốn chỉ tồn tại nhất thời này thì thật là cũng điên rồ và phi lý như đồng nhất hóa chúng ta với quần áo của chúng ta; chúng ta không phụ thuộc vào chúng – giá trị của chúng chỉ tương xứng với công dụng của chúng mà thôi. Cái lỗi lầm thường xuyên đồng nhất hóa tâm thức, vốn là Chơn ngã của chúng ta, với các hiện thể mà tâm thức ấy hoạt động nhất thời trong đó, chỉ có thể được tha thứ do sự kiện là ý thức tỉnh, và trong một chừng mực nào đó thì ý thức trong khi nằm mơ cũng vậy, chỉ sống và hoạt động trong thể xác, và khi tách khỏi thể xác thì chúng không được nhận biết đối với người thường; tuy nhiên, một sự hiểu biết bằng trí tuệ về những tình huống thực tế có thể đạt được, và chúng ta có thể tự rèn luyện để xem Chơn ngã của chúng ta là chủ nhân của hiện thể, và sau một thời gian, bằng kinh nghiệm, điều này sẽ trở thành một sự kiện rõ ràng, khi chúng ta học cách tách rời Chơn ngã ra khỏi các hiện thể, thoát ra khỏi hiện thể và biết rằng khi ở bên ngoài hiện thể, chúng ta ở trong một tâm thức viên mãn hơn

nhiều so với khi ở bên trong hiện thể, và rằng chúng ta không còn cảm giác tùy thuộc vào nó; một khi đã thành tựu được điều này thì chúng ta tất nhiên không còn có thể đồng nhất hóa Chơn ngã của chúng ta với các hiện thể nữa và chúng ta không bao giờ có thể phạm sai lầm nữa khi cho rằng chúng ta là cái mà chúng ta đang mặc. Sự hiểu biết rõ ràng bằng trí tuệ ít nhất cũng ở trong tầm tay của tất cả chúng ta, và chúng ta có thể tập cho mình thói quen phân biệt giữa Chơn ngã – tức Chơn nhơn – với các hạ thể của nó. Việc làm này còn là để bước ra khỏi cái ảo tưởng mà đa số người đang bị chìm đắm trong đó, và thay đổi trọn cả thái độ của chúng ta đối với cuộc đời và đối với thế gian, nó đang nâng chúng ta vào một cõi thanh tịnh hơn vượt trên “những biến dịch và những may rủi của cuộc sống hữu tử (mortal) này”, nó đặt chúng ta phía trên những rắc rối nhỏ nhặt hằng ngày vốn lù lù ngay trước tâm thức đang mang xác phàm; nó cho chúng ta thấy sự tương quan đúng thực giữa cái hằng biến dịch và cái tương đối trường tồn, và làm cho chúng ta cảm thấy sự khác nhau giữa một người sắp chết đuối bị các đợt sóng đánh và nhồi lên nhồi xuống làm cho y ngạt thở, và một người mà chân đặt trên một tảng đá trong khi sóng vỗ một cách vô hại ở dưới chân của nó.

Khi dùng từ chơn nhơn tôi muốn nói đến cái Bản Ngã sống động, hữu thức và biết suy tư, tức Chân Ngã; còn khi dùng từ các hạ thể, tôi muốn nói đến đủ thứ vỏ bọc mà Bản Ngã này bị nhốt trong đó, mỗi vỏ bọc cho phép Bản Ngã hoạt động ở một vùng nhất định nào đó trong vũ trụ. Cũng như con người có thể sử dụng một cái xe trên đất liền, một cái tàu trên mặt nước và một máy bay trong không khí để di chuyển từ nơi này tới nơi khác, tuy thế vẫn là chính y ở khắp mọi nơi, Bản Ngã cũng thế, tức chơn nhơn, vẫn là chính y bất kể y

đang hoạt động trong hạ thế nào; và cũng như cái xe, con tàu và máy bay thay đổi về vật liệu và kết cấu tùy theo môi trường hoạt động dự định cho mỗi phương tiện này, cũng thế, mỗi hạ thế thay đổi tùy theo môi trường mà nó hoạt động trong đó. Hạ thế này thô trực hơn hạ thế kia, hạ thế này có đời sống ngắn ngủi hơn hạ thế kia, hạ thế này ít năng lực hơn hạ thế kia; nhưng tất cả đều có chung nhau một điểm, đó là so với chon nhon, chúng tương đối phù du, là công cụ của chon nhon, là đầy tớ của cho chon nhon, hao mòn đi và làm mới lại theo bản chất của chúng và thích ứng với những nhu cầu thay đổi và quyền năng đang tăng trưởng của chon nhon. Chúng ta sẽ nghiên cứu chúng từng cái một, bắt đầu với thế thấp nhất và rồi xét tới chính chon nhon, chủ thể hành động trong mọi hạ thế.



## THỂ VẬT LÝ

Thuật ngữ thể vật lý (physical body) phải bao gồm cả hai nguyên khí thấp của con người – thuật ngữ cổ xưa của chúng ta gọi là Sthūla Sharīra và Linga Sharīra – bởi vì cả hai đều hoạt động trên cõi vật lý, đều gồm có chất vật lý, được thành hình cho thời kỳ của một kiếp sống trên cõi trần và bị con người vứt bỏ vào lúc chết, và cùng tan rã trên cõi vật lý khi con người chuyển sang cõi trung giới.

Một lý do khác để xếp hai nguyên khí này hợp lại thành thể vật lý hay hiện thể vật lý là vì chừng nào chúng ta chưa thoát ra khỏi thế giới vật lý – chúng ta quen gọi nó là cõi trần – thì chúng ta còn phải dùng tới cái này, hoặc cái kia, hoặc cả hai trong các bộ y phục vật lý này; chúng đều thuộc về cõi vật lý do chúng được cấu tạo bằng vật liệu của cõi này, và không thể thoát ra khỏi bên ngoài nó; tâm thức hoạt động bên trong chúng bị hạn chế bên trong giới hạn vật lý của chúng, và lệ thuộc vào những định luật thông thường về không gian và thời gian. Mặc dù có thể tách rời nhau một phần nào, chúng lại hiếm khi rời xa nhau trong khi còn sống trên cõi trần, và sự tách biệt đó không đáng khuyến khích và luôn là dấu hiệu của bệnh tật hoặc của cấu tạo thiếu thăng bằng.

Xét theo vật liệu cấu tạo nên chúng thì ta có thể phân biệt chúng ra thành thể xác (the gross body) và thể phách (the etheric double), thể phách là bản sao chính xác từng chút một của thể hữu hình và là trung gian qua đó mọi dòng điện và dòng sinh khí vận hành và hoạt động của xác phàm phụ thuộc vào các dòng này. Từ trước đến nay, thể phách vẫn

được gọi là Linga Sharīra, nhưng vì nhiều lý do, dường như ta nên chấm dứt việc dùng tới tên gọi đó trong trường hợp này. Từ thời xa xưa, cổ thư của Ấn Độ đã dùng từ “Linga Sharīra” theo một nghĩa khác, và điều này gây ra nhiều nhầm lẫn trong các sinh viên nghiên cứu văn học phương Đông, dù là người Đông phương hay người Tây phương, hậu quả của việc lồi ra tùy tiện của từ ngữ này từ ý nghĩa đã được công nhận của nó; vì lý do đó (nếu không có lý do nào khác nữa) tốt hơn ta nên từ bỏ cách dùng không chính đáng của nó. Hơn nữa, tốt hơn là có một tên gọi bằng tiếng Anh để chỉ những phần chia nhỏ trong cấu tạo của con người, và như vậy lấy ra khỏi tài liệu cơ bản của chúng ta vật chướng ngại cho những kẻ sơ cơ về một thuật ngữ tiếng Bắc phạn. Tên gọi thể dĩ thái cũng diễn tả chính xác bản chất và cấu tạo của bộ phận tinh anh hơn của thể vật lý; do đó nó có ý nghĩa và vì vậy dễ nhớ hơn, mọi tên gọi đều nên như thế; nó là “thể dĩ thái” vì nó được cấu tạo bằng “chất dĩ thái” (ether), nó là “bản sao” (double) vì nó là bản sao chính xác của xác phàm, cái bóng của nó.

Vật chất của cõi trần có bảy phân cảnh, có thể phân biệt với nhau được, và mỗi phân cảnh có đủ thứ tổ hợp bên trong giới hạn riêng của nó. Bảy phân cảnh này là: chất đặc, chất lỏng, chất khí, chất dĩ thái; chất dĩ thái có bốn trạng thái khác biệt với nhau cũng giống như chất lỏng khác biệt với chất đặc và chất khí. Đây là bảy trạng thái của vật chất thuộc cõi trần, và bất cứ bộ phận nào của vật chất đó cũng đều có thể chuyển thành bất kỳ một trong các trạng thái này, mặc dù ở nhiệt độ và áp suất bình thường, như chúng ta vẫn gọi, thì vật chất đó sẽ có một các trạng thái trên như là trạng thái tương đối thường tồn của nó, chẳng hạn như vàng thường là chất rắn, nước thường là chất lỏng, clor thường là chất khí.

Thể vật lý của con người bao gồm vật chất ở bảy trạng thái này: xác phàm gồm vật chất ở thể đặc, thể lỏng và thể khí; còn thể phách bao gồm bốn lớp chất dĩ thái mà tên chúng lần lượt là Dĩ thái I, Dĩ thái II, Dĩ thái III và Dĩ thái IV.

Khi những chân lý cao siêu hơn của Thông Thiên Học được đưa ra trước công chúng, thì chúng tôi thấy họ thường phàn nàn là các chân lý đó quá viển vông và họ thắc mắc: *“Chúng tôi nên bắt đầu từ đâu? Nếu chúng tôi muốn học hỏi cho chúng tôi và chứng minh sự thật của những điều khẳng định đã làm, chúng tôi phải khởi sự như thế nào? Đây là những bước đầu tiên mà chúng tôi phải bước đi? Thật vậy, bộ chữ cái của ngôn ngữ mà các nhà Thông Thiên Học liên thoảng thuyết pháp là gì? Chúng tôi là những người nam nữ sống trên thế gian thì nên làm gì để hiểu và chứng thực được những vấn đề này, thay vì chỉ chấp nhận chúng dựa vào sự tin tưởng nơi những người nói là mình biết?”* Trong những trang sau đây tôi sẽ cố gắng trả lời thắc mắc đó để cho những người thật sự thành tâm có thể thấy được những bước thực tế sơ khởi mà họ phải theo – điều đó luôn được hiểu rằng những bước này thuộc về một đời sống mà phần đạo đức, trí tuệ và tâm linh của nó đều đặt dưới sự rèn luyện. Một người không thể chỉ làm điều gì đó cho một mình thể vật lý mà việc đó sẽ biến y thành một nhà thầu thị hoặc một ông thánh; nhưng cũng đúng là vì thể vật lý là một công cụ mà chúng ta phải sử dụng cho nên chúng ta cần có vài cách cư xử với nó để cho chúng ta có thể chuyển bước vào hướng Thánh đạo. Trong khi việc chỉ quan tâm tới thể vật lý không thôi sẽ chẳng bao giờ đưa chúng ta lên đến những đỉnh cao mà chúng ta mong mỏi, tuy nhiên bỏ mặc thể vật lý sẽ làm cho chúng ta không thể nào leo lên được những đỉnh cao đó chút nào hết. Những hạ thể mà trong đó y phải sống và làm việc là những công cụ của chơn nhơn và điều sơ khởi

mà chúng ta phải nhận thức là: *thể xác tồn tại vì chúng ta chứ không phải chúng ta tồn tại vì thể xác*; thể xác để cho chúng ta sử dụng – chúng ta không thuộc về nó để cho nó sử dụng. Thể xác là một công cụ phải được tinh luyện, được cải thiện, được rèn luyện, được uốn nắn thành một hình thể và được làm bằng những phần tử sao cho nó có thể thích hợp nhất để làm công cụ trên cõi trần, vì những mục đích cao nhất của chơn nhơn. Mọi việc đi theo chiều hướng đó đều phải được khuyến khích và vun trồng; mọi việc đi ngược lại với chiều hướng đó đều phải tránh. Việc thể xác có thể có những mong ước gì, có thể đã tập nhiễm những thói quen gì trong quá khứ đều chẳng thành vấn đề; thể xác là của chúng ta, là tôi tớ của chúng ta, để chúng ta tùy ý sử dụng, và lúc mà nó nắm dây cương vào tay nó và đòi dẫn dắt thay vì chịu sự dẫn dắt của chơn nhơn, vào lúc đó trọn cả mục đích của cuộc đời bị phá vỡ và hoàn toàn không thể có bất kỳ loại tiến bộ nào. Đây là điểm mà từ đó bất cứ người nào thành tâm (in earnest) phải khởi sự. Chính bản chất của thể vật lý khiến cho nó là một vật có thể khá dễ dàng trở thành một tôi tớ hoặc một công cụ. Nó có vài đặc tính giúp chúng ta trong việc rèn luyện nó và làm cho nó tương đối dễ dàng để hướng dẫn, để uốn nắn, một trong những đặc tính này là khi nó đã một lần quen hoạt động theo những đường lối đặc thù nào thì nó sẽ rất sẵn sàng tiếp tục đi theo những đường lối đó một cách tự nguyện, và sẽ rất hạnh phúc làm như thế như khi nó đi theo những đường lối khác trước đây. Nếu đã bị tập nhiễm một thói quen xấu thì thể xác sẽ chống cự ra trò đối với bất kỳ sự thay đổi thói quen này; nhưng nếu nó bị bắt buộc thay đổi, nếu vật chướng ngại mà nó đặt ra trên đường được vượt qua, và nếu nó bị buộc phải hành động theo ý muốn của chơn nhơn, thì chỉ sau một thời gian ngắn, thể xác sẽ tự nguyện lặp lại cái

thói quen mới mà con người đã áp đặt lên nó, và sẽ vui lòng theo đuổi phương pháp mới như nó đã theo đuổi phương pháp cũ, phương pháp mà chon nhon đã thấy lý do để phản đối.

Giờ đây chúng ta hãy cùng chuyển sang xem xét tới thể đậm đặc mà ta có thể gọi đại khái là phần hữu hình của thể vật lý mặc dù các thành phần cấu tạo bằng chất khí vô hình đối với mắt phàm không được rèn luyện. Đây là lớp y phục ngoài cùng của chon nhon, là biểu lộ thấp nhất, là biểu hiện hạn chế nhất và bất toàn nhất của chon nhon.

### *Xác phàm (The Dense Body)*

Chúng ta phải trì hoãn lại khá lâu ở việc cấu tạo của thể xác để làm chúng ta có thể hiểu cách thức mà chúng ta có thể xem xét thể này, thanh luyện nó và huấn luyện nó; chúng ta phải xét qua một loạt các hoạt động mà phần lớn nằm ngoài tầm kiểm soát của ý chí, rồi đến những hoạt động chịu sự kiểm soát của ý chí. Cả hai loại hoạt động này đều vận hành nhờ vào các hệ thần kinh, nhưng đó là các loại thần kinh hệ khác nhau. Một hệ thống xúc tiến mọi hoạt động của cơ thể để duy trì sinh hoạt bình thường của nó, nhờ vậy phổi mới co thắt, tim mới đập theo nhịp, và sự vận động của hệ tiêu hóa mới được quản lý. Hệ thần kinh này bao gồm các dây thần kinh không chủ tâm mà ta thường gọi là “hệ giao cảm”. Có một lúc trong quá khứ lâu dài của sự tiến hóa vật lý, trong thời gian đó các thể của chúng ta được kiến tạo, thì hệ thần kinh này chịu sự kiểm soát của con thú sở hữu nó, nhưng dần dần nó bắt đầu hoạt động một cách tự động: nó thoát ra khỏi sự kiểm soát của ý chí, có được sự gần như độc lập của riêng nó và tiến hành mọi hoạt động sinh tồn thông thường của cơ thể. Trong khi một người đang khỏe mạnh thì y không để ý

đến những hoạt động này; khi sự hít thở đó bị chèn ép hoặc bị kiểm soát thì y mới biết y đang thở, khi sự đập của tim dữ dội hoặc bất thường thì y mới biết tim y đang đập, nhưng khi mọi chuyện đều suôn sẻ thì những quá trình này vẫn tiếp diễn mà y không hề nhận thấy. Tuy nhiên hệ thần kinh giao cảm có thể chịu sự kiểm soát của ý chí qua việc luyện tập lâu dài và gian khổ; một lớp đạo sĩ Yoga ở Ấn Độ – họ được gọi là đạo sĩ Hatha Yoga – phát triển quyền năng này đến mức phi thường với mục đích kích thích các năng lực tâm linh hạ đẳng. Những năng lực này có thể được khai mở (không quan tâm gì tới sự tăng trưởng về trí thức, đạo đức hoặc tâm linh) bằng cách tác động trực tiếp lên thể vật lý. Đạo sĩ Hatha Yoga học kiểm soát hơi thở của mình thậm chí tới mức tạm ngưng thở trong một thời gian đáng kể để kiểm soát nhịp đập của tim, đẩy nhanh hoặc làm chậm đi sự tuần hoàn theo ý muốn, và bằng cách đó ném thể xác vào tình trạng hôn mê và giải phóng thể vía. Ta không nên tranh đua theo phương pháp này, thế nhưng nó cũng dạy cho các quốc gia Tây phương (vốn có khuynh hướng tôn sùng thể xác như bản năng cấp thiết như thể) để biết bằng cách nào mà một người có thể mang những quá trình vật lý tự động thông thường này đặt dưới sự kiểm soát hoàn toàn; và để nhận ra rằng hàng ngàn người đã áp đặt lên chính họ một kỷ luật lâu dài và vô cùng gian khổ để thấy họ thoát ra khỏi cái nhà tù thể xác, và để biết rằng họ vẫn sống khi sự sinh động của thể xác bị tạm ngưng. Ít ra thì họ cũng nghiêm chỉnh lại và không còn chỉ là nô lệ cho các giác quan.

Ngoài hệ thần kinh này ra chúng ta còn có hệ thần kinh chủ động, là hệ thần kinh quan trọng hơn nhiều cho các mục đích trí tuệ của chúng ta. Đây là hệ thần kinh lớn, vốn là công cụ tư duy của chúng ta, nhờ đó chúng ta có cảm giác và vận

động được trên cõi trần. Nó bao gồm trục não tủy – gồm bộ óc và tủy sống – từ đó các sợi dây bằng chất thần kinh, gồm các dây thần kinh cảm giác và vận động, chạy ra khắp mọi bộ phận của cơ thể – dây thần kinh giúp chúng ta có cảm giác chạy từ ngoại vi tới trục, còn dây thần kinh giúp chúng ta vận động chạy từ trục ra ngoại vi. Từ mọi bộ phận của cơ thể, các sợi dây thần kinh vận hành, kết hợp với nhau lại thành từng bó, các bó thần kinh lại nối vào tủy sống, tạo thành chất sợi ở bên ngoài của nó, rồi lại chuyển lên trên để lan tỏa ra và chia nhánh nhóc trong bộ óc, vốn là trung tâm của mọi cảm xúc và mọi sự vận động có mục đích, có thể kiểm soát bởi ý chí. Đây là hệ thần kinh mà qua nó con người biểu lộ ý chí và ý thức của y, và có thể nói rằng ý chí và ý thức đóng đô nơi bộ óc. Nếu không thông qua bộ óc và thần kinh hệ thì con người không thể làm được gì trên cõi trần; nếu bộ óc và thần kinh hệ bị hư hỏng thì con người không còn có thể biểu hiện chính y đúng chuẩn nữa. Đây chính là sự kiện làm nền tảng cho thuyết duy vật với lập luận rằng tư tưởng và tác động của bộ óc biến thiên cùng với nhau; khi chỉ xét tới cõi trần thôi, như nhà duy vật đang làm, thì tư tưởng và tác động của bộ óc đúng là biến thiên cùng với nhau; và ta cần mang vào các lực từ một cõi khác, tức cõi trung giới, để chứng tỏ rằng tư tưởng không phải là kết quả của những tác động thần kinh. Nếu bộ óc bị ảnh hưởng của thuốc men, của bệnh tật hoặc của sự tổn thương thì tư tưởng của người có bộ óc đó có thể không còn tìm thấy sự biểu lộ thích đáng của nó trên cõi trần được nữa. Nhà duy vật cũng sẽ chỉ ra rằng nếu bạn bị một bệnh nào đó thì tư tưởng sẽ đặc biệt bị ảnh hưởng. Có một bệnh hiếm có là bệnh mất ngôn ngữ (aphasi), vốn phá hủy một bộ phận đặc biệt của mô não ở gần tai, và kèm theo việc hoàn toàn mất trí nhớ xét về ngôn từ; nếu bạn hỏi một người mắc bệnh này một

câu hỏi thì y không thể trả lời bạn được, nếu bạn hỏi tên y thì y sẽ chẳng trả lời bạn, nhưng nếu bạn nói tên y ra thì y sẽ tỏ ra nhận biết được tên đó, nếu bạn đọc cho y một phát biểu nào đó thì y sẽ tỏ vẻ tán thành hoặc không tán thành; y có thể suy nghĩ nhưng không thể nói. Có vẻ như mặc dù bộ phận thuộc bộ óc đã bị ăn mất có liên quan tới ký ức về ngôn ngữ trên cõi trần, vì thế việc mất đi bộ phận đó làm con người mất đi trí nhớ ngôn từ trên cõi trần và trở nên câm lặng, trong khi y vẫn còn giữ được khả năng suy tư và có thể đồng ý hoặc không đồng ý bất cứ đề nghị nào được đưa ra. Cố nhiên là lập luận của nhà duy vật sẽ bị sụp đổ ngay tức khắc khi người đó được giải thoát ra khỏi công cụ bất toàn của y; bây giờ y có thể biểu lộ quyền năng của y mặc dù y lại bị tàn tật khi bị đưa về sự biểu hiện trên cõi trần một lần nữa. Tầm quan trọng của việc tìm hiểu hiện nay của chúng ta không nằm ở việc lập trường của nhà duy vật có căn cứ hay vô căn cứ, mà ở sự thật là con người bị hạn chế trong biểu lộ trên cõi trần là do năng lực của công cụ trên cõi trần của y, và công cụ này nhạy cảm với các tác nhân trên cõi trần; nếu những tác nhân này có thể gây tổn thương cho nó thì chúng cũng có thể cải thiện nó – một sự xem xét mà chúng ta sẽ nhận thấy có tầm quan trọng sống còn đối với chúng ta.

Giống như mọi bộ phận của cơ thể, các thần kinh hệ này được tạo nên bằng tế bào, là các vật thể xác định nhỏ có màng bao bọc và chất chứa bên trong, có thể thấy được dưới kính hiển vi, và được biến đổi tùy theo các chức năng khác nhau của chúng. Các tế bào này, đến lượt chúng, được cấu tạo bằng những phân tử nhỏ, và những phân tử này lại được cấu tạo từ những nguyên tử – mỗi nguyên tử của nhà hóa học là một hạt cơ bản không thể phân chia của một nguyên tố hóa học. Những nguyên tử hóa học này hóa hợp với nhau theo vô



số cách để tạo ra các chất khí, chất lỏng và chất đặc của xác phàm. Mỗi nguyên tử hóa học đối với nhà Thông Thiên Học là một vật thể sống có thể điều khiển cuộc sống độc lập của nó, và mỗi tổ hợp của các nguyên tử như thế lại tạo thành một thực thể phức tạp hơn cũng lại là một vật thể sống; cũng vậy, mỗi tế bào có cuộc sống của riêng nó, và tất cả các nguyên tử hóa học, các phân tử và các tế bào này kết hợp với nhau thành ra một tổng thể có tổ chức, một cơ thể, để dùng làm hiện thể của một hình thái tâm thức cao siêu hơn bất kỳ hình thái tâm thức nào mà chúng (các tế bào, phân tử và nguyên tử - ND) biết trong sự sống riêng rẽ của chúng. Mà các phân tử hợp thành những cơ thể này thường xuyên đến và đi (coming and going), các phân tử này là những khối tập hợp của các nguyên tử hóa học quá nhỏ nên mắt phàm không thấy được, mặc dù nhiều khối tập hợp đó lại nhìn thấy được qua kính hiển vi. Nếu đặt một chút máu dưới kính hiển vi, chúng ta sẽ thấy một số vật thể sống đang di chuyển trong đó, tức là bạch huyết cầu và hồng huyết cầu; bạch huyết cầu có cấu trúc và hoạt động gần giống những con a-míp thông thường; đề cập đến những con vi trùng gây bệnh được tìm thấy, các loại trực khuẩn, các nhà khoa học bảo với chúng ta rằng trong cơ thể chúng ta có những vi trùng thân thiện và không thân thiện, một số vi trùng gây tổn thương còn những vi trùng khác vô lấy và ngẫu nhiên những kẻ xâm nhập gây hại và các chất liệu không còn hữu dụng. Một số vi trùng vào cơ thể chúng ta từ bên ngoài nhưng không gây bệnh tật cho cơ thể chúng ta, có những vi trùng khác tăng tiến sức khỏe của chúng, và vì thế những lớp vỏ ngoài này của chúng ta thay đổi chất liệu của chúng liên tục, chúng đến và ở lại trong một lúc, và ra đi để cấu tạo bộ phận của các cơ thể khác – một sự thay đổi và tương tác liên tục.

Thế mà đại đa số loài người biết rất ít và thiếu quan tâm tới những sự kiện này; thế nhưng xoay quanh những sự kiện ấy là khả năng thanh tẩy xác phàm, khiến cho nó thành hiện thể thích hợp hơn cho con người bên trong (indwelling man – chon nhon). Người bình thường bỏ mặc cho cơ thể tự kiến tạo lấy nó thế nào cũng được từ những thức ăn cung ứng cho nó, không quan tâm tới bản chất của chúng, y chỉ muốn rằng chúng sẽ ngon lành và hợp với khẩu vị của y mà thôi, và không quan tâm xem chúng thích hợp hay không thích hợp cho việc tạo dựng một chỗ trú ngụ thanh khiết và cao quý cho Chon ngã, vốn là chon nhon sống đời đời. Y chẳng hề giám sát đến những phân tử đến rồi lại đi này, chẳng lựa chọn mà cũng chẳng loại bỏ, cứ để cho mọi thứ tự nó lấp vào như nó liệt kê, như một người thợ hồ cầu thả cứ tóm lấy bất cứ thứ bỏ đi nào để làm vật liệu cho căn nhà của y: len và tóc lênh bênh, bùn đất, mảnh vụn, cát, móng chân tay, đồ thừa và rác rưởi đủ loại – phàm nhon là kẻ -xây -nhà -cầu- thả đích thực đối với cơ thể của y. Việc thanh tẩy cho xác phàm là ở quá trình tuyển chọn thận trọng các phân tử được phép cấu tạo nên nó; con người sẽ chỉ đưa vào cơ thể những yếu tố thanh khiết nhất dưới dạng thực phẩm mà y có thể thu nhận, loại bỏ những yếu tố không thanh khiết và thô trực; y biết rằng do sự thay đổi tự nhiên, các phân tử kiến tạo nên xác phàm trong thời gian y sống cầu thả sẽ dần dần mất đi, ít nhất là trong vòng bảy năm – mặc dù quá trình này có thể được đẩy nhanh lên đáng kể - và y kiên quyết không xây dựng vào xác phàm những thứ không tinh khiết nữa; khi y gia tăng những yếu tố thanh khiết thì y tạo ra trong cơ thể mình một đội quân bảo vệ, hủy diệt bất cứ phân tử ô uế nào có thể lọt vào trong cơ thể từ bên ngoài hoặc vào mà không có sự đồng ý của y; và y giữ gìn nó thêm nữa bằng một ý chí tích cực để

cho nó sẽ được thanh khiết, mà, khi tác động với từ tính (acting magnetically), y liên tục xua đuổi mọi tạo vật không tinh khiết ra khỏi vùng xung quanh y, chúng sẽ hết cách xâm nhập vào cơ thể y; vậy là y bao bọc nó khỏi những sự xâm nhập mà nó có thể bị, trong khi y đang sống trong một bầu không khí đầy đầy đủ thứ không tinh khiết.

Khi một người quyết định thanh tẩy thể xác mình như thế và biến nó thành một dụng cụ thích hợp cho Chon ngã hoạt động, thì y đặt bước chân đầu tiên hướng về việc thực hành Yoga – một bước phải được thực hiện trong kiếp này hoặc trong một kiếp khác *trước khi* y có thể nghiêm trang đặt câu hỏi: “*Làm thế nào tôi có thể học cách để tự mình kiểm chứng những chân lý Thông Thiên Học?*” Mọi sự kiểm chứng cá nhân về những sự kiện siêu vật lý tùy thuộc vào việc chon nhon, tức chủ nhon của y, có hoàn toàn chế ngự được thể xác hay chẳng; con người phải kiểm chứng và y không thể làm điều này trong khi y còn bị cột chặt bên trong nhà tù thể xác hoặc trong khi cái xác đó không được thanh khiết. Ngay cả khi y đã thay đổi do nhiều kiếp đã thực hiện giới luật tốt hơn, đã phát triển một phần những năng lực thần thông, những năng lực này tự bộc lộ dù hoàn cảnh hiện tại không thuận lợi, việc sử dụng những thần thông này cũng bị cản trở khi y ở trong thể xác, nếu thể đó không thanh khiết; nó (thể xác – ND) sẽ làm giảm tác dụng hoặc làm biến dạng việc vận dụng những thần thông đó khi chúng thể hiện qua nó và làm cho những thành tích của những thần thông đó không đáng tin cậy.

Chúng ta hãy giả sử một người quyết tâm rằng y sẽ có một thể xác thanh khiết và y cũng lợi dụng sự kiện là thể xác của y sẽ thay đổi hoàn toàn trong bảy năm nữa, hoặc y muốn chọn con đường ngắn hơn và khó khăn hơn để thay đổi nó nhanh chóng hơn; trong cả hai trường hợp y sẽ bắt đầu ngay

lập tức tuyển lựa vật liệu để xây dựng thể xác mới trong sạch, và vấn đề ăn uống sẽ tự bộc lộ ra. Y sẽ tức khắc bắt đầu loại ra khỏi thực phẩm của y tất cả các thứ sẽ đưa những phân tử không thanh khiết và gây ô nhiễm vào kiến tạo cơ thể của y. Y sẽ loại ra mọi thứ cồn, và mọi thứ rượu nhẹ đều chứa nó, vì nó sẽ đưa vào trong thể xác y những vi sinh vật thuộc loại ô trược nhất, sản phẩm của sự phân hủy. Bản thân những vi sinh vật này không chỉ gây khó chịu, mà chúng còn thu hút về phía chúng – và vì vậy thu hút về bất cứ thể xác nào mà chúng tạo thành bộ phận – một số cư dân - vô hình đối với mắt phàm (physically invisible) - bất hảo nhất của cõi kế tiếp. Những kẻ nghiện rượu đã mất thể xác và do đó không còn có thể thỏa mãn được sự khao khát chất độc ấy nữa, cứ lón vòn quanh những quán rượu và quanh những bọm nhậu, cố gắng nhập vào xác của những người đang uống rượu để chia sẻ cái thú vui thấp hèn mà họ để cho nó chi phối. Những phụ nữ tao nhã sẽ lưỡng lự đối với rượu nếu họ có thể thấy được những tạo vật đáng ghê tởm tìm cách tham gia vào việc hưởng thụ thú vui của họ, và sự liên hệ mật thiết mà họ thiết lập với những sinh linh thuộc loại kinh tởm nhất. Các tinh linh ngũ hành xấu xa cũng bu quanh tư tưởng được phủ bằng tinh chất ngũ hành của những kẻ nghiện rượu, trong khi thể xác thu hút vào nó từ bầu không khí xung quanh những phân tử thô trược khác cho ra từ các cơ thể say sưa và trác táng, và những phân tử này được lấp vào trong thể xác làm cho nó thô trược và thoái hóa. Nếu chúng ta nhìn vào những người thường xuyên ràng buộc với rượu, trong sản xuất hoặc trong phân phối rượu mạnh, rượu vang, rượu bia và các loại rượu không tinh khiết khác, chúng ta có thể thấy thể xác của họ đã trở nên thô trược đến chừng nào. Một người làm ở nhà máy bia, một chủ quán nhậu – chớ đừng nói

tới những người thuộc đủ mọi tầng lớp trong xã hội mà nhậu nhẹt quá nhiều – những người này cho thấy rõ ràng mỗi người đang làm từng phần và chặm chạp việc kiến tạo vào trong thể xác của y bất cứ phân tử nào trong những phân tử này; càng đưa các phân tử này vào bao nhiêu thì thể xác của y sẽ càng trở nên thô trực bấy nhiêu. Và cũng thế với các thức ăn khác của thực đơn hằng ngày, thịt của động vật có vú, chim, bò sát và cá, với thức ăn là các sinh vật giáp xác và loài nhuyễn thể là những loài ăn các xác thối rữa – làm thế nào mà những thể xác được tạo ra từ những nguyên liệu như thế vẫn có thể tinh khiết, nhạy cảm, thăng bằng một cách tinh tế và còn hoàn toàn khỏe mạnh, với sức mạnh và sự tinh ròn của thép đã trui, là những gì mà con người cần cho mọi loại công việc cao siêu? Có cần thêm bài học thực tiễn nữa mà ta có thể học được qua việc nhìn vào cơ thể của những người sống trong môi trường xung quanh như thế? Ta hãy xem những người đồ tể và người bán thịt, và phán đoán xem liệu cơ thể họ có giống như những dụng cụ thích hợp nhất được dùng cho những tư tưởng cao siêu và những đề tài tâm linh cao cả hay không? Thế nhưng chúng chỉ là những sản phẩm được hoàn tất cao độ của những tác động vận hành tương xứng trong mọi thể xác nuôi bằng những thực phẩm không tinh khiết do họ cung ứng. Thật vậy con người không chú ý gì tới thể xác lại buộc nó cho y đời sống tâm linh, nhưng tại sao y lại tự gây trở ngại cho mình với một cơ thể không tinh khiết? Tại sao y lại để cho những quyền năng của y, dù lớn hay nhỏ, bị hạn chế, bị ngăn trở, bị còi cọc trong nỗ lực biểu lộ của chúng do công cụ bất toàn không cần thiết này?

Tuy nhiên có một khó khăn trên con đường của chúng ta mà chúng ta không thể bỏ qua đi; chúng ta có thể bỏ nhiều

công sức cho thể xác và có thể kiên quyết từ chối làm cho nó ô uế, nhưng chúng ta đang sống giữa những người cầu thả và những người phần lớn chẳng biết gì về bản chất của những sự kiện này. Trong một đô thị như Luân đôn, hoặc thật ra là trong bất kỳ đô thị nào ở phương Tây, chúng ta không thể đi khắp nơi qua các phố mà không thấy khó chịu, và chúng ta càng thanh luyện thể xác chừng nào thì các giác quan thể xác càng trở nên tinh nhạy một cách tinh tế hơn, và chúng ta càng đau khổ hơn chừng nấy trong một nền văn minh quá thô trực và đầy nhục dục như hiện nay. Khi đi bộ qua những phố nghèo nàn hơn và những phố kinh doanh, nơi mà mỗi góc phố đều có những quán bia thì chúng ta khó lòng mà thoát khỏi mùi rượu, uest khí đưa lên từ một nơi nhậu nhẹt chông lên mùi rượu và uest khí đưa lên từ nơi nhậu kể đó – ngay cả những phố được cho là khả kính cũng bị nhiễm độc như thế; vì thế, cũng giống như vậy khi chúng ta phải đi băng ngang qua những lò sát sinh và những cửa hàng bán thịt. Dĩ nhiên người ta biết rằng khi nền văn minh tiến bộ hơn một chút, sự sắp xếp tốt hơn sẽ được thực hiện, và vài điều sẽ được đạt tới khi mọi thứ không trong sạch này được gom lại vào những khu phố đặc biệt nơi mà những người có nhu cầu về chúng có thể tìm được chúng. Nhưng từ giờ đến lúc đó các phân tử xuất phát từ các nơi này vẫn rơi lên cơ thể chúng ta và chúng ta hít chúng vào cùng với không khí. Nhưng cũng như cơ thể bình thường khỏe mạnh không có đất để các vi trùng gây bệnh có thể nảy mầm được, cũng vậy, cơ thể trong sạch không có đất để cho những phân tử không tinh khiết này có thể mọc lên. Ngoài ra, như chúng ta đã thấy, có những đạo quân tạo vật sống luôn luôn làm việc để giữ cho máu của chúng ta trong sạch, và những đoàn vệ sĩ chân chính này sẽ nhảy bổ vào bất cứ phân tử độc hại nào xâm nhập vào đô thị

của cơ thể trong sạch và sẽ hủy diệt nó và xé nó ra thành từng mảnh. Chúng ta phải chọn lựa xem chúng ta sẽ có trong máu của chúng ta những kẻ bảo vệ sự sống này, hay chúng ta sẽ làm đầy trong máu của chúng ta những tên cướp biển chuyên cướp bóc và giết hại những điều tốt đẹp. Chúng ta càng kiên quyết từ chối cho vào trong cơ thể bất cứ thứ gì không trong sạch chừng nào thì chúng ta càng được củng cố để chống lại những sự tấn công từ bên ngoài.

Chúng ta đã nói tới tính tự động của cơ thể, sự thật thì nó là một tạo vật của thói quen, và tôi đã nói rằng có thể lợi dụng được đặc tính này. Nếu nhà Thông Thiên Học nói với một người tâm đạo nào đó muốn lười tập Yoga và muốn đến lối vào các cõi cao như sau: “Thế thì bạn phải bắt đầu ngay tức khắc tẩy trừ cơ thể, và điều này phải có trước toan tính thực hành một Yoga xứng đáng với tên gọi đó; vì Yoga chân chính nguy hiểm cho một cơ thể không trong sạch và không được rèn luyện giống như một que diêm đối với một thùng thuốc súng”. Nếu nhà Thông Thiên Học bảo như thế thì rất có thể y sẽ bị trả lời lại rằng sức khỏe sẽ trở nên tồi tệ nếu người ta chấp nhận một lộ trình như thế. Thực tế rành rành là cơ thể tiêu hóa rất kỹ cho tới cùng thức ăn bạn cho nó, miễn là các thức ăn đó khiến cho nó khỏe mạnh; và chỉ trong một thời gian ngắn thì nó sẽ thích ứng với một dạng thực phẩm trong sạch và bổ dưỡng mà bạn đã chọn dùng. Chỉ vì nó là một tạo vật tự động cho nên chẳng bao lâu sau nó sẽ không còn yêu sách những thứ mà ta cứ đều đều từ chối cho nó, và nếu bạn không để ý đến những yêu sách của nó về các loại thực phẩm thô trực và nặng mùi thì chẳng bao lâu sau nó có thói quen không thích những thứ đó. Ngay cả một khẩu vị tự nhiên vừa phải cũng sẽ co lại với một cảm giác ghê tởm đến phát bệnh trước thịt thú săn và thịt nai đang thối rữa ở mức

độ “cao”, cũng vậy, một khẩu vị thanh khiết vì thế sẽ không chịu được mọi thực phẩm thô trực. Giả sử rằng một người đã từng nuôi dưỡng cơ thể bằng đủ thứ món không trong sạch thì cơ thể y sẽ lỏng lộn lên đòi hỏi chúng và y sẽ có khuynh hướng chiều theo nó; nhưng nếu y không chú ý tới nó, cứ tiếp tục theo cách riêng của y chứ không theo cách của cơ thể, thì y sẽ phát hiện, có lẽ với sự ngạc nhiên của y, rằng chẳng bao lâu sau cơ thể sẽ công nhận người chủ của nó và sẽ tự điều chỉnh nó theo mệnh lệnh của y; giờ đây nó bắt đầu thích những thứ mà y cung cấp cho nó, và sẽ có thói quen thích những thực phẩm trong sạch, không ưa những thực phẩm không trong sạch. Thói quen có thể được dùng để trợ giúp cũng như để ngăn cản, và cơ thể nhượng bộ khi nó hiểu rằng bạn mới là chủ và bạn không có ý định để cho mục đích cuộc đời mình bị can thiệp chỉ bởi cái công cụ dành cho bạn sử dụng. Sự thật là không phải thể xác chính yếu có lỗi, mà Kama, tức bản chất-dục vọng mới có lỗi. Cơ thể của người lớn đã tập nhiễm thói quen yêu sách những thứ đặc biệt, nhưng nếu bạn để ý tới một đứa trẻ con thì bạn sẽ thấy rằng cơ thể trẻ con không tự phát đòi hỏi những thứ mà cơ thể người lớn hưởng thụ chúng với những khoái lạc thô trực; Trừ phi chịu ảnh hưởng của một di truyền thể chất rất xấu, còn thì cơ thể của con nít co lại trước rượu và thịt, nhưng người lớn bắt nó ăn thịt, cha mẹ cho nó nhấm nháp rượu vang trong ly của mình lúc tráng miệng và ra lệnh cho nó “hãy là người đàn ông dù còn bé”, cho tới khi đứa bé, do khả năng bắt chước của chính nó và do sự cưỡng bách của những người khác, bị nhiễm những thói xấu. Rồi thì, chắc chắn là những thị hiếu không trong sạch bị tiêm nhiễm, và có lẽ những khao khát dục vọng xưa cũ được khơi dậy mà lẽ ra đã bị buộc chấm dứt, và cơ thể sẽ dần dần hình thành thói quen



đòi hỏi những thứ mà nó đã từng được cấp dưỡng. Bất chấp mọi điều này trong quá khứ, hãy thay đổi đi, và khi bạn tổng kết hết những phần tử thềm thường những thức ăn không trong sạch này, bạn sẽ cảm thấy cơ thể của bạn thay đổi thói quen của nó và ghê tởm chính cái mùi vị của những thức ăn mà nó đã từng ưa thích. Khó khăn thật sự trên con đường cải tạo nằm ở Kama, không phải ở thể xác. Bạn không muốn làm điều đó; nếu bạn muốn thì ắt hẳn bạn đã làm nó rồi. Bạn tự nhủ: “Xét cho cùng, có lẽ việc đó không có gì quá quan trọng, tôi không có năng khiếu về thần thông, tôi không đủ tiến bộ trong việc này để làm bất cứ sự thay đổi nào”. Bạn sẽ chẳng bao giờ trở nên tiến bộ nếu bạn không nỗ lực sống theo mức cao nhất ở trong tầm với của mình – nếu bạn để cho bản-chất- dục -vọng can thiệp vào sự tiến bộ của mình. Bạn bảo rằng “tôi muốn có được nhãn thông thể vía để du hành trong thể vía biết là bao nhiêu!”, nhưng đến lúc quyết định thì bạn lại thích một bữa ăn tối “ngon miệng” hơn. Nếu phần thưởng để từ bỏ món ăn không trong sạch là một triệu bảng Anh vào cuối năm, thì những khó khăn đó sẽ biến mất vô cùng nhanh và bạn sẽ tìm ra được nhiều cách để giữ cho cơ thể sống mà không cần tới rượu thịt! Nhưng khi chỉ tài sản vô giá về một đời sống cao thượng hơn được cung hiến thì những khó khăn là không thể vượt qua. Nếu người ta *thật sự muốn điều mà họ giả vờ muốn*, thì chúng ta ắt sẽ có nhiều sự thay đổi nhanh chóng diễn ra xung quanh chúng ta hơn chúng ta thấy hiện nay. Nhưng họ chỉ giả vờ và giả vờ khéo đến nỗi họ tự lừa gạt mình với ý tưởng là họ đang thành tâm, và rồi hết kiếp này sang kiếp khác, họ trở lại để sống theo cùng một thói thiếu tiến bộ như thế hàng ngàn năm; và rồi ở một kiếp đặc biệt nào đó, họ tự hỏi tại sao họ không tiến bộ, và tại sao người khác đã tiến bộ nhanh chóng đến thế trong một kiếp

này trong khi họ thì không. Người thành tâm – không phải nay thế này mai thế khác, mà là kiên trì đều đặn – có thể thực hiện sự tiến bộ mà y chọn; trong khi kẻ giả vờ sẽ chạy quanh đi quẩn lại con đường thử thách trong nhiều kiếp sắp tới.

Ở đây, dù sao đi nữa việc thanh tẩy thể xác này là sự chuẩn bị cho tất cả pháp môn thực hành Yoga – chắc chắn không phải là mọi sự chuẩn bị mà là *phần chuẩn bị cốt yếu*. Điều này vậy là quá đủ đối với thể xác, hiện thể thấp nhất của tâm thức.

### *Thế phách*

Khoa vật lý hiện đại chủ trương rằng mọi sự thay đổi của cơ thể - cho dù là ở cơ bắp, tế bào hoặc dây thần kinh – đều có kèm theo tác động điện và điều đó có lẽ cũng đúng ngay cả đối với những sự biến đổi hóa học đang liên tục diễn ra. Bằng chứng dồi dào về điều này đã được tích lũy do những sự quan sát cẩn thận với những điện kế nhạy nhất. Bất cứ khi nào có hoạt động điện xảy ra thì khi đó phải có mặt chất dẫn điện, vì thế sự hiện diện của dòng điện là bằng chứng cho sự hiện diện của chất dẫn điện, nó thâm nhập vào tất cả, bao quanh mọi thứ; không một phân tử vật chất nào trên cõi trần tiếp xúc với bất kỳ phân tử khác, song mỗi phân tử đều dao động trong một trường dẫn điện. Nhà khoa học Tây phương khẳng định như là một giả thuyết cần thiết điều mà người đệ tử lão luyện của khoa học Đông phương khẳng định như một sự quan sát có thể kiểm chứng được, vì thật ra chất dẫn điện có thể thấy được giống như một cái ghế hoặc một cái bàn, chỉ có điều cần phải có một nhãn quan khác với nhãn quan bình thường. Như ta có nói, chất dẫn điện tồn tại trong bốn biến thể, biến thể tinh anh nhất trong số đó bao gồm các cực vi tử hồng trần (the ultimate physical atoms) – không

phải cái gọi là nguyên tử hóa học, nguyên tử này thực ra là một thể phức hợp – gọi là cực vi tử hồng trần là vì khi phân rã chúng sẽ cho ra vật chất của cõi trung giới. [Xem *Hóa Học Huyền Bí* của Annie Besant và C.W. Leadbeater.]

Thể phách bao gồm bốn chất dĩ thái này, chúng thâm nhập vào các thành phần thể đặc, thể lỏng và thể khí của xác phàm, bao quanh mỗi phân tử với một lớp vỏ bọc bằng chất dĩ thái, và biểu thị một bản sao hoàn hảo của xác phàm. Người nào có thị giác lão luyện đều có thể thấy thể phách hoàn toàn, nó có màu tím xám, kết cấu của nó thô trọc hay tinh anh là tùy theo xác phàm thô trọc hay tinh anh. Bốn chất dĩ thái là thành phần cấu tạo của nó, cũng giống như chất đặc, chất lỏng và chất khí là thành phần cấu tạo của thể xác, nhưng chúng có thể thành những tổ hợp thô trọc hơn hoặc tinh anh hơn đúng như các thành phần cấu tạo nên xác phàm. Thật quan trọng để lưu ý rằng xác phàm và bản sao bằng chất dĩ thái của nó có chất lượng biến thiên cùng với nhau, vì thế cho nên khi người tầm đạo có chủ tâm và ý thức thanh tẩy xác phàm của y, thì thể phách cũng làm theo như vậy mà y không biết và cũng không thêm chút nỗ lực nào. [Khi nhìn vào các hạ thể của một người với nhãn quan thể vía, thì ta thấy thể phách (Linga Sharīra) và thể vía (kamic body) xuyên vào nhau, và cũng giống như thế, cả hai thể này lại xuyên vào xác phàm, vì thế cho nên một số rắc rối đã nổi lên trong quá khứ, và tên gọi Linga Sharīra và thể vía có thể được dùng hoán chuyển cho nhau, trong khi tên gọi thể vía lại cũng được dùng để chỉ thể Kama tức thể dục vọng. Thuật ngữ mơ hồ này đã gây ra nhiều rắc rối vì các chức năng của thể kama, được đặt tên là thể vía, thường được hiểu là chức năng của thể phách, cũng được gọi là thể vía, và người học, vì không tự mình thấy được, nên bị lúng túng một cách tuyệt

vọng trong những điều mâu thuẫn biểu kiến như thế. Những sự quan sát cẩn thận về sự hình thành của hai thể này giờ đây khiến chúng tôi có thể nói dứt khoát rằng thể phách chỉ bao gồm các chất dĩ thái thuộc cõi hồng trần mà thôi, và nó không thể rời bỏ cõi trần cũng như không thể rời xa đối thể thô trước của nó; hơn nữa, nó được kiến tạo theo cái khuôn do các Đấng Nghiệp Quả Tinh Quân đưa ra, và không được Chon Ngã mang theo cùng (khi tái sinh – ND), nhưng chờ đợi Chon ngã với thể xác được hình thành dựa theo nó. Mặt khác, thể vía hay thể kama, tức thể dục vọng, chỉ bao gồm vật chất của cõi trung giới mà thôi, nó có thể đi khắp cõi trung giới khi thoát ra khỏi thể xác, và là hiện thể thích hợp của Chon ngã trên cõi đó; nó được Chon ngã mang theo cùng khi Chon ngã đi tái sinh. Trong những tình huống này, tốt hơn là gọi thể đầu tiên là thể phách, còn thể thứ nhì là thể vía và như thế tránh lẫn lộn].

Chính nhờ có thể phách mà sinh lực, tức Prāna, mới chạy dọc theo các dây thần kinh của cơ thể và khiến cho các dây thần kinh đóng vai trò truyền dẫn lực vận động và cảm giác đối với các ảnh hưởng bên ngoài. Năng lực của tư tưởng, của vận động và của cảm giác không ở nơi chất liệu thần kinh dĩ thái hoặc chất liệu thần kinh thể xác; chúng là những hoạt động của Chon ngã vận hành trong các thể nội giới và sự biểu hiện của chúng trên cõi trần được làm cho khả dĩ (is rendered possible) bởi sinh khí khi sinh khí chạy dọc theo các dây thần kinh và xung quanh các tế bào thần kinh; bởi vì *Prāna, tức sinh khí, là năng lượng tích cực của Chon ngã* như Shrī Shankaracharya đã dạy chúng ta. Chức năng của thể phách làm trung gian vật chất cho loại năng lượng này, vì thế trong văn chương của chúng ta, nó thường được gọi là “hiện thể của Prāna”.

Thật là hữu ích khi ghi nhận rằng thể phách đặc biệt mẫn cảm với các thành phần cấu tạo dễ bay hơi của rượu.

### *Các hiện tượng liên quan tới Thể hồng trần*

Khi một người “đi ngủ” thì Chon ngã thoát ra khỏi thể xác, bỏ mặc nó thiu thiu ngủ để phục hồi sức lực cho ngày làm việc sắp tới. Vậy là thể xác và thể phách được để lại với những khí cụ của chúng, và với sự vận hành (the play) của những ảnh hưởng mà chúng đã thu hút về chúng bằng sự kiến tạo và các thói quen của chúng. Các luồng hình tư tưởng xuất phát từ cõi trung giới có bản chất phù hợp với những hình tư tưởng mà Chon Ngã đã tạo ra hoặc áp ủ trong sinh hoạt hằng ngày của y, nhập vào rồi lại xuất ra khỏi bộ óc phàm và bộ óc dĩ thái, và, trộn lẫn với sự lặp đi lặp lại một cách tự động của những rung động do Chon Ngã đã dựng nên trong ý thức tỉnh, gây ra những giấc mơ gián đoạn và hỗn loạn mà hầu hết mọi người đều quen thuộc. [Xem các bài viết về “Giấc mơ” trong tạp chí *Lucifer* số tháng 11 và tháng 12 năm 1895, được xuất bản lại dưới dạng sách nhỏ năm 1898]. Những hình ảnh đứt đoạn này mang tính giáo huấn vì nó cho thấy sự vận hành của thể vật lý khi nó bị bỏ mặc một mình; nó chỉ có thể tái tạo lại những mảnh vụn của các rung động quá khứ mà không có sự cố kết hoặc trật tự hợp lý, nó lắp ráp chúng lại sau khi đã xói tung hết lên, dù chúng có thể phi lý một cách lối bịch; nó không cảm thấy sự lối bịch hoặc vô lý, bằng lòng với ảo ảnh của những hình thể và màu sắc thiên biến vạn hóa, thậm chí cũng chẳng có sự đều đặn như trong kính vạn hoa. Khi xem xét theo cách này, thì chúng ta mới dễ dàng công nhận các bộ óc của thể xác và thể phách chỉ là các công cụ của tư tưởng chứ không sáng tạo ra tư tưởng, vì khi bị bỏ

mặc, chúng ta thấy những thứ do chúng tạo ra vô cùng thất thường.

Trong giấc ngủ, Chon ngã suy tư thoát ra khỏi hai thể này, hoặc đúng hơn đây là một thể duy nhất với phần hữu hình và phần vô hình của nó, để chúng lại cùng với nhau; khi chết, Chon ngã thoát ra lần chót nhưng với sự khác nhau là nó kéo thể phách ra với nó, và tách rời thể phách ra khỏi đôi thể thô trực của nó; như vậy khiến cho sinh khí không còn có thể tác động lên xác phàm như một tổng thể hữu cơ. Chon ngã cũng nhanh chóng rũ bỏ thể phách, như chúng ta đã thấy, thể phách không thể chuyển lên cõi trung giới và bị bỏ mặc cho tan rã cùng với người cộng sự cả đời của nó (thể xác – ND). Đôi khi nó sẽ xuất hiện ngay sau khi chết cho những người bạn ở không xa lắm nơi xác chết đang nằm, nhưng tất nhiên là nó tỏ ra rất ít ý thức, và sẽ chẳng nói năng hoặc làm được điều gì ngoài việc tự “hiện hình” ra. Vì thuộc về cõi trần nên nó tương đối dễ thấy, và một sự căng thẳng nhẹ của hệ thần kinh sẽ làm cho thị giác đủ bén nhạy thấy được nó. Nó cũng chịu trách nhiệm về nhiều “ma trơi” ở nghĩa địa khi nó lơ lửng bên trên ngôi mộ mà đôi thể thô trực của nó đang nằm bên trong, và được thấy dễ dàng hơn thể vía vì lý do vừa đưa ra. Như vậy ngay cả “trong cái chết chúng cũng không chia lìa nhau” khoảng hơn một vài bộ (feet= 0,3048cm – ND) trong không gian.

Đối với người bình thường thì sự phân cách này chỉ xảy ra vào lúc chết, nhưng vài người bất bình thường thuộc loại được gọi là đồng cốt thì dễ bị sự tách ra thành từng phần của thể vật lý trong cuộc sống trần tục, một sự bất bình thường nguy hiểm và may mắn thay là một sự bất bình thường tương đối hiếm gặp, căn nguyên của nhiều sự căng thẳng và xáo trộn thần kinh. Khi thể phách xuất ra thì chính thể phách bị

xé toạc làm đôi; nguyên cả thể phách khi tách ra khỏi xác phàm sẽ gây nên cái chết cho xác phàm, vì các dòng sinh khí cần có thể phách thì mới lưu thông được. Ngay cả việc xuất ra một phần của nó cũng đưa xác phàm vào tình trạng hôn thụy, các hoạt động cần cho sự sống hầu như bị ngưng lại, khi các bộ phận bị tách rời mới tái hợp nhất trở lại thì tình trạng của người đồng cốt là cực kỳ kiệt quệ, và cho tới khi sự hợp nhất bình thường được tái lập thì người đồng cốt mới được cho là hết nguy hiểm cho thể xác. Phần lớn những hiện tượng xảy ra khi có mặt người đồng cốt không liên quan tới việc xuất ra của thể phách, nhưng một số người nổi bật nhờ đặc điểm đáng chú ý là hiện hình được, họ đã tham dự trong việc trợ giúp tạo ra sự khác thường này để quan sát. Tôi được cho biết rằng ông Eglinton đã phô diễn sự tách rời vật lý kỳ lạ này đến một mức hiếm có, và rằng thể phách của ông được thấy rịn ra từ cạnh bên trái trong khi xác phàm của ông co rút lại thấy rõ; và hiện tượng tương tự đã được quan sát nơi ông Husk, xác phàm của ông bị co lại đến nỗi quần áo của ông mặc không còn căng nữa. Có một lần thể xác của ông Eglinton bị giảm kích thước nhiều đến nỗi tạo ra một hình dạng cụ thể và trình diện nó cho những người ngồi ở đó quan sát – đây là một trong vài trường hợp trong đó cả người đồng cốt lẫn hiện hình ra được nhìn thấy cùng nhau dưới ánh sáng đủ cho phép kiểm tra. Sự co rút lại của người đồng cốt dường như hàm ý cho việc lấy ra khỏi thể xác một lượng vật chất thô trước “có thể cân được” – rất có thể là bộ phận của những cấu tạo lỏng – nhưng theo chỗ tôi biết, thì không có một sự quan sát nào được thực hiện về vấn đề này, và vì vậy không thể nói với chút chắc chắn nào. Điều chắc chắn là việc xuất ra một phần của thể phách gây hậu quả trong nhiều xáo trộn về thần kinh, và bất cứ người nào có lý trí không nên thực hành điều

đó nếu y phát hiện rằng y không may nên có khả năng làm được chuyện này.

Giờ đây chúng ta đã nghiên cứu thể vật lý cả về bộ phận thô trước lẫn bộ phận dĩ thái trong nó, cái y phục mà Chon ngã phải khoác lấy để làm việc trên cõi trần, cái trú sở nơi có thể là chỗ làm việc tiện lợi để Chon Ngã hoạt động trên cõi trần; hoặc cái nhà tù của Chon Ngã mà chỉ một mình sự chết nắm giữ chìa khóa. Chúng ta có thể thấy cái mà chúng ta phải có và cái mà chúng ta có thể làm dần dần – một cơ thể hoàn toàn khỏe mạnh và tráng kiện đồng thời lại có cấu tạo tinh tế, thanh khiết và nhạy cảm. Nó phải khỏe mạnh ở phương Đông người ta nhấn mạnh tới sức khỏe như là một điều kiện của con đường đệ tử vì mọi thứ không khỏe mạnh trong cơ thể đều làm phương hại cho nó với vai trò là công cụ của Chon ngã, và có khuynh hướng làm méo mó cả những ấn tượng được truyền vào trong lẫn những xung lực được phóng ra bên ngoài. Hoạt động của Chon ngã bị cản trở nếu công cụ của y bị căng thẳng hoặc bị méo mó do thiếu sức khỏe. Vậy thì khỏe mạnh, được cấu tạo tinh tế, thanh khiết, nhạy cảm, tự động đẩy ra mọi ảnh hưởng xấu, tự động tiếp thu mọi ảnh hưởng tốt đẹp – chúng ta nên chủ tâm xây dựng một cơ thể như thế bằng cách chọn lựa trong số mọi thứ xung quanh chúng ta những thứ nào dẫn tới mục đích đó, dù biết rằng nhiệm vụ đó chỉ có thể hoàn tất dần dần, nhưng ta vẫn tiến hành một cách kiên nhẫn và kiên định với mục tiêu ấy trong kế hoạch. Chúng ta sẽ biết khi nào thì mình bắt đầu thành công ngay cả ở mức độ rất giới hạn vì chúng ta sẽ thấy mở ra trong chúng ta đủ loại khả năng nhận thức mà trước đó chúng ta không có. Ta sẽ thấy mình trở nên nhạy cảm hơn với những âm thanh và cảnh vật, bén nhạy hơn với những hòa âm phong phú hơn, du dương hơn và trợn vẹn hơn, bén



nhạy hơn với những màu sắc dịu dàng hơn, đẹp đẽ hơn và dễ thương hơn; cũng giống như người họa sĩ rèn luyện mắt mình để thấy được những điểm tế nhị về màu sắc mà mắt thường không thấy được; cũng giống như người nhạc sĩ rèn luyện tai mình để nghe được những giọng cao của các nốt nhạc mà tai thường không nghe được; cũng vậy chúng ta có thể rèn luyện các hạ thể của chúng ta để dễ tiếp nhận những rung động tinh anh hơn của sự sống mà người thường bỏ qua. Quả thật nhiều cảm giác khó chịu sẽ đến, vì trong thế giới mà chúng ta đang sống bị loài người sống nơi đây làm cho thô trực (coarse) và thô thiển (rough); nhưng mặt khác các vẻ đẹp sẽ bộc lộ ra đền đáp lại cho chúng ta gấp cả trăm lần những khó khăn mà chúng ta phải đương đầu và khắc phục. Và điều này nữa, không phải chúng ta sở hữu những hạ thể như thế cho những mục đích ích kỷ, hoặc vì kiêu căng hay vì vui thích mà là để chúng ta, những người chủ sở hữu của chúng, có thể có chúng cho sự hữu dụng lớn lao hơn, cho sức mạnh được tăng cường hơn để phụng sự. Chúng sẽ là những công cụ hữu hiệu hơn để trợ giúp cho sự tiến bộ của loài người, và như thế thích hợp hơn để góp phần vào nhiệm vụ thúc đẩy sự tiến hóa của loài người vốn là công việc của các Chon sư cao cả của chúng ta, và đó có thể là đặc ân cho chúng ta để được hợp tác trong công việc này.

Mặc dù suốt phần này trong đề tài của chúng ta, chúng ta chỉ mới ở trên cõi trần nhưng chúng ta cũng có thể thấy rằng việc nghiên cứu nó đâu phải là không quan trọng và hiện thể thấp nhất trong những hiện thể của tâm thức cần được chúng ta chú ý và sẽ đền đáp cho sự chăm sóc của chúng ta. Những đô thị này của chúng ta, vùng đất này của chúng ta sẽ sạch sẽ hơn, đẹp hơn, tốt hơn khi kiến thức này trở thành kiến thức phổ biến, và khi nó được chấp nhận

không chỉ như khả năng trí tuệ (intellectually probable) mà như là một định luật của cuộc sống hằng ngày.

## THỂ VÍA HAY THỂ DỤC VỌNG

Chúng ta đã nghiên cứu thể vật lý của con người cả về phần hữu hình lẫn phần vô hình của nó, và chúng ta hiểu được rằng con người – thực thể hữu thức sống động – trong ý thức “tinh táo” của y, đang sống trên cõi trần, chỉ có thể biểu lộ tri thức và chứng tỏ quyền năng của y theo mức mà y có thể biểu hiện được thông qua thể xác. Tùy theo sự hoàn hảo hoặc bất toàn trong việc phát triển của nó mà sự biểu hiện của y trên cõi trần sẽ hoàn hảo hoặc bất toàn; nó hạn chế y trong khi y hoạt động nơi hạ giới, tạo thành “một vòng giới hạn” thật sự xung quanh y. Điều gì không thể đi xuyên qua nó thì cũng không thể biểu lộ trên trần thế, và vì vậy nó rất quan trọng đối với con người đang phát triển. Cũng giống như thế, khi Chon Nhon đang hoạt động ngoài thể xác trong một cõi giới khác của vũ trụ, tức cõi trung giới, thì y có thể biểu hiện trên cõi đó tri thức và quyền năng của mình, tóm lại là biểu hiện chính y, theo mức độ mà thể vía khiến cho y có thể biểu lộ ra. Nó cùng một lúc là hiện thể của y và cũng là sự hạn chế của y. Chon nhon vốn nhiều hơn các hạ thể của y; y có trong y nhiều điều mà y không thể biểu lộ cả trên cõi trần hoặc trên cõi trung giới; nhưng y chỉ có thể biểu lộ theo mức độ mà chính chon nhon có thể đạt được trong cõi đặc thù đó trong vũ trụ. Điều y có thể biểu lộ về bản thân y ở cõi trần bị hạn chế bởi thể xác; điều y có thể biểu lộ về bản thân y ở cõi trung giới bị hạn chế bởi thể vía; vì vậy khi chúng ta vươn lên học hỏi về các cõi cao hơn, chúng ta sẽ thấy rằng Chon Nhon có thể tự biểu lộ ngày càng nhiều khi bản thân y phát triển

trong sự tiến hóa của mình, và cũng dần dần đưa các hiện thể tâm thức đến mức hoàn hảo ngày càng cao hơn.

Khi chúng ta tiến vào những địa hạt tương đối đi ngược lại và đa số không được biết đến thì có thể là tốt để nhắc nhở độc giả rằng ở đây không có sự khẳng định trình bày sự hiểu biết không thể sai lầm hoặc khả năng quan sát hoàn hảo. Những sai lầm trong quan sát và suy diễn có thể xảy ra trên các cõi cao hơn cõi trần cũng như ngay trên cõi trần, và ta nên luôn luôn ghi nhớ khả năng này. Khi sự hiểu biết tăng lên và sự rèn luyện được lâu dài, việc đạt đến sự chính xác càng ngày càng nhiều, và những sai lầm như thế sẽ dần dần bị loại bỏ. Nhưng vì tác giả cũng chỉ là một đạo sinh, nên có thể phạm những lỗi lầm và cần sự hiệu đính trong tương lai. Những sai lầm này có thể len lỏi vào những vấn đề chi tiết nhưng sẽ không đụng chạm tới những nguyên tắc chung và cũng không làm mất hiệu lực những kết luận chính yếu.

Trước hết hãy hiểu rõ cụm từ cõi trung giới tức cõi tinh tú. Cõi trung giới là một cõi xác định trong vũ trụ, bao xung quanh và xuyên qua cõi trần, nhưng sự quan sát bình thường của chúng ta không thể nhận thức được nó vì nó được cấu tạo bằng một cấp độ vật chất khác. Nếu ta lấy cục vi tử hồng trần rồi phân rã nó ra thì nó sẽ bị biến mất xét theo quan điểm của cõi trần; nhưng ta lại thấy nó bao gồm nhiều hạt thuộc loại thô trực nhất của vật chất trung giới tức là chất đặc của cõi tinh tú (the astral world).<sup>(1)</sup> Chúng ta đã thấy có

---

<sup>1</sup> [Thuật ngữ “astral”, có nghĩa tinh tú, không phải là từ ngữ thích hợp lắm, nhưng người ta đã dùng nó trong biết bao nhiêu thế kỷ để biểu thị loại vật chất siêu vật lý cho đến nỗi bây giờ khó mà trục xuất nó đi đâu được. Có lẽ thoát tiên các quan sát viên đã chọn dùng cụm từ này do vật chất cõi trung giới có vẻ chiếu sáng so với

bảy phụ cảnh của vật chất cõi trần – chất đặc, chất lỏng, chất khí và bốn chất dĩ thái – dựa theo đó mà phân loại thành vô số hợp chất, tạo thành cõi hồng trần. Cùng một cách như thế chúng ta cũng có bảy phụ cảnh của vật chất trung giới tương ứng với cõi trần và dựa theo đó mà phân loại thành vô số hợp chất, tạo thành cõi trung giới. Mọi nguyên tử của cõi trần đều có vỏ bao của chúng bằng chất trung giới, như vậy chất trung giới tạo thành cái mà ta có thể gọi là cái dạ con (matrix) của chất hồng trần, chất hồng trần được ôm trong chất trung giới. Chất trung giới được dùng với vai trò một hiện thể cho Jīva, Sự Sống Duy Nhất (the One Life) đang kích hoạt vạn vật, và bằng vào những dòng chất trung giới của Jīva bao quanh, nâng đỡ và nuôi dưỡng mỗi phân tử chất hồng trần, các dòng Jīva làm nảy sinh ra không chỉ cái thường được gọi là sinh lực mà còn làm nảy sinh ra mọi năng lượng điện, từ, hóa học và các năng lượng khác, lực hấp dẫn, lực cố kết, lực đẩy và mọi thứ tương tự, tất cả chúng đều là những biến phân của Sự Sống Duy Nhất, trong đó vũ trụ boi lượn như cá boi trong biển. Xuất phát từ cõi trung giới, nhờ đó thâm nhập mật thiết vào cõi hồng trần, Jīva chuyển sang chất dĩ thái của cõi hồng trần, rồi chất dĩ thái trở thành hiện thể của mọi thứ lực này đối với các phân cảnh thấp của vật chất hồng trần, nơi mà chúng ta quan sát được tác động của chúng. Nếu chúng ta tưởng tượng cõi hồng trần bị xóa khỏi sự hiện tồn mà không có bất cứ thay đổi nào khác được tạo ra, chúng ta sẽ vẫn có một bản sao hoàn chỉnh của nó trong chất trung giới; và nếu

---

vật chất cõi trần. Về trọn cả đề tài này, tôi khuyên đạo sinh nên đọc quyển Cẩm nang số 5, "*Cõi Trung Giới*" của tác giả C. W. Leadbeater].

chúng ta tưởng tượng xa hơn nữa là mọi người đều được phú cho năng lực hoạt động trong cõi trung giới, thì thoát tiên những người nam nữ đó sẽ không biết về bất cứ sự khác biệt nào trong môi trường xung quanh; những người “chết” mà thức tỉnh ở các cảnh giới thấp của cõi trung giới thường nhận thấy họ vẫn như thế nên tin rằng họ vẫn còn sống trên cõi hồng trần. Vì hầu hết chúng ta đều chưa mở được nhãn quan trung giới cho nên cần phải áp đặt thực tại tương đối của cõi trung giới này như một phần của vũ trụ hiện tượng, để thấy nó với nhãn quan cõi trí nếu không thấy được với nhãn quang cõi trung giới. Nó có thật như cõi hồng trần – thật ra thì nó có thật hơn vì không quá xa với Thực Tại Duy Nhất (the One Reality); các hiện tượng của nó vẫn mở cho năng lực quan sát thành thạo chẳng khác nào các hiện tượng thuộc cõi trần. Cũng giống như ở dưới đây, một người mù không thể thấy được các vật trên cõi trần, và còn nhiều vật chỉ có thể quan sát được nhờ vào các dụng cụ – như kính hiển vi, phổ kế v.v... – cõi trung giới cũng giống như thế. Những người mù đối với cõi trung giới không thể thấy các vật thuộc cõi trung giới một chút nào, và nhãn quan bình thường của cõi trung giới, hay thần nhãn (clairvoyance), cũng không thấy được nhiều sự vật. Nhưng ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, nhiều người đã có thể phát triển các giác quan của thể vía và đang phát triển chúng đến một mức khiến cho họ có thể tiếp nhận các rung động tinh anh hơn của cõi trung giới. Những người này thật ra có thể phạm nhiều lầm lỗi giống như một đứa trẻ phạm sai lầm khi nó bắt đầu sử dụng các giác quan của thể xác; nhưng khi có kinh nghiệm nhiều hơn thì họ sẽ sửa chữa các sai lầm đó, và sau một thời gian thì họ có thể thấy và nghe trên cõi trung giới cũng chính xác như trên cõi hồng trần. Ta không nên thúc đẩy sự phát triển này bằng

những phương tiện nhân tạo, vì chỉ đến khi một số sức mạnh thể chất đã được khai mở, thì khi đó cõi hồng trần mới sẵn sàng cũng như mới có thể được kiểm soát một cách thích hợp, và sự xâm nhập các hình ảnh, âm thanh và các hiện tượng thông thường thuộc cõi trung giới dễ gây ra xáo trộn, thậm chí còn đáng báo động nữa. Nhưng thời cơ sẽ đến khi trình độ này đạt được và khi thực tại tương đối của bộ phận trung giới thuộc cõi vô hình được mang vào trong ý thức tinh.

Muốn làm như thế thì không chỉ cần có một thể vía, như tất cả chúng ta đều có, mà thể vía cần có cấu tạo toàn vẹn và hoạt động tốt, tâm thức quen hành động trong nó chứ không chỉ tác động lên thể xác thông qua nó. Mọi người đều thường xuyên hoạt động thông qua thể vía nhưng tương đối có ít người hoạt động trong thể vía khi nó tách ra khỏi thể xác. Nếu không có sự tác động phổ biến thông qua thể vía thì sẽ không có sự liên kết giữa ngoại giới với cái trí của con người, sẽ không có sự liên kết giữa những ấn tượng tác động lên giác quan của thể xác với nhận thức của cái trí về chúng. Sự tác động trở thành một cảm giác nơi thể vía, và rồi được cái trí nhận thức. Thể vía, nơi có các trung tâm cảm giác, thường được gọi là con người cảm dục, cũng như chúng ta có thể gọi thể xác là con người hồng trần; nhưng cố nhiên nó chỉ là một hiện thể – một lớp vỏ theo cách gọi của môn đồ phái Vedanta – chính chơn nhơn hoạt động trong nó, và thông qua thể vía mà chơn nhơn đến được với hiện thể thô trực hơn, là thể xác, và thể xác cũng đến được với chơn nhơn.

Về cấu tạo của thể vía thì nó được làm bằng chất liệu của bảy phụ cảnh cõi trung giới, và có thể rút ra những chất liệu thô trực hơn hoặc thanh bai hơn từ mỗi phụ cảnh đó. Thật dễ dàng để phác họa một người trong một thể vía hoàn

chính; bạn có thể tưởng tượng y rời bỏ thể xác và đứng lên trong một bản sao tỏa sáng và tinh anh hơn của thể xác, giống hệt thể xác, thấy được bởi thị giác thông linh mặc dù vô hình đối với thị giác bình thường. Tôi có nói là “một thể vía hoàn chỉnh” bởi vì một người chưa phát triển thì trong thể vía của y phô bày ra một dáng vẻ rất sơ khai. Các đường nét của nó không xác định, vật liệu của nó mờ đục và mất trật tự, nếu bị xuất ra khỏi thể xác thì nó chỉ là một đám mây trôi nổi không hình dạng, rõ ràng là không thích hợp để đóng vai trò là một hiện thể độc lập; thật ra thì nó giống như một mảnh vật chất trung giới hơn là một thể vía có tổ chức – một khối nguyên sinh chất trung giới của một loại a míp. Một thể vía hoàn chỉnh ám chỉ là một người đã đạt được một trình độ khá cao về mở mang trí tuệ hoặc tăng trưởng tâm linh khiến cho dáng vẻ của thể vía biểu thị sự tiến bộ mà chủ nó đã làm; do sự rõ ràng về đường nét, độ sáng của vật liệu, và sự hoàn hảo trong cấu tạo của nó nên người ta có thể đánh giá được trình độ tiến hóa đã đạt được của Chon ngã đang sử dụng nó.

Xét về vấn đề cải thiện nó – một vấn đề quan trọng đối với tất cả chúng ta – phải nhớ rằng *sự cải thiện thể vía xoay quanh một mặt là thanh lọc thể vật lý, và mặt kia là thanh lọc và phát triển thể trí*. Thể vía đặc biệt nhạy cảm với những ấn tượng đến từ tư tưởng vì chất trung giới đáp ứng với mọi xung lực xuất phát từ cõi trí tuệ nhanh hơn chất hồng trần. Chẳng hạn, nếu chúng ta nhìn vào cõi trung giới thì chúng ta nhận thấy nó có đầy những hình thể liên tục biến đổi; chúng ta thấy các “hình tư tưởng” ở đó – những hình thể bằng chất tinh hoa ngũ hành (elemental essence) và được tư tưởng làm cho sinh động – và chúng ta cũng để ý thấy có những kết khối rất lớn chất tinh hoa ngũ hành, từ khối này, các hình tượng liên tục xuất lộ rồi chúng lại biến mất vào đó; khi quan



sát cẩn thận, chúng ta có thể thấy rằng các dòng tư tưởng kích động chất trung giới này, những tư tưởng mạnh mẽ tạo lớp vỏ với chất trung giới và duy trì như các thực thể trong một thời gian dài; trong khi những tư tưởng yếu ớt khoắc lên một lớp vỏ mỏng mảnh rồi lại lưỡng lự thoát ra, làm cho khắp cõi trung giới những thay đổi diễn ra liên tục do các xung lực tư tưởng. Thể vía của con người, do được cấu tạo bằng chất trung giới, cho nên cũng chia sẻ tính chất sẵn sàng đáp ứng với tác động của tư tưởng và rung động đáp ứng với mỗi tư tưởng tác động lên nó, bất kể những tư tưởng đến từ bên ngoài, từ cái trí của những người khác, hoặc đến từ bên trong, từ cái trí của chủ nó.

Chúng ta hãy nghiên cứu thể vía dưới tác động từ bên trong và từ bên ngoài. Chúng ta thấy thể vía thấm nhuần thể xác và lan ra xung quanh nó theo mọi hướng giống như một đám mây đầy màu sắc. Màu sắc thay đổi theo bản chất của con người, theo bản chất đám mê nhục dục thấp kém của y, và phần ló ra bên ngoài thể xác được gọi là hào quang thể vía (the kāmīc aura) vì nó thuộc về thể Kāma hay thể dục vọng mà ta thường quen gọi là thể vía (the astral body) của con người<sup>1</sup>. Đó là vì thể vía vốn là hiện thể của tâm thức cảm

---

<sup>1</sup> Việc tách rời “hào quang” khỏi con người cứ như nó là một cái gì khác với bản thân y, làm sai lạc ý nghĩa, mặc dù rất rõ ràng như vậy khi quan sát. Theo ngôn ngữ thông thường thì “hào quang” là đám mây bao xung quanh thể xác; thật vậy con người sống trên nhiều cõi khác nhau trong những lớp áo thích hợp với mỗi cõi, và tất cả các lớp áo hoặc hạ thể này đều thấu nhập vào nhau; lớp áo thấp nhất và nhỏ nhất trong số này được gọi là “thể xác”, còn chất hỗn hợp của các lớp áo

dục của con người, là chỗ trú của tất cả những ham muốn và những xúc cảm nhục dục, và như ta đã nói, là *trung tâm của các giác quan*, nơi mọi cảm giác khởi lên. Nó không ngừng thay đổi màu sắc khi nó rung động dưới tác động của tư tưởng; nếu một người mất bình tĩnh, thì các tia chớp lóe màu đỏ thẫm xuất hiện; nếu y cảm thấy yêu thương, thì màu đỏ hường rung động xuyên qua thể vía. Nếu tư tưởng của con người cao siêu và cao thượng thì chúng đòi hỏi vật chất trung giới tinh anh hơn để đáp ứng với chúng, và chúng ta truy nguyên tác động này trên thể vía qua việc nó bị mất đi những hạt thô trọc hơn của mỗi phụ cảnh, và thu nhận các hạt thuộc loại hiếm và tinh anh hơn. Thể vía của một người mà những tư tưởng của y thấp hèn và đầy nhục dục, thì thô kệch, dày đặc và có màu sẫm – thường thường thì nó dày đặc đến nỗi chính đường nét của thể xác hầu như cũng bị chìm khuất trong nó – trong khi đó thể vía của một người tiến hóa lại thanh mảnh, trong trẻo, chói sáng và có màu sắc dịu nhạt – là một vật thật sự đẹp đẽ. Trong trường hợp đó các đam mê thấp hèn đã được chế ngự và hoạt động có tuyển chọn của cái trí đã tinh lọc chất liệu thể vía. Vậy thì, *bằng sự suy nghĩ cao thượng, chúng ta tinh luyện thể vía*, ngay cả khi làm việc không chủ tâm hướng về mục đích đó. Và hãy nhớ rằng hoạt động nội tâm này rèn luyện nên (exercises) một tác dụng đầy hiệu quả trên những tư tưởng từ bên ngoài bị thu hút vào thể vía; một người quen đáp ứng với những tư tưởng xấu xa thì thể vía do y tạo ra đóng vai trò như một nam châm thu hút

---

khác được gọi là hào quang khi chúng ló ra bên ngoài thể xác đó. Vậy thì hào quang thể vía chẳng qua chỉ là phần của thể vía ló ra bên ngoài thể xác.

những hình tư tưởng tương tự ở xung quanh nó, trong khi đó một thể vía thanh khiết đẩy những tư tưởng tà vạy ra và thu hút về nó những hình tư tưởng làm bằng chất liệu phù hợp với chất liệu riêng của nó.

Như đã nói ở trên, thể vía một mặt xoay về phía thể xác và chịu ảnh hưởng bởi sự thanh khiết hoặc thiếu thanh khiết của thể xác. Chúng ta đã thấy rằng các chất đặc, chất lỏng, chất khí và chất dĩ thái cấu tạo nên thể xác có thể thô trực hoặc tinh khiết, thô thiên hoặc thanh bai. Đến lượt bản chất của chúng lại ảnh hưởng tới bản chất của các lớp vỏ bằng chất trung giới tương ứng của chúng. Nếu vì cấu tạo một cách thiếu khôn ngoan đối với thể xác, chúng ta đưa vào trong các hạ thể của mình những hạt chất rắn thuộc loại không tinh khiết, chúng ta thu hút về chính chúng ta loại không tinh khiết tương ứng của cái mà chúng ta gọi là chất đặc cõi trung giới. Mặt khác, khi chúng ta đưa vào trong thể xác những hạt chất đặc thuộc loại tinh khiết hơn, chúng ta thu hút loại thanh khiết hơn tương ứng của chất đặc trung giới. Khi ta tiến hành việc thanh tẩy thể xác bằng cách cấp dưỡng cho nó đồ ăn thức uống trong sạch, bằng cách loại ra khỏi chế độ ăn uống của chúng ta các loại thực phẩm gây ô nhiễm – máu động vật, rượu và những thứ khác dơ bẩn và gây thoái hóa – chúng ta chẳng những cải thiện hiện thể hồng trần của tâm thức mà chúng ta cũng bắt đầu tinh luyện thể vía và lấy những vật liệu thanh bai và tinh khiết hơn từ cõi trung giới để kiến tạo nó. Hiệu quả của việc này không chỉ quan trọng xét về kiếp sống trần thế hiện nay mà nó cũng có ảnh hưởng rõ rệt tới tình trạng sau khi chết sắp tới – như chúng ta sẽ thấy sau này, tới việc tạm trú nơi cõi trung giới, cũng như tới loại hiện thể mà chúng ta sẽ có trong kiếp lai sinh nơi trần thế.

Chẳng phải chỉ có thể thôi đâu: những loại thực phẩm tồi tệ còn thu hút về thể vía các thực thể thuộc loại tinh quái của cõi trung giới, vì chúng ta không chỉ dính dáng tới chất liệu cõi trung giới mà còn phải giao tiếp với cái được gọi là tinh linh ngũ hành của cõi này nữa. Đây là những thực thể thuộc loại cao siêu và thấp hèn sống trên cõi đó, do tư tưởng của con người sinh ra; trên cõi trung giới cũng còn có những người sa đọa bị giam hãm trong thể vía của mình mà ta gọi là các âm ma (elementaries). Các tinh linh ngũ hành bị thu hút về phía những người có thể vía phù hợp với bản chất của chúng, trong khi các âm ma tự nhiên là đi kiếm những người đắm chìm trong trụy lạc giống như chính họ đã từng như vậy khi còn ở trong xác phàm. Khi tản bộ dọc theo những đường phố ở Luân đôn, bất cứ người nào được trời phú cho nhãn thông trung giới đều trông thấy những bày tinh linh ngũ hành đáng ghê tởm bu quanh các cửa hàng bán thịt của chúng ta; còn các âm ma lại đặc biệt tụ tập ở các quán bán bia và những bar bán rượu mạnh, chúng dự tiệc trong những mùi hôi hám bốc ra từ các loại rượu, và khi có thể là chúng nhập ngay vào xác của những bọm nhậu đó. Các sinh vật này bị thu hút bởi những người kiến tạo các thể của họ từ các vật liệu này, và những người như thế có những môi trường xung quanh này (gồm tinh linh và âm ma -ND) như một phần cuộc sống trung giới của họ. Việc này diễn ra trên mỗi cấp độ cõi trung giới như thế. Khi chúng ta thanh tẩy thể xác, theo đó, chúng ta rút vào trong chúng ta chất liệu cõi trung giới ở những cấp độ tinh khiết.

Bây giờ, dĩ nhiên là các khả năng của thể vía tùy thuộc phần lớn vào bản chất của các vật liệu mà chúng ta đưa vào trong nó; bởi vì trong quá trình tinh lọc, chúng ta làm cho các thể này càng ngày càng tinh anh hơn, chúng không còn rung

động đáp ứng với những sự thôi thúc thấp kém và bắt đầu đáp ứng với những tác động cao hơn của cõi trung giới. Vậy là chúng ta đang tạo ra một công cụ, dù chính bản chất của nó nhạy cảm với những ảnh hưởng đến với nó từ bên ngoài, dần dần mất đi khả năng hưởng ứng với những rung động thấp và phát triển khả năng đáp ứng với những rung động cao hơn – một nhạc cụ được tinh chỉnh để chỉ rung động với các nốt nhạc cao hơn mà thôi. Như khi chúng ta có thể lấy một dây đàn để tạo ra một rung động đồng cảm, bằng cách chọn đường kính, chiều dài và sức căng của dây đàn nhằm vào mục đích đó, cũng vậy chúng ta có thể tinh chỉnh thể vía của chúng ta để phát ra những rung động đồng cảm khi có những hòa âm cao thượng trôi lên ở thế giới xung quanh chúng ta. Đây không chỉ là vấn đề thuộc về suy đoán hoặc lý thuyết; nó là một vấn đề thuộc về thực tại khoa học. Như ở cõi trần chúng ta tinh chỉnh sợi dây đàn, cũng vậy trên cõi trung giới, chúng ta có thể tinh chỉnh những dây đàn của thể vía; luật nhân quả ở cõi đó vẫn đúng như ở cõi này, chúng ta kêu cầu tới định luật, chúng ta ẩn náu nơi định luật và chúng ta trông cậy vào định luật. Tất cả những gì chúng ta cần là kiến thức và quyết tâm đưa kiến thức vào thực hành. Trước hết bạn có thể xem kiến thức này, và thử nghiệm trên nó nếu bạn muốn, như chỉ là một giả thuyết, phù hợp với những sự kiện mà bạn đã biết nơi hạ giới; sau này khi bạn thanh tẩy thể vía, giả thuyết sẽ biến thành kiến thức; nó sẽ là một vấn đề mà chính bạn trực tiếp quan sát, vì thế bạn sẽ có thể chứng thực những lý thuyết mà lúc đầu bạn chỉ chấp nhận như giả thuyết đang nghiên cứu.

Vậy thì những khả năng của chúng ta trong việc làm chủ cõi trung giới và trở nên thật sự hữu dụng ở đó phụ thuộc trước nhất vào quá trình thanh tẩy này. Có những

phương pháp nhất định của khoa Yoga sẽ giúp xúc tiến sự phát triển các giác quan của thể vía theo một phương cách lành mạnh và hợp lý, nhưng không có chút ích lợi nào để cố gắng dạy dỗ những phương pháp này cho bất cứ ai chưa dùng tới những cách thanh tẩy đơn giản sơ khởi này. Một kinh nghiệm thông thường là người ta rất nóng lòng để thử một phương pháp tiến bộ mới mẻ và bất thường nào đó, nhưng thật uổng công khi dạy Yoga cho những người thậm chí chưa thực hành những giai đoạn chuẩn bị này trong đời sống bình thường. Giả sử người ta bắt đầu dạy một hình thái Yoga rất đơn giản nào đó cho một người thường chưa được chuẩn bị; y sẽ tha thiết và nhiệt tình tiếp nhận nó vì nó mới, vì nó lạ, vì y hi vọng có những kết quả rất nhanh chóng, và y đã thực hành nó chưa được một năm thì y đã cảm thấy mệt mỏi vì sự căng thẳng thường xuyên của nó trong đời sống hằng ngày và nản lòng vì không thấy có hiệu quả tức thì; vì không quen với nỗ lực bền bỉ, được duy trì đều đặn từ ngày này sang ngày khác, y sẽ kiệt sức và bỏ dở việc thực hành; cái điều mới lạ đã cũ rích, sự chán nản chẳng bao lâu sẽ tự khẳng định. Nếu một người không thể hoặc không muốn hoàn thành cái nhiệm vụ đơn giản và tương đối dễ dàng là thanh tẩy thể xác và thể vía bằng cách dùng một sự tự hạn chế tạm thời để phá vỡ gông cùm của những thói quen xấu trong việc ăn và uống, thật là vô ích khi y lại khao khát những quá trình khó khăn hơn do bị hấp dẫn bởi sự mới lạ của chúng, nhưng chẳng bao lâu, y sẽ bỏ cuộc vì gánh nặng quá sức đó. Ngay cả việc nói tới những phương pháp đặc biệt thì cũng phí công chừng nào ta chưa thực hành được những phương pháp nhỏ bé thông thường này trong một thời gian nào đó; nhưng sau khi đã thanh tẩy thì những khả năng mới sẽ bắt đầu tự bộc lộ ra. Đạo sinh sẽ thấy tri thức dần dần tuôn vào trong y, thì

giác sắc bén sẽ thức tỉnh, các rung động đến với y từ mọi phía, khơi dậy nơi y sự đáp ứng mà y không thể nào làm được trong lúc còn mù quáng và trì độn. Chẳng sớm thì muộn, tùy theo Karma (Nghiệp quả – ND) trong quá khứ của y, kinh nghiệm này sẽ trở thành của y, và cũng như một đứa trẻ đã nắm vững những khó khăn của bộ chữ cái, thích thú với quyển sách mà nó có thể đọc được, cũng vậy, đạo sinh sẽ thấy kiến thức của y sẽ tới và ở dưới những khả năng kiểm soát của y mà y không mơ thấy được khi còn sống cầu thả, những viễn cảnh mới về tri thức mở ra trước mắt y, một vũ trụ rộng lớn hơn trải ra ở mọi phía.

Nếu bây giờ, trong chốc lát, chúng ta nghiên cứu thể vía về những hoạt động của nó trong trạng thái thức và ngủ, chúng ta sẽ có thể dễ dàng và nhanh chóng thẩm định những chức năng của nó khi nó trở thành một hiện thể của tâm thức tách rời khỏi thể xác. Nếu chúng ta nghiên cứu một người khi y thức và khi y ngủ, chúng ta sẽ nhận biết một sự thay đổi rất đáng kể trong thể vía; khi y đang thức thì các hoạt động của thể vía – những màu sắc biến đổi v.v. . . – tất cả chúng tự biểu lộ ở trong và ngay lập tức xung quanh thể xác; nhưng khi y đang ngủ thì hai thể đã tách rời nhau, và chúng ta thấy thể vật lý – xác phàm và thể phách – nằm cạnh nhau trên giường trong khi thể vía trôi trong không khí bên trên hai thể này<sup>(1)</sup>. Nếu người mà chúng ta đang nghiên cứu là người phát triển tầm thường thì thể vía khi tách rời khỏi thể xác chỉ là một khối hơi kỳ dị như đã được mô tả trước đây; nó không thể rời xa khỏi thể xác, nó là một hiện thể vô ích của tâm thức và con

---

<sup>1</sup> Xem các bài viết về “Giác Mơ” đã được nói tới trước đây để có được sự mô tả đầy đủ hơn.

người bên trong nó đang ở tình trạng mơ màng rất lơ mơ vì không quen hoạt động bên ngoài thể xác; thật vậy, có thể nói y hầu như là đang ngủ vì thiếu phương tiện mà y đã quen làm việc thông qua đó, cho nên y không thể tiếp nhận những ấn tượng rõ rệt nào từ cõi trung giới hoặc tự biểu lộ rõ ràng qua thể vía có tổ chức kém cõi. Các trung tâm cảm giác trong thể vía có thể chịu ảnh hưởng của những hình tư tưởng thoáng qua, và ở bên trong thể vía, y có thể đáp ứng với những kích thích khơi dậy bản chất thấp kém; nhưng toàn thể ấn tượng đưa đến cho người quan sát là một người đang ngủ và lơ mơ, thể vía không có hoạt động rõ ràng, trôi nổi vờ, vật vờ phía trên thể xác đang ngủ. Nếu có điều gì xảy ra có khuynh hướng dẫn dắt hoặc lái nó đi ra xa khỏi đối tác vật lý của nó thì thể xác sẽ thức tỉnh và thể vía lại nhanh chóng nhập vào thể xác. Nhưng nếu người được quan sát phát triển hơn nhiều, với tư cách là một người đã quen hoạt động trong cõi trung giới và quen dùng thể vía cho mục đích đó, khi thể xác ngủ và thể vía thoát ra khỏi thể xác thì chúng ta sẽ thấy chính người đó ở trước chúng ta với ý thức đầy đủ, thể vía có những đường nét rõ ràng và có tổ chức xác định, nó giống hệt như người ấy và người này có thể sử dụng nó làm một hiện thể – một hiện thể tiện lợi hơn nhiều so với thể xác. Y hoàn toàn tỉnh táo, và hoạt động tích cực hơn nhiều, chính xác hơn, với khả năng hiểu biết rộng rãi hơn so với khi y bị giam giữ trong hiện thể vật lý trọng trực hơn (thể xác – ND), và y có thể di chuyển đây đó tự do và với sự nhanh chóng vô cùng ở bất cứ khoảng cách nào, không gây ra chút nào động nào tới thể xác đang nằm ngủ trên giường.

Nếu người đó chưa học cách liên kết thể vía với thể xác lại với nhau, nếu có một chỗ gián đoạn trong tâm thức khi thể vía thoát ra lúc y ngủ, thì, trong khi y hoàn toàn tỉnh thức và



có ý thức đầy đủ trên cõi trung giới, y sẽ không thể tạo ấn tượng lên bộ óc hồng trần về những gì y đã làm trong thời gian y vắng mặt (ở ngoài thể xác - ND) khi y trở về với hiện thể trọng trước của y; trong những tình huống này, ý thức "lúc tỉnh" của y – do thói quen đặt tên ấy cho hình thái ý thức hạn hẹp nhất của chúng ta – sẽ không chia sẻ được kinh nghiệm của chon nhon trên cõi trung giới, chẳng phải vì chon nhon không biết điều đó mà vì cơ cấu vật lý (thể xác - ND) quá trọng trước nên không tiếp nhận được những ấn tượng này từ chon nhon. Đôi khi lúc thể xác thức dậy, có một cảm giác một điều gì đó đã được kinh nghiệm mà không còn lại ký ức nào về điều đó; thế nhưng chính cái cảm giác này chứng tỏ rằng có một hoạt động tâm thức nào đó trên cõi trung giới khi ở ngoài thể xác, mặc dù bộ óc không đủ khả năng tiếp thu để có cho dù chỉ một ký ức mờ nhạt về những gì đã xảy ra. Vào những lúc khác, khi thể vía trở về nhập xác thì chon nhon lại thành công trong việc gây một ấn tượng tạm thời lên thể phách và xác phàm, và khi xác phàm thức dậy thì có một ký ức sống động về một kinh nghiệm đã có được trong cõi trung giới; nhưng ký ức này nhanh chóng tiêu tan đi và không thể nhớ lại được, càng cố gắng nhớ lại thì lại càng thất bại, vì mỗi nỗ lực đều tạo ra những rung động mạnh trong óc phàm và lại càng đè bẹp những rung động tinh anh của thể vía. Hoặc thêm nữa, con người có thể thành công khi ghi khắc kiến thức mới vào óc phàm mà không thể truyền đạt được ký ức về nơi chốn hoặc cách thức để có kiến thức đó; trong những trường hợp ấy, các ý tưởng sẽ trôi lên trong ý thức tỉnh táo cứ như thể nó tự phát nảy sinh ra, những lời giải sẽ đến đôi với những bài toán trước kia không hiểu được, ánh sáng sẽ rọi lên những vấn đề trước kia còn tối tăm. Khi điều này xảy ra, đó là dấu hiệu đáng khích lệ của sự

tiến bộ, chúng tỏ rằng thể vía có tổ chức tốt và đang hoạt động tích cực nơi cõi trung giới, mặc dù sự tiếp nhận của thể xác vẫn còn rất hạn chế. Tuy nhiên đôi khi con người thành công trong việc làm cho bộ óc phàm đáp ứng, và bấy giờ chúng ta có cái được coi là một giấc mơ rất sống động, hợp lý và mạch lạc, cái loại giấc mơ mà hầu hết những người biết suy tư đã thỉnh thoảng nếm trải, trong đó họ cảm thấy linh hoạt hơn, chứ không kém hơn, so với khi “tỉnh táo”, và trong giấc mơ đó họ thậm chí có thể tiếp thu kiến thức hữu ích cho họ trong cuộc sống ở cõi trần. Mọi thứ này đều là các giai đoạn tiến bộ đánh dấu sự tiến hóa và cải thiện cấu tạo của thể vía.

Nhưng mặt khác việc hiểu như thế này thì thật tốt, đó là những người đang có tiến bộ thật sự và thậm chí nhanh chóng nữa về tâm linh, có thể hoạt động gần như tích cực và hữu ích trên cõi trung giới, nhưng khi về trở lại thể xác lại không in được vào trong bộ óc một ký ức mỏng manh nhất nào về công việc mình đã dần thân vào, mặc dù trong ý thức nơi hạ giới, họ có thể biết được một sự giác ngộ đang luôn luôn tăng trưởng và kiến thức về chân lý tinh thần đang mở rộng. Có một sự thật mà mọi đạo sinh nên coi là một chuyện khích lệ và họ có thể đặt đức tin vào đó cho dù ký ức trong óc phàm của họ vẫn trống rỗng về những kinh nghiệm siêu hồng trần: *khi chúng ta học để làm việc ngày càng nhiều vì người khác, khi chúng ta cố gắng để trở nên ngày càng hữu ích cho thế gian, khi chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn và đều đặn hơn trong sự tận tụy của chúng ta đối với các bậc Huynh trưởng của nhân loại, và tha thiết ra sức thực thi hoàn hảo phân chia sẻ nhỏ bé của ta trong công trình vĩ đại của các Ngài, chắc chắn chúng ta đang phát triển thể vía và khả năng hoạt động trong nó, điều đó khiến chúng ta thành người phụng sự hữu hiệu hơn; cho dù óc phàm có nhớ*

hay không nhớ, chúng ta vẫn rời bỏ cái nhà tù thể xác trong giấc ngủ say để làm việc theo những đường lối hoạt động hữu ích trên cõi trung giới, giúp đỡ những người mà chúng ta không thể đến với họ theo cách thức khác được, trợ giúp và an ủi theo những phương thức mà chúng ta không thể làm theo cách khác được. Sự tiến hóa này đang diễn ra với những người có tâm trí thanh khiết, tư tưởng cao thượng, với trái tim mong muốn phụng sự. Họ có thể làm việc nhiều năm trên cõi trung giới mà không mang ký ức trở lại cho ý thức nơi hạ giới của họ, và có thể vận dụng những khả năng làm lợi ích cho thế gian vượt xa mức bất kỳ thứ gì mà họ cho rằng họ có thể làm được: đối với họ khi Karma cho phép, tâm thức đầy đủ không bị gián đoạn sẽ đến, nó tùy ý qua lại giữa cõi trần và cõi trung giới; cái cầu sẽ được bắc qua để cho ký ức băng qua từ cõi này sang cõi kia một cách dễ dàng, nhờ đó con người trở về sau những hoạt động của y ở cõi trung giới sẽ mặc lại bộ y phục vật chất của y mà không mất một chút ý thức nào hết. Đây là điều chắc chắn trong tương lai đối với tất cả những người chọn cuộc đời phụng sự. Một ngày kia họ sẽ đạt được sự liên tục tâm thức này; và lúc bấy giờ đối với họ cuộc đời không còn bao gồm những ngày của công việc được ghi nhớ và những đêm của công việc bị quên lãng, nhưng nó sẽ là một tổng thể liên tục, thể xác được đặt qua một bên để có sự nghỉ ngơi cần thiết cho nó, trong khi chơn nhơn sử dụng thể vía để làm việc trên cõi trung giới; lúc bấy giờ họ sẽ giữ những liên kết tư tưởng không bị gián đoạn, vẫn biết khi họ rời bỏ xác, vẫn biết khi họ đang thoát ra khỏi xác, vẫn biết sự sống của họ bên ngoài thể xác, vẫn biết khi họ lại trở về nhập xác; như vậy, hết tuần này sang tuần khác, hết năm này sang năm khác, họ sẽ duy trì cái ý thức không mệt mỏi, không bị gián đoạn, nó cho họ sự tin chắc tuyệt đối về sự tồn

tại của Chon ngã, về sự thật là thể xác chỉ là y phục mà họ mặc, mặc vào hoặc cởi ra tùy thích, và không phải là một công cụ cần thiết của tư tưởng và sự sống. Họ sẽ biết rằng vì vậy tách ra khỏi nó thì cần thiết cho cả tư tưởng lẫn sự sống, không có nó thì sự sống tích cực hơn nhiều, tư tưởng ít bị ràng buộc hơn nhiều.

Khi đã đạt tới giai đoạn này, con người bắt đầu hiểu được thế gian và cuộc sống riêng của y ở đó tốt hơn hẳn so với trước kia, bắt đầu nhận thức nhiều hơn về những gì còn ở phía trước của y, nhiều hơn về những khả năng cho một nhân loại tiến hóa hơn. Một cách chậm chạp y nhận thấy rằng, cũng như con người thoát tiên có ý thức trên cõi trần rồi mới có ý thức trên cõi trung giới, cũng vậy trái rộng nơi kia bên trên y những phạm vi ý thức khác và cao siêu hơn nhiều mà y có thể đạt được hết mức này tới mức khác, trở nên hoạt động trên các cõi cao, đi khắp những thế giới rộng lớn hơn, vận dụng những quyền năng bao la hơn, và tất cả với tư cách người tôi tớ của các Đấng Thiêng Liêng nhằm trợ giúp và phúc lợi của nhân loại. Lúc bấy giờ cuộc sống trên cõi trần bắt đầu mang đúng tầm vóc thật của nó, và không còn điều gì xảy ra nơi cõi trần có thể ảnh hưởng tới y giống như trước kia nữa, y đã biết một cuộc sống phong phú và viên mãn hơn, và cái chết không còn gây được tác dụng nào với y, cả nơi chính bản thân y hoặc nơi những người mà y muốn giúp đỡ. Cuộc sống trần thế mang cương vị đúng thật của nó là vai trò nhỏ bé nhất trong hoạt động của con người, và nó có thể không bao giờ tầm tối trở lại như trước kia vì ánh sáng của các cõi cao chiếu rọi xuống vào những góc ngách âm u nhất của nó.

Từ việc nghiên cứu chức năng và khả năng của thể vía, bây giờ chúng ta hãy trở lại để xét đến một vài hiện tượng liên quan tới nó. Thể vía có thể xuất hiện cho những người

khác thấy lúc nó lia ra khỏi thể xác, cả trong khi còn sống hoặc sau khi đã từ trần. Cố nhiên là một người đã chế ngự hoàn toàn thể vía thì có thể rời xác thân bất cứ lúc nào và đi tới thăm một người bạn ở xa. Nếu người được viếng thăm có thân nhân, nghĩa là đã phát triển được nhãn thông cõi trung giới, y sẽ trông thấy thể vía của bạn mình; bằng không thì khách viếng thăm có thể làm cho hiện thể của mình hơi thô đi một chút bằng cách thu hút vào đó các hạt vật chất cõi trần ở bầu không khí xung quanh, và như thế “hiện hình” (materialize) đủ để khiến cho mắt phàm trông thấy y. Đây là lời giải thích về nhiều sự hiện hình của những bạn bè ở xa, những hiện tượng thông thường hơn nhiều so với mức đa số người tưởng do sự kín miệng của những người nhút nhát vì sợ bị cười nhạo là mê tín dị đoan. May mắn thay sự e sợ này đã giảm đi, và nếu người ta có can đảm và lương tri để chỉ nói ra điều mà mình biết là đúng, chẳng bao lâu chúng ta sẽ có rất nhiều bằng chứng về sự hiện hình của những người có thể xác ở cách xa nơi mà thể vía của họ hiện ra. Trong một số trường hợp, thể vía này không dùng đến cách hiện hình mà vẫn được nhìn thấy bởi những người không luyện nhãn thông trung giới theo cách thông thường. Nếu hệ thần kinh của một người bị căng thẳng quá độ và thể xác của y ở trong tình trạng sức khỏe yếu, vì thế mà những mạch của sinh khí đập yếu hơn mức bình thường, hoạt động thần kinh phụ thuộc quá nhiều vào thể phách có thể bị kích động quá mức, và trong tình huống này người ấy có thể *nhất thời có thân nhân*. Chẳng hạn như một người mẹ biết con trai mình đang bị bệnh hiểm nghèo ở nước ngoài, và bị dày vò vì lo lắng cho con, vì thế bà có thể trở nên nhạy cảm với những rung động của cõi trung giới, nhất là trong những giờ vào ban đêm, lúc sinh khí ở mức thấp nhất. Trong tình huống đó, nếu con trai

bà đang nghĩ về bà, và xác phàm của y mê man, điều đó khiến cho y có thể tới thăm bà trong thể vía, và bà sẽ có thể nhìn thấy nó. Thường hơn thì một sự viếng thăm như thế chỉ được thực hiện khi một người vừa mới rũ bỏ xác phàm vào lúc chết. Những sự hiện hình này không hiếm hoi chút nào, nhất là khi người hấp hối có một ước muốn mãnh liệt đến với một người mà y có tình cảm mật thiết nhất, hoặc khi y muốn truyền đạt vài mẫu thông tin đặc biệt và đã từ trần mà chưa hoàn thành ước nguyện.

Nếu chúng ta theo dõi thể vía sau khi chết, khi thể phách cũng như thể xác đã bị rũ bỏ, chúng ta sẽ quan sát sự thay đổi hình thái của nó. Trong khi kết nối với thể xác, vật chất trung giới ở các phụ cảnh bị trộn lẫn với nhau, các loại thô trực và tinh anh xuyên vào nhau và trộn lẫn với nhau. Nhưng sau khi chết, sự tái sắp xếp diễn ra, các hạt thuộc các phụ cảnh khác nhau tách rời khỏi nhau, và như thường khi, chúng tự sắp xếp lại theo thứ tự với độ đậm đặc tương ứng của chúng, như vậy thể vía có vẻ như ở tình trạng bị xếp thành tầng, hoặc là trở thành một dãy các lớp vỏ đồng tâm trong đó lớp thô nhất ở ngoài cùng. Và ở đây ta lại gặp phải sự quan trọng của việc tinh luyện thể vía trong khi còn sống trên cõi trần, vì chúng ta thấy rằng sau khi chết, thể vía không thể tùy ý đi khắp cõi trung giới được nữa; cõi này có bảy phụ cảnh và con người bị giới hạn nơi phụ cảnh mà vật chất ở lớp vỏ bên ngoài của y phụ thuộc vào; khi lớp phủ ngoài cùng này tan rã, y mới thăng lên được phụ cảnh kế tiếp, và cứ thế tiếp tục hết phụ cảnh này đến phụ cảnh khác. Một người với khuynh hướng nhục dục và rất thấp kém có trong thể vía nhiều loại chất trung giới đậm đặc nhất và thô trực nhất, và điều này trì kéo y xuống cảnh thấp nhất của Kāmaloka (cõi trung giới – ND); chừng nào lớp vỏ này còn

chưa bị tan rã gần hết thì con người vẫn còn bị giam cầm trong vùng đó của cõi trung giới, và phải chịu đựng những phiền não của cái chốn không đáng mong muốn nhất ấy. Khi lớp vỏ ngoài cùng đã bị tan rã đủ để cho phép thoát ra thì con người mới chuyển qua cảnh kế tiếp của cõi trung giới, hay có lẽ nói chính xác hơn là y có thể tiếp xúc với những rung động của vật chất trung giới ở phụ cảnh kế tiếp, như vậy đối với y dường như là lọt vào một cõi khác; y ở đó cho tới khi lớp vỏ của phụ cảnh thứ sáu mòn hết và cho phép cuộc hành trình của y lên phụ cảnh thứ năm, sự lưu lại của y tại mỗi phụ cảnh tương ứng với độ đậm đặc của các phân tử đó trong bản tính của y, được thể hiện trong thể vía bằng số lượng vật chất thuộc về phụ cảnh đó. Vậy thì lượng vật chất của các cảnh thô càng nhiều bao nhiêu thì y càng lưu lại lâu dài bấy nhiêu trên các cảnh thấp của Kāmaloka, và ở đây (cõi trần – ND), ta càng loại bỏ được những yếu tố đó nhiều bao nhiêu thì sự trì hoãn ở bên kia cõi tử càng nhanh bấy nhiêu. Ngay cả khi các vật liệu thô không loại bỏ hoàn toàn được – cần phải có một quá trình lâu dài và gian khổ cho việc nhổ bỏ tận gốc rễ của chúng □ trong lúc sinh thời, tâm thức có thể được rút ra khỏi các đam mê thấp hèn một cách quá kiên trì cho đến nỗi chất liệu mà nhờ đó các đam mê thấp hèn đó có thể biểu lộ được, sẽ không còn hoạt động tích cực như một hiện thể của tâm thức nữa – sẽ trở nên *teo tóp đi*, vay mượn một từ ngữ tương tự ở cõi trần. Trong trường hợp như thế, mặc dù con người sẽ bị giữ lại một thời gian ngắn trên các cảnh thấp (của Kāmaloka –ND), y sẽ ngủ bình yên trong suốt các cảnh đó mà không cảm thấy những sự khó chịu của các cảnh đó; vì đã không còn tìm cách biểu lộ thông qua các loại vật chất ấy, tâm thức của y sẽ không thoát ra ngoài xuyên qua chúng để tiếp

xúc với những đối tượng có cấu tạo bằng loại vật chất đó trong cõi trung giới.

Một người đã thanh tẩy thể vía đến mức y chỉ giữ lại trong đó những thành phần tinh anh nhất và thanh khiết nhất của mỗi phụ cảnh – sẽ tức khắc chuyển sang vật chất của phụ cảnh kế tiếp bên trên nếu được nâng lên một trình độ nữa, thì hành trình đi xuyên qua Kamaloka của người đó thật sự nhanh chóng. Có một mức độ mà ta gọi là mức độ tới hạn giữa một cặp phụ cảnh của vật chất; nước đá có thể được nâng lên tới một mức độ, tại đó một sự gia tăng ít nhất của nhiệt sẽ biến nó thành chất lỏng; nước có thể được nâng lên tới một mức độ tại đó, sự gia tăng tiếp theo sẽ biến nó thành hơi nước. Cũng vậy, mỗi phụ cảnh của chất trung giới có thể được nâng lên tới một mức độ tinh anh, tại đó bất cứ sự tinh chế thêm vào sẽ biến đổi nó thành phân cảnh kế tiếp. Nếu ta thực hiện điều này cho mỗi phụ cảnh vật chất trong thể vía, nó đã được thanh luyện đến mức tinh vi tột độ, cho nên hành trình của nó xuyên Kāmaloka sẽ nhanh chóng phi thường và con người sẽ bay vút qua đó không chút trở ngại trong chuyển bay của y lên các cõi cao.

Còn một vấn đề khác liên quan tới việc thanh tẩy thể vía, cả bằng tiến trình thể xác lẫn tiến trình thể trí, đó là tác dụng của việc thanh tẩy như thế trên thể vía mới, và vào lúc thích hợp, thể vía mới sẽ được tạo ra để dùng cho kiếp sắp tới. Khi con người ra khỏi Kāmaloka (cõi trung giới – ND) để vào Devachan (cõi hạ trí – ND), y không thể mang theo vào đó các hình tư tưởng thuộc loại xấu xa; chất liệu trung giới không thể tồn tại nơi cảnh Devachan và chất liệu của Devachan không thể ứng đáp với những rung động thô kệch của các đam mê và ham muốn xấu xa. Vì vậy, khi cuối cùng con người rũ bỏ hết những tàn dư của thể vía, tất cả những gì



con người có thể mang theo với y sẽ là những mầm mống tiềm tàng hoặc những khuynh hướng, khi những thứ này có thể kiếm được chất dinh dưỡng hoặc chỗ thoát ra, chúng sẽ biểu lộ thành các đam mê và ham muốn xấu xa nơi cõi trung giới. Nhưng y vẫn mang các chủng tử này theo với y và chúng nằm tiềm tàng suốt cuộc sống trên Devachan của y. Khi y trở lại tái sinh, y đem những chủng tử này trở lại cùng với y, và ném chúng ra ngoài; chúng rút vào chúng từ cõi trung giới, bằng một loại ái lực từ khí, những vật liệu thích hợp cho sự biểu lộ của chúng, và bọc lấy chúng bằng chất trung giới phù hợp với bản chất riêng của chúng, để hình thành phần thể vía của con người trong kiếp sắp tới. Vậy là chúng ta không chỉ đang sống với thể vía hiện tại mà còn đang tạo kiểu cho loại thể vía sẽ là của chúng ta trong lần tái sinh tới – thêm một lý do cho việc thanh tẩy thể vía trong kiếp này đến mức tối đa, sử dụng sự hiểu biết hiện tại của chúng ta để bảo đảm sự tiến bộ tương lai của chúng ta.

Vì mọi kiếp của chúng ta được liên kết với nhau nên không một kiếp nào có thể được tách ra khỏi những kiếp ở phía sau nó hoặc những kiếp trải ra phía trước nó. Thật ra thì chúng ta chỉ có một sự sống duy nhất, trong đó cái mà chúng ta gọi là các kiếp sống thật ra chỉ là các ngày. Chúng ta không bao giờ bắt đầu một kiếp sống mới với một tờ giấy sạch sẽ để viết trên đó một câu chuyện hoàn toàn mới; chúng ta chỉ bắt đầu một chương mới vốn phải phát triển trên cái bố cục cũ. Chúng ta không thể giữ sạch những món nợ nghiệp báo của một kiếp trước bằng cách trải qua sự chết, cũng như chúng ta không thể giữ sạch những món nợ tiền bạc mà ta đã vay một ngày nào đó bằng việc ngủ qua một đêm; nếu chúng ta vay nợ hôm nay thì chúng ta không hết nợ ngày mai và chúng ta sẽ bị đòi nợ hoài cho đến khi nào chúng ta trả hết nợ. Cuộc

sống con người liên tục, không bị ngắt quãng; các kiếp sống thế gian được liên kết với nhau, và không biệt lập. Các quá trình thanh tẩy và phát triển cũng liên tục và phải được tiến hành qua nhiều kiếp liên tiếp trên trần thế. Lúc này hay lúc khác, mỗi người chúng ta phải bắt đầu công việc; lúc này hay lúc khác, mỗi người chúng ta sẽ đâm ra chán ngán đối với những xúc cảm của bản chất thấp kém, chán ngán khi bị khuất phục trước những ham muốn nhục dục, chán ngán vì sự áp chế của các giác quan. Rồi thì con người sẽ không còn cam chịu phục tùng nữa, y sẽ quyết định rằng gông cùm giam cầm y sẽ bị phá vỡ. Thật vậy, tại sao chúng ta phải kéo dài cảnh tù tội của chúng ta khi chúng ta có quyền phá vỡ nó bất cứ lúc nào? Không bàn tay nào có thể trói buộc chúng ta ngoài bàn tay của chính ta và không có bàn tay nào ngoài bàn tay của chính ta có thể giải thoát cho ta. Chúng ta có quyền chọn lựa của chúng ta, tự do ý chí của chúng ta, và vì một ngày nào đó tất cả chúng ta sẽ cùng đứng với nhau trên các cõi cao, tại sao chúng ta không bắt đầu ngay tức khắc phá vỡ sự lệ thuộc của chúng ta và đòi hỏi quyền thừa kế thiêng liêng của mình? Việc bắt đầu phá tan các xiềng xích, giành lấy sự tự do là khi con người quyết định rằng y sẽ làm cho bản năng thấp kém (phàm ngã – ND) thành tôi tớ cho bản chất cao thượng (Chân Ngã – ND), rằng ở đây, trên cõi tâm thức hồng trần, y sẽ bắt đầu kiến tạo các thể cao và sẽ ra sức thực hiện những khả năng cao siêu vốn là của y bằng quyền thiêng liêng, và chỉ bị che khuất bởi thú tính mà y đang sống trong đó.

## THỂ TRÍ

Chúng ta đã nghiên cứu khá nhiều về thể vật lý và thể vía của con người. Chúng ta đã nghiên cứu thể vật lý cả về phần hữu hình lẫn vô hình của nó, hoạt động trên cõi trần; chúng ta đã theo dõi mọi đường lối hoạt động của nó, đã phân tích bản chất sự tăng trưởng của nó và đã nghiên cứu kỹ về sự thanh lọc dần dần của nó. Rồi chúng ta lại xét tới thể vía theo cách tương tự, truy nguyên sự tăng trưởng và các chức năng của nó, bàn tới những hiện tượng liên quan tới sự biểu lộ của nó trên cõi trung giới, và cũng nghiên cứu kỹ về sự thanh lọc của nó. Như vậy chúng ta đã có một số ý tưởng về hoạt động của con người ở hai trong số bảy cõi lớn trong vũ trụ chúng ta. Sau khi đã làm như thế, giờ đây chúng ta có thể chuyển sang cõi lớn thứ ba, tức cõi trí tuệ; khi chúng ta đã học biết được đôi điều về cõi này thì chúng ta sẽ xem xét các cõi hồng trần, cõi trung giới và cõi trí tuệ – quả cầu của chúng ta cùng với hai khối cầu bao xung quanh nó – như là một vùng tam phân, trong đó chon non hoạt động trong những kiếp luân hồi nơi trần thế của y, và cũng trong đó, y trú ngụ trong những thời kỳ từ lúc chết, tức là khi kết thúc một kiếp sống trần thế, cho đến lúc sinh ra, tức là khi bắt đầu một kiếp khác. Ba hình cầu đồng tâm này là trường học và vương quốc của chon non: bên trong chúng, y thực hiện sự phát triển của y, bên trong chúng, y thực hiện cuộc hành hương tiến hóa của y; y không thể vượt ra ngoài chúng một cách hữu thức cho đến khi cánh cổng Điểm Đạo mở ra trước mặt y, vì ngoài ba cõi này không có con đường nào khác.

Cõi thứ ba này, mà tôi gọi là cõi trí tuệ, bao gồm, mặc dù nó không giống, cõi quen thuộc với các nhà Thông Thiên Học dưới tên Devachan, hay Devaloka, vùng đất của Chư Thiên, vùng đất hạnh phúc hay chí phúc, như một số người dịch nó. Devachan mang tên đó do bản chất và tình trạng của nó, không một điều gì có thể gây ra đau khổ hoặc phiền não xen vào cõi này được; đó là một trạng thái được bảo vệ đặc biệt khiến cho điều ác tích cực không được phép xâm nhập vào, là nơi an dưỡng cực lạc của con người để cho y thanh thân đồng hóa những thành quả của kiếp sống trên cõi trần.

Để tránh sự lẫn lộn, cần có một lời giải thích sơ bộ về việc xem cõi trí tuệ với tư cách là một tổng thể. Trong khi nó cũng được chia nhỏ ra thành bảy phân cảnh giống như các cõi khác, nó lại có đặc điểm là bảy phân cảnh này được gom lại thành ra hai nhóm – một nhóm gồm ba phân cảnh và một nhóm gồm bốn phân cảnh. Ba phân cảnh trên được gọi theo thuật ngữ chuyên môn là arūpa, tức vô sắc giới (without body), vì chúng cực kỳ tinh anh; còn bốn cảnh dưới được gọi là rūpa, tức sắc giới (with body). Do đó con người có hai hiện thể tâm thức để cho y hoạt động trên cõi này, cả hai đều được gọi là thể trí. Tuy nhiên thể thấp hơn, là thể mà ta sẽ bàn tới đầu tiên, có thể được phép giành lấy việc sử dụng độc quyền tên gọi này cho tới khi ta tìm ra được một thuật ngữ hay hơn cho nó; vì thể cao được biết với tên gọi là thể nguyên nhân (the causal body) bởi những lý do mà sau này ta sẽ hiểu rõ hơn. Các đạo sinh sẽ quen với việc phân biệt giữa Thượng trí và Hạ trí; thể nguyên nhân là hiện thể của Thượng trí, là thể thường tồn của Chơn ngã, tức Chơn nhơn, tồn tại từ kiếp này sang kiếp khác; thể trí là hiện thể của Hạ trí, vẫn tồn tại sau cái chết, và chuyển vào Devachan, nhưng sẽ tan rã khi đời sống trên các cảnh sắc giới của Devachan chấm dứt.

### (a) *Thế Trí*

Hiện thể tâm thức này thuộc về, và được cấu tạo bởi, vật chất của bốn phân cảnh thấp của Devachan. Trong khi nó đặc biệt là hiện thể của tâm thức đối với phần đó của cõi trí, nó vẫn tác động trên và thông qua thể vía và thể xác trong mọi biểu lộ mà chúng ta gọi là biểu lộ của cái trí trong ý thức tinh thông thường của chúng ta. Thật vậy, nơi người kém phát triển, nó không thể hoạt động riêng rẽ trên cõi riêng của nó như một hiện thể tâm thức độc lập trong cuộc sống trần thế của y, và khi một người như thế vận dụng các năng lực trí tuệ của mình, chúng phải khoác lấy vật chất cõi trung giới và cõi trần trước khi y có thể có ý thức về hoạt động của chúng. Thế trí là hiện thể của Chon ngã, Chủ thể tư tưởng, đối với mọi công việc lý trí, nhưng trong cuộc sống ban đầu của y, nó có cấu tạo yếu ớt, hơi sơ khai và vô dụng, giống như thể vía của người kém phát triển.

Vật chất cấu tạo nên thế trí thuộc một loại cực kỳ loãng và tinh anh. Chúng ta đã thấy rằng chất trung giới kém đậm đặc hơn so với ngay cả chất dĩ thái của cõi trần, và bây giờ chúng ta phải mở rộng quan niệm về vật chất của mình ra thêm nữa, và phải bao trùm ý tưởng về một chất vô hình đối với nhãn thông trung giới và thị giác hồng trần, nó quá tinh anh cho nên ngay cả các giác quan “nội giới” của con người cũng không nhận thức được. Vật chất này thuộc về cõi thứ năm tính từ trên xuống hoặc cõi thứ ba tính từ dưới lên trong vũ trụ của ta, và trong vật chất này, Chon ngã biểu lộ thành trí tuệ, còn trong vật chất kế tiếp bên dưới nó (chất trung giới) thì Chon ngã biểu lộ thành cảm giác. Có một đặc điểm nổi bật về thế trí vì bộ phận bên ngoài của nó tự biểu lộ trong hào quang của con người; nó tăng trưởng, gia tăng kích thước và hoạt động, hết kiếp này tới kiếp khác, cùng với sự tăng

trường và phát triển của chính con người. Đặc điểm này là điều mà cho đến bây giờ chúng ta đã quen thuộc. Một thể xác được kiến tạo ra hết kiếp này đến kiếp khác, thay đổi tùy theo quốc tịch và giới tính, nhưng chúng ta cho rằng kích thước của nó cũng giống hệt như từ thời châu Atlantis. Chúng ta đã nhận thấy sự tăng trưởng cơ cấu tổ chức trong thể vía khi con người tiến bộ. Thể trí đúng là tăng trưởng kích thước theo sự tiến triển tiến bộ của con người. Nếu chúng ta nhìn vào một người rất kém phát triển thì chúng ta sẽ thấy rằng khó nhận ra thể trí, nghĩa là nó phát triển ít đến nỗi cần phải hết sức chú ý mới thấy được nó. Rồi khi nhìn vào một người tiến bộ hơn, không phải là người phát triển về tinh thần, nhưng là người đã phát triển được các năng lực trí tuệ, người đã rèn luyện và phát triển được trí năng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng thể trí của y đang có một sự phát triển rất rõ ràng, nó có một cơ cấu khiến ta nhận ra nó là một hiện thể hoạt động; nó là một vật có đường nét xác định và rõ ràng, vật liệu tinh anh và màu sắc đẹp đẽ, rung động liên tục với hoạt động mãnh liệt, đầy sức sống, đầy sinh khí, sự biểu lộ của trí tuệ trong cõi trí.

Xét về bản chất thì thể trí được làm bằng vật chất tinh anh này; xét về chức năng thì nó là hiện thể trực tiếp để cho Chơn ngã ở trong đó biểu lộ thành trí năng; xét về sự tăng trưởng thì nó tăng trưởng hết kiếp này sang kiếp khác tương ứng với sự phát triển trí năng, nó cũng trở nên càng ngày càng được cấu tạo rõ rệt hơn trong khi các thuộc tính và phẩm chất của cái trí trở nên càng ngày càng rõ ràng hơn. Giống như thể vía, khi hoạt động liên kết với thể vía và thể xác, nó không trở thành một sự thể hiện riêng của con người về hình dạng và đặc điểm; nó có dạng hình bầu dục, giống như quả trứng, dĩ nhiên là thâm nhập vào thể xác và thể vía

và bao quanh chúng bằng một bầu khí sáng chói khi nó phát triển – và như tôi đã nói, nó trở nên ngày càng lớn khi sự tăng trưởng của trí năng gia tăng. Không cần phải nói, cái hình dạng giống trứng này trở thành một vật rất huy hoàng và đẹp đẽ khi con người phát triển các năng lực cao siêu của trí tuệ: nó vô hình đối với nhãn quan cõi trung giới, nhưng được nhìn thấy rõ ràng với nhãn quan cao siêu thuộc về cõi trí tuệ. Cũng như một người thường ở cõi trần không thấy được cõi trung giới mặc dù được nó bao quanh – cho tới khi các giác quan của thể vía mở ra; cũng vậy một người chỉ có các giác quan thể xác và thể vía hoạt động sẽ chẳng thấy được gì thuộc cõi trí tuệ, hoặc những hình tướng được cấu tạo bằng vật chất của cõi này nếu các giác quan của thể trí chưa được mở, mặc dù cõi trí vẫn bao xung quanh chúng ta ở mọi phía.

Những giác quan sắc sảo hơn này, các giác quan thuộc về cõi trí tuệ, khác rất nhiều với những giác quan mà chúng ta quen thuộc ở cõi trần. Thật ra thì chính từ ngữ “các giác quan” (senses) cũng là một sự dùng từ sai, vì nói cho đúng thì chúng ta nên bảo là giác quan (sense) của thể trí. Cái trí đến tiếp xúc với các sự vật thuộc cõi riêng của nó như thể trực tiếp trên khắp bề mặt của thể trí. Không có những cơ quan riêng biệt nào dành cho việc thấy, nghe, chạm, nếm và ngửi; mọi rung động mà ở cõi trần chúng ta nhận được thông qua các cơ quan cảm giác riêng biệt, thì ở cõi đó chúng lại làm nảy sinh ra mọi đặc trưng này một lần khi chúng đến tiếp xúc với cái trí. Thể trí tiếp nhận tất cả các rung động tại cùng một thời điểm và, cứ như là nó ý thức khắp cả mọi việc vốn có thể gây chút nào đó ấn tượng lên nó.

Không dễ gì để truyền đạt bằng lời bất cứ ý tưởng rõ rệt nào về cách thức giác quan này nhận được một khối tập hợp các ấn tượng mà không bị lẫn lộn, nhưng có lẽ nó có thể được

mô tả hay nhất bằng cách nói rằng nếu một đạo sinh lão luyện chuyển sang cõi trí và giao tiếp với một đạo sinh khác trên cõi đó, cái trí, trong lúc nói chuyện, nói cùng một lúc bằng màu sắc, âm thanh và hình tượng, sao cho toàn thể tư tưởng được chuyển thành một hình ảnh mang âm nhạc và đầy màu sắc thay vì chỉ là một mảnh tư tưởng được bộc lộ ra, trong khi ở cõi trần nó biểu hiện bằng những biểu tượng mà chúng ta gọi là lời nói. Một số độc giả có thể đã nghe nói về những sách cổ do các đại Điểm Đạo Đồ viết bằng ngôn ngữ màu sắc (colour-language), ngôn ngữ của Chư thiên; nhiều đệ tử có biết tới ngôn ngữ đó, đề cập tới phạm vi hình tượng và màu sắc, thì nó được rút ra từ “cách nói” (“speech”) của cõi trí, trên cõi này, các rung động chỉ từ một tư tưởng thôi cũng làm nảy sinh ra cả hình tượng, màu sắc lẫn âm thanh. Không phải là cái trí nghĩ ra một màu sắc, hoặc nghĩ ra một âm thanh, hoặc nghĩ ra một hình tượng; nó chỉ nghĩ ra một tư tưởng, một rung động phức hợp (complex) trong vật chất tinh anh, và cái tư tưởng đó tự diễn tả theo tất cả các cách này do những rung động tạo nên. Vật chất của cõi trí tuệ thường xuyên bị kích thích thành những rung động làm nảy sinh ra các màu sắc này, các âm thanh này, các hình tượng này; và nếu một người tách rời khỏi thể vía và thể xác và chỉ hoạt động trong thể trí không thôi, y thấy mình được hoàn toàn giải thoát khỏi các hạn chế của các cơ quan cảm giác của thể vía và thể xác, dễ dàng tiếp thu tại mọi điểm đối với mọi rung động, mà nơi hạ giới mỗi rung động này sẽ tự thể hiện riêng rẽ và khác biệt với rung động khác (its fellow).

Tuy nhiên, khi một người đang suy nghĩ trong ý thức tỉnh của y và đang hoạt động thông qua thể vía và thể xác, thì tư tưởng được tạo ra trong thể trí và chuyển ra, trước nhất đến thể vía rồi tới thể xác; khi chúng ta suy nghĩ thì chúng ta



đang suy nghĩ bằng thể trí của chúng ta, nghĩa là, tác nhân của tư tưởng, cái ý thức tự biểu lộ thành “Cái Tôi” (“I”). “Cái Tôi” vốn hão huyền nhưng nó là “Cái Tôi” duy nhất mà đa số chúng ta đều biết. Khi chúng ta xem xét ý thức trong thể xác thì chúng ta đã thấy rằng chính con người không ý thức tất cả những gì đang diễn ra trong chính thể xác của mình, các hoạt động của thể xác độc lập một phần với y, y không thể suy nghĩ như các tế bào riêng biệt nhỏ bé đang suy nghĩ, y thực sự không chia sẻ ý thức của cơ thể như một tổng thể. Nhưng khi chúng ta đến với thể trí thì chúng ta đến một lĩnh vực được đồng nhất hóa quá mật thiết với Chơn nhơn đến nỗi mà thể trí dường như chính Chơn nhơn. “Tôi suy nghĩ”, “Tôi biết” – liệu ta có thể tìm hiểu ẩn ý của điều đó chẳng? Cái Trí là Chơn ngã ở trong thể trí, mà đối với hầu hết chúng ta, nó có vẻ là đích nhắm trong việc tìm kiếm Chơn ngã của chúng ta. Nhưng điều này chỉ đúng nếu chúng ta bị hạn chế vào ý thức lúc tỉnh thôi. Bất cứ người nào đã học biết rằng, ý thức lúc tỉnh, cũng như các cảm giác của thể vía, chỉ là một giai đoạn trong cuộc hành trình của chúng ta khi chúng ta mưu tìm Chơn ngã, và kẻ nào đã học hỏi thêm nữa nhằm vượt ra khỏi nó thì sẽ biết được rằng bản thân ý thức tỉnh đến lượt nó chẳng qua chỉ là một công cụ của Chơn nhơn. Tuy nhiên, như tôi có nói, hầu hết chúng ta không phân biệt, và không thể phân biệt trong tư tưởng giữa Chơn nhơn và thể trí của Chơn nhơn, đối với họ thì thể trí dường như là biểu hiện cao nhất của Chơn nhơn, là hiện thể cao nhất của Chơn nhơn, là cái bản ngã cao siêu nhất mà họ có thể tiếp xúc hoặc nhận biết được theo bất cứ cách nào. Điều này cũng là tự nhiên và không thể tránh được, vì ở giai đoạn tiến hóa này, biệt ngã (individual), tức Chơn nhơn, đang bắt đầu làm sinh động thể trí và mang nó vào sự hoạt động vượt trội lên. Chơn nhơn đã

làm linh hoạt thể xác như một hiện thể tâm thức trong quá khứ, và hiện nay đang dùng nó như một việc đương nhiên. Chon nhon đang làm linh hoạt thể vía nơi những thành viên chậm tiến của loài người, nhưng trong một số rất lớn loài người thì công trình này ít nhất cũng đã hoàn tất được phần nào; trong Giống dân Thứ năm này, Chon nhon đang tác động vào thể trí và công trình đặc biệt mà giờ đây loài người nên dẫn thân vào là việc kiến tạo và phát triển thể trí.

Thế thì chúng ta phải bận tâm nhiều để hiểu cách xây dựng thể trí và nó tăng trưởng như thế nào. Nó tăng trưởng bằng tư tưởng. Tư tưởng của chúng ta là vật liệu mà chúng ta đưa vào để xây dựng thể trí này; bằng cách vận dụng các năng lực trí tuệ của chúng ta, bằng cách phát triển các năng khiếu nghệ thuật của chúng ta, các cảm xúc cao siêu của chúng ta, thì chúng ta đúng là đang kiến tạo thể trí ngày này qua ngày khác, từng tháng và từng năm trong cuộc đời của chúng ta. Nếu bạn không vận dụng các khả năng trí tuệ của bạn; nếu, xét về phạm vi tư tưởng, bạn chỉ là vật tiếp nhận chứ không phải là kẻ sáng tạo; nếu bạn thường xuyên tiếp nhận từ bên ngoài thay vì tạo ra từ bên trong; nếu, trong khi bạn đi suốt cuộc đời, những tư tưởng của người khác tràn ngập vào trong tâm trí bạn; nếu đây là tất cả những gì bạn biết về tư tưởng và về tư duy, rồi thì, hết kiếp này sang kiếp khác, thể trí của bạn không thể tăng trưởng; hết kiếp này sang kiếp khác, khi trở về, bạn chỉ có bấy nhiêu như lúc bạn ra đi; hết kiếp này sang kiếp khác, bạn vẫn cứ là một cá nhân không phát triển. Bởi vì chỉ bằng cách vận dụng chính cái trí, sử dụng các năng khiếu của nó một cách sáng tạo, huấn luyện nó, làm việc với nó, thường xuyên bắt nó cố gắng – chỉ bằng những phương cách đó thì thể trí mới có thể phát triển, và cuộc tiến hóa nhân loại đích thực mới có thể tiến hành.

Ngay lúc bạn bắt đầu nhận thức được điều này, có lẽ bạn sẽ cố gắng thay đổi thái độ thông thường trong tâm thức của bạn trong đời sống hằng ngày; bạn sẽ bắt đầu quan sát cách làm việc của nó; và ngay khi bạn làm như thế – như vừa nói trên kia – bạn sẽ để ý thấy rằng phần lớn suy nghĩ của bạn không phải là suy nghĩ của bạn chút nào hết, mà chỉ là sự tiếp nhận những tư tưởng của người khác; tư tưởng đến mà bạn không biết đến bằng cách nào; tư tưởng đến mà bạn không biết đến từ đâu; tư tưởng bỏ ra đi mà bạn cũng không biết nó đi đâu; thế là bạn sẽ bắt đầu cảm thấy rằng – có lẽ với một ít ưu phiền và thất vọng – thay vì là cái trí được phát triển cao, nó chỉ hơn một chút một cái trạm để cho những tư tưởng ghé qua. Bạn cứ thử đi rồi xem có bao nhiêu nội dung trong ý thức bạn là của riêng bạn, và bao nhiêu trong đó chỉ là những đóng góp từ bên ngoài. Thỉnh thoảng bạn hãy đột nhiên dừng lại trong ngày để xem bạn đang nghĩ gì, và khi kiểm tra đột xuất như thế, có lẽ bạn sẽ phát hiện ra rằng hoặc là bạn chẳng nghĩ gì cả – một kinh nghiệm rất thông thường – hoặc điều mà bạn đang nghĩ đến mơ hồ đến nỗi nó chỉ gây ra một ấn tượng mong manh trên cái gì đó mà bạn có thể đánh liều để gọi là cái trí của bạn. Khi bạn đã thử làm như vậy khá nhiều lần, và bằng rất nhiều cố gắng, bạn đã trở nên tự ý thức nhiều hơn trước, thì bạn hãy bắt đầu để ý những tư tưởng mà bạn tìm thấy trong cái trí của bạn, xem có gì khác nhau giữa tình trạng của chúng khi chúng vào trong cái trí và tình trạng của chúng khi chúng ra khỏi cái trí – xem thử bạn đã thêm gì cho chúng trong thời gian chúng ở với bạn. Bằng cách này, cái trí của bạn sẽ trở nên thực sự tích cực và sẽ vận dụng được các năng lực sáng tạo của nó, và nếu bạn khôn ngoan, bạn sẽ theo vài qui trình như sau: trước hết, bạn sẽ chọn những tư tưởng mà bạn cho phép nó ở lại trong cái trí của

bạn hơn cả; những khi bạn nhận thấy trong trí bạn có một tư tưởng tốt, bạn hãy chăm chú vào nó, nuôi dưỡng nó, củng cố nó, cố thêm vào cho nó nhiều hơn nó có lúc đầu; rồi gửi nó vào trong cõi trung giới như một tác nhân ban phúc; khi bạn thấy trong trí bạn có một tư tưởng ác thì bạn hãy trả nó ra với tất cả sự mau mắn có thể tưởng tượng được. Vào lúc này đây bạn sẽ thấy rằng khi bạn tiếp đón vào trong trí bạn những tư tưởng tốt và hữu ích, và từ chối nuôi dưỡng những tư tưởng ác, kết quả sau đây sẽ xuất hiện: càng ngày các tư tưởng tốt từ bên ngoài sẽ tuôn vào trong trí bạn càng nhiều và càng ngày các tư tưởng ác sẽ tuôn vào nó càng ít. Hiệu quả của việc làm cho trí bạn đầy tư tưởng tốt đẹp và hữu ích sẽ là: cái trí sẽ đóng vai trò một nam châm đối với mọi tư tưởng tương tự xung quanh bạn; còn khi bạn từ chối không cho tư tưởng ác trú ngụ trong trí bạn dưới bất cứ hình thức nào thì những tư tưởng đó khi đến gần bạn sẽ bị chính cái trí tự động ném trả lại. Thể trí sẽ có đặc tính thu hút mọi tư tưởng tốt từ môi trường xung quanh và đẩy lùi mọi tư tưởng ác, nó sẽ tác động lên những tư tưởng tốt làm cho chúng hoạt động hơn và nhờ thế nó thường xuyên thu thập được một số lớn vật liệu trí tuệ để hình thành nên nội dung của nó, và mỗi năm trôi qua thì nó lại tăng trưởng phong phú hơn. Khi thời điểm đến, vào lúc cuối cùng con người sẽ rũ bỏ thể vía và thể xác, chuyển vào cõi trí tuệ, y sẽ mang theo với y toàn bộ vật liệu đã được thu gom này; y sẽ mang theo với y nội dung của tâm thức vào cõi riêng thích hợp của nó, và y sẽ sử dụng đời sống trên cõi Devachan của y trong việc đồng hóa toàn bộ vật liệu mà thể trí đã tích trữ thành các khả năng và năng lực.

Vào lúc chấm dứt giai đoạn Devachan, thể trí sẽ bàn giao cho thể nguyên nhân trường tồn những đặc trưng đã được cấu thành như thế để cho chúng có thể được mang sang

kiếp tái sinh kế tiếp. Khi con người tái sinh, các năng khiếu này sẽ bọc chúng trong vật chất cõi hình tướng (rupa) của cõi trí, tạo thành thể trí đã được phát triển và tổ chức cao hơn cho kiếp sắp tới trên trần thế, chúng sẽ tự thể hiện thông qua thể vía và thể xác thành các “năng khiếu bẩm sinh”, những năng khiếu mà đứa bé mang theo cùng với nó vào đời. Trong kiếp hiện tại, chúng ta đang thu gom vật liệu lại theo cách thức mà tôi đã phác họa; trong đời sống trên cõi Devachan, chúng ta đồng hóa những vật liệu này, biến chúng từ những nỗ lực riêng rẽ của tư tưởng thành khả năng tư tưởng, thành các hoạt động và năng lực trí tuệ. Đó là sự thay đổi vô cùng to lớn được thực hiện trong cuộc sống nơi cõi Devachan, và do nó bị giới hạn bởi sự lợi dụng cuộc sống trần thế của chúng ta, cho nên bây giờ chúng ta không nên dè sẻn nỗ lực nữa. Thể trí trong kiếp tới tùy thuộc vào công trình mà chúng ta đang thực hiện trong thể trí của kiếp này; vậy thì ở đây, việc y đang tận dụng thể trí ngay bây giờ có tầm quan trọng lớn lao đối với sự tiến hóa của con người; việc sử dụng thể trí hiện nay sẽ hạn định hoạt động của y nơi Devachan, và do sự hạn định những hoạt động đó, nó cũng hạn định luôn những phẩm chất trí tuệ mà y sẽ mang theo khi y trở lại tái sinh nơi trần thế. Chúng ta không thể biệt lập kiếp này ra khỏi kiếp kia, cũng không thể tạo ra một cách mâu nhiệm một điều gì đó từ hư vô. Karma (nghiệp quả) mang lại vụ gặt tùy theo sự gieo cấy của chúng ta: nông sản thất mùa hay được mùa do bởi người lao động gieo giống và làm đất canh tác.

Có lẽ tác động tự động của thể trí, đã nói ở trên, có thể dễ hiểu hơn nếu chúng ta xét tới bản chất của các vật liệu mà thể trí rút vào cho việc kiến tạo nó. Trí tuệ Vũ trụ, mà thể trí được liên kết với nó trong bản chất thâm sâu nhất của nó, là kho chứa về phương diện vật chất của nó, nơi mà thể trí rút

ra các vật liệu này từ đó. Những vật liệu này làm nảy sinh đủ thứ rung động có phẩm chất và năng lực biến thiên tùy theo các tổ hợp được tạo ra. Thể trí tự động rút về nó, từ cái kho chứa chung, vật chất có thể duy trì những tổ hợp đã tồn tại bên trong nó, vì có một sự thay đổi thường xuyên các hạt trong thể trí giống như trong thể xác, và hạt nào vừa rời chỗ thì bị những hạt tương tự đến chiếm chỗ ngay. Nếu con người thấy rằng mình có những khuynh hướng xấu và khởi công cải tạo chúng, thì y bèn lập nên một tập hợp những rung động mới, và thể trí, vốn đã được khuôn đúc để đáp ứng với những rung động cũ, sẽ chống lại khuynh hướng mới, thế là có sự xung đột và đau khổ. Nhưng dần dần khi các hạt cũ bị tống ra ngoài và bị thế chỗ bằng những hạt khác đáp ứng với những rung động mới – những hạt này được hút từ bên ngoài vào bởi chính khả năng của chúng đáp ứng với những rung động mới – thì thể trí thay đổi tính cách, thật ra là thay đổi các vật liệu của nó, và các rung động của nó trở nên đối kháng đối với điều ác và thu hút đối với điều thiện. Do đó sự khó khăn cực độ của những nỗ lực đầu tiên là bị chạm trán và bị tấn công bởi khía cạnh-hình tướng cũ của cái trí; khi cái hình tướng cũ thay đổi, sự dễ dàng của việc suy nghĩ đúng đắn gia tăng, và cuối cùng, là sự thanh thản và niềm vui đồng hành với cách vận hành mới.

Một cách khác để giúp cho việc tăng trưởng thể trí là thực hành việc định trí; nghĩa là cố định cái trí tại một điểm và giữ vững nó ở đó, không cho phép nó trôi dạt hoặc lang thang. Chúng ta nên tự rèn luyện trong việc suy nghĩ một cách kiên định và liên tục, không cho phép cái trí của chúng ta đột ngột chạy từ chuyện này sang chuyện khác, không phung phí năng lượng của cái trí vào quá nhiều tư tưởng vô nghĩa. Đi theo một đường lối lập luận liên tục là một sự thực

hành tốt, trong đó một tư tưởng nảy ra tự nhiên từ tư tưởng đi trước nó, nó dần dần phát triển trong chúng ta những phẩm chất trí tuệ khiến cho tư tưởng của chúng ta liên tục và do đó hợp lý một cách căn bản. Đó là vì khi cái trí hoạt động như vậy thì tư tưởng này nối tiếp tư tưởng kia theo một trình tự ngăn nắp và rõ ràng, nó đang làm cho nó mạnh lên thành một công cụ của Chơn ngã dùng cho sự hoạt động trong cõi trí. Việc phát triển năng lực suy tư này với sự định trí và theo trình tự sẽ tự biểu lộ trong một thể trí có đường nét rõ ràng và xác định hơn, trong sự tăng trưởng gia tăng nhanh chóng, trong sự kiên định và quân bình, những nỗ lực đang được đền đáp xứng đáng bằng sự tiến bộ do các nỗ lực này mang lại.

### *(b) Thể Nguyên Nhân*

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang thể trí thứ nhì, được biết với tên gọi đặc biệt riêng của nó là thể nguyên nhân. Tên gọi này là do sự kiện là mọi nguyên nhân đều ở trong thể này rồi chúng biểu lộ thành những hậu quả ở các cõi thấp. Thể này là “thể Thượng trí” (“body of Manas”), khía cạnh hình tướng của Chơn ngã (individual), của Chơn nhơn (the true man). Đó là nơi tiếp nhận, nhà kho, trong đó mọi tài sản quý báu của con người được tồn trữ trong thời gian vĩnh hằng, và nó tăng trưởng khi bản thể thấp giao nộp ngày càng nhiều thứ xứng đáng để kiến tạo cấu trúc của nó. Mọi thứ có thể trường tồn được dặt vào trong thể nguyên nhân, và mầm mống của mọi phẩm chất được chứa đựng trong nó để được truyền thừa sang lần tái sinh tới. Như vậy những biểu lộ ở cõi thấp hoàn toàn tùy thuộc vào sự tăng trưởng và phát triển của Chơn nhơn, “mà với Người, thời gian không tồn tại” (for “whom the hour never strikes”).

Thể nguyên nhân, như được nói ở trên, là khía cạnh hình tướng của Chon ngã. Như chúng ta làm ở đây, chỉ xem xét chu kỳ hiện nay của loài người, cho nên chúng ta có thể nói rằng cho đến *khi có thể nguyên nhân thì mới có Chon Nhơn*; có lẽ có những thánh điện bằng chất hồng trần trọng trực và dĩ thái được chuẩn bị cho y trú ngụ; những đam mê, xúc cảm và khao khát có thể được gom lại dần để tạo thành bản chất dục vọng (kamic nature) nơi thể vía; nhưng chỉ đến khi sự tăng trưởng qua các cõi trần và cõi trung giới đã hoàn tất, và đến khi *vật chất của cõi trí tuệ bắt đầu tự biểu lộ* bên trong các hạ thể đã phát triển thì mới có Chon Nhơn. Khi, bằng quyền năng của Chon ngã, nó chuẩn bị chỗ trú ngụ riêng cho nó, vật chất của cõi trí tuệ bắt đầu phát triển một cách chậm chạp, thì từ đại dương vĩ đại Ātmā-Buddhi, vốn hằng áp ủ sự tiến hóa của con người – có một luồng tuôn chảy xuống, và luồng này, có thể nói như vậy, gặp luồng phát triển dâng lên, làm khai mở chất trí, hợp nhất với nó, làm cho nó sung mãn, và tại điểm hợp nhất đó thì thể nguyên nhân, tức chon ngã, được tạo thành. Những người có thể nhìn thấy ở các cõi cao tột này bảo rằng khía cạnh hình tướng này của chon nhơn giống như một lớp phim (film) thanh bai bằng vật chất tinh anh nhất, vừa đủ thấy được, đánh dấu nơi Chon Ngã khởi đầu sự sống riêng biệt của y; lớp phim bằng vật chất tinh anh không màu sắc, thanh bai đó là cái thể tồn tại xuyên suốt toàn bộ cuộc tiến hóa nhân loại, là sợi chỉ trên đó xâu chuỗi mọi kiếp sống, là Sūtrātmā luân hồi, tức hồn dây (thread self). Đó là nơi tiếp nhận tất cả những gì *phù hợp với Thiên Luật*, nơi tiếp nhận mọi thuộc tính cao cả và hài hòa, và do đó, trường tồn. Nó đánh dấu sự tăng trưởng của con người, trình độ tiến hóa mà y đã đạt được. Mỗi tư tưởng thanh cao và vĩ đại, mỗi xúc động cao



66 thượng và thanh khiết đều được đưa lên trên và tôi luyện thành ra thực thể của y.

Chúng ta hãy lấy cuộc đời của một người bình thường và thử xem cuộc đời đó sẽ chuyển lên trên được bao nhiêu để kiến tạo thể nguyên nhân, và chúng ta hãy tưởng tượng nó bằng hình ảnh như một lớp phim thanh bai; nó được làm cho mạnh lên, được làm đẹp đẽ lên với màu sắc, được làm linh hoạt lên với sự sống, được làm chói sáng và rục rờ lên, gia tăng kích thích khi con người tăng trưởng và phát triển. Ở giai đoạn tiến hóa thấp, y không bộc lộ nhiều phẩm chất trí tuệ, mà y biểu lộ nhiều đam mê, nhiều ham muốn hơn. Y cảm nhận các cảm giác và mưu tìm chúng; những cảm giác đó là những thứ mà y hướng theo. Dường như sự sống nội tâm này của chon nhon đẩy ra (put forth) một ít vật chất thanh bai trong cấu tạo của nó, và thể trí gom tụ xung quanh chất đó; rồi thể trí lại nẩy chôi (put forth) vào cõi trung giới, tiếp xúc với thể vía ở đó, và liên kết với thể vía, tạo thành một cầu nối để cho bất cứ thứ gì có khả năng chuyển di thì có thể di chuyển qua đó. Chon nhon gửi những tư tưởng của y xuống qua cầu nối này vào trong cõi của cảm giác, của đam mê, của sự sống thú tánh, và những tư tưởng này trộn lẫn với tất cả những xúc động và đam mê nhục dục này. Vì thế thể trí bị dính mắc với thể vía và chúng gắn chặt vào nhau và khó lòng tách nhau ra khi thời điểm cái chết đến. Nhưng nếu trong cuộc sống mà con người đang trải qua ở các cõi thấp, y có một tư tưởng vị tha, một tư tưởng phụng sự cho người mà y yêu thương, và thể hiện sự hi sinh để làm lợi ích cho bạn mình, lúc bấy giờ y đã dựng nên một cái gì đó có thể trường tồn, một cái gì đó có thể sống còn, một cái gì đó mà trong nó mang bản chất của cõi cao; điều đó có thể chuyển lên trên tới thể nguyên nhân và được đưa vào trong thực thể của nó, làm

cho nó đẹp dễ hơn, có thể là cho nó chi tiết đầu tiên của cường độ màu sắc; có lẽ suốt một đời người sẽ chỉ có một vài sự việc như thế này, những việc có thể trường tồn, để dùng làm thực phẩm cho sự tăng trưởng của chon nhon. Vì thế sự tăng trưởng rất chậm chạp vì trọn phần đời còn lại của y chẳng giúp gì vào việc đó; mọi khuynh hướng xấu xa của y do vô minh sinh ra và được nuôi dưỡng do sự thực hiện, mà những mầm mống của chúng được rút vào bên trong và bị rơi vào trong trạng thái tiềm tàng, khi thể vía, vốn cho nó chỗ ở và hình thể, bị tan rã trong cõi trung giới; chúng được rút vào trong thể trí và nằm im lìm ở đó vì thiếu chất liệu cho sự biểu lộ trong cõi Devachan; khi thể hạ trí đến lượt nó tiêu tan, chúng được rút vào trong thể nguyên nhân, và nằm im tiềm tàng ở đó, khi sự sinh hoạt tạm ngừng. Chon ngã, trong khi trở lại cuộc đời trần thế, tới cõi trung giới, ném chúng ra ngoài, chúng lại xuất hiện ở đó dưới dạng các khuynh hướng xấu xa được kế thừa từ quá khứ. Như vậy, thể nguyên nhân có thể được nói về nó như là *kho chứa cả điều thiện lẫn điều ác*, vốn là tất cả những gì còn lại của con người sau khi các hạ thể bị tan rã, nhưng điều thiện thì được tôi luyện vào kết cấu của nó và giúp cho nó tăng trưởng, trong khi điều ác, trừ trường hợp được nêu ra dưới đây, còn lại thì ở dạng mầm mống.

Những điều ác mà một người làm trong đời, khi y đưa sự thực hiện nó vào trong tư tưởng của mình, gây hại cho thể nguyên nhân nhiều hơn chứ không chỉ nằm tiềm tàng trong đó dưới dạng chủng tử của tội lỗi và phiền não trong tương lai. Điều ác chẳng những không giúp cho sự tăng trưởng của chon nhon mà còn ở chỗ nó còn lấy đi, nếu được phép diễn tả như thế, thứ gì đó tinh vi và trường tồn của chính Chon Ngã. Nếu thói xấu cứ được duy trì, nếu điều ác vẫn tiếp tục được theo đuổi, thì thể hạ trí trở nên quá dính mắc với thể vía đến

nổi sau khi chết, thể hạ trí không thể tự tách ra hoàn toàn, mà một số chất liệu của chính nó bị xé ra khỏi nó, và khi thể vía tiêu tan thì lượng chất liệu này trở về lại chất trí của cõi trí và là bị mất đi đối với Chon Ngã. Theo cách này, nếu chúng ta lại nghĩ tới hình ảnh của một lớp phim của chúng ta hoặc bọt bong bóng, thì trong một chừng mực nào đó, thể trí có thể bị mỏng đi do lối sống tội lỗi – nó không chỉ làm trì trệ sự phát triển của nó – mà có điều gì đó tác động lên nó làm cho nó khó được kiến tạo hơn. Theo một cách nào đó, cứ như là lớp phim này đã bị ảnh hưởng về năng lực tăng trưởng, bị cản cố hoặc teo tóp đi ở vài phương diện nào đó. Ngoài chuyện này ra thì trong những tình huống bình thường, không có điều tai hại nào mang đến cho thể nguyên nhân.

Nhưng khi Chon ngã đã trở nên dững mãi cả về trí năng lẫn ý chí mà không đồng thời gia tăng lòng vị tha và tình thương, thì thể nguyên nhân co rút lại quanh cái trung tâm biệt lập của mình thay vì bành trướng ra khi tăng trưởng, tạo thành một bức tường của sự ích kỷ xung quanh nó, và sử dụng những quyền năng phát triển được để phục vụ “Bản ngã” (“I”) thay vì phục vụ chúng sinh; trong trường hợp đó phát sinh khả năng được ám chỉ đến trong rất nhiều thánh kinh trên thế giới, về điều ác thâm căn cố đế và nguy hiểm hơn, về việc Chon ngã đối kháng một cách hữu thức với Thiên luật, về việc chủ tâm chống lại cơ tiến hóa. Lúc bấy giờ, thể nguyên nhân được tạo nên do những rung động của trí năng và ý chí trên cõi trí tuệ, nhưng vì cả hai đã chuyển sang các mục tiêu ích kỷ nên thể nguyên nhân phô bày ra những màu sẫm do kết quả của sự co rút lại, mất đi ánh quang huy chói lọi vốn là thuộc tính đặc trưng của nó. Sự tai hại như thế không thể được thực hiện bởi một Chon ngã kém phát triển, cũng không phải do những lỗi lầm thông thường về đam mê

hoặc trí tuệ; để gây ra tai hại có tầm mức rộng lớn như thế, Chon ngã phải tiến hóa cao và phải có năng lực mạnh mẽ trên cõi trí tuệ. Vì vậy, chính tham vọng, lòng kiêu ngạo và năng lực trí tuệ phục vụ những mục đích ích kỷ mới nguy hiểm hơn hẳn, mới có hậu quả chết người hơn hẳn so với những lỗi lầm rành rành hơn của những bản chất thấp. Và những “Pharisee” (kẻ đạo đức giả) thường thường cách xa “Vương quốc của Chúa” hơn là “những kẻ thu thuế và những kẻ tội lỗi”. Nhà “tà thuật” phát triển theo đường lối này, người này đã chế ngự được đam mê và dục vọng, đã phát triển được ý chí và quyền năng cao siêu của cái trí nhưng không vui lòng hiến dâng chúng để trợ giúp cho sự tiến hóa của tổng thể, mà để thu tóm mọi thứ có thể được về cho chính y với tư cách một phần tử, nắm giữ chứ không chia sẻ. Những người ấy đặt mình ở vị thế duy trì sự chia rẽ chống lại sự hiệp nhất, họ phấn đấu để làm trì trệ thay vì thúc đẩy nhanh cơ tiến hóa: do đó họ rung động bất hòa với tổng thể thay vì hài hòa, và nảy ra nguy cơ xé toạc Chon ngã, nghĩa là bị mất tất cả thành quả tiến hóa.

Tất cả chúng ta khi bắt đầu hiểu được một điều gì đó về thể nguyên nhân này đều có thể đặt mục đích nhất định của đời mình là làm cho nó phát triển; chúng ta có thể cố gắng suy nghĩ một cách vị tha và như thế góp phần vào sự tăng trưởng và hoạt động của nó. Hết kiếp này sang kiếp khác, hết thế kỷ này sang thế kỷ khác, hết thiên niên kỷ này sang thiên niên kỷ khác, sự tiến hóa của Chân Ngã vẫn tiến triển và bằng cách giúp cho nó tăng trưởng với nỗ lực hữu thức, chúng ta đang làm việc hòa điệu với ý chí thiêng liêng và thực thi thiên cơ mà vì đó chúng ta có mặt nơi đây. Không một điều tốt đẹp nào một khi được dệt vào kết cấu của thể

nguyên nhân này lại bị mất, không điều gì bị tiêu tan: bởi vì đây là chon ngã sống mãi đời đời.

Như vậy, chúng ta thấy rằng theo luật tiến hóa, mọi điều ác cho dù có vẻ mạnh mẽ trong một lúc nào đó, cũng chứa nơi bản thân của nó mầm mống của sự hủy diệt chính nó, trong khi mọi điều tốt đẹp đều hàm chứa trong nó hạt giống của sự bất tử; bí mật của điều này nằm ở sự thật là mọi điều ác đều có tính cách không hài hòa, tự nó chống lại định luật vũ trụ; vì vậy sớm muộn gì nó cũng bị định luật đập tan, đâm toạt nó thành từng mảnh, nghiền nát thành tro bụi. Mặt khác, mọi điều thiện đều hài hòa với thiên luật nên được nương theo nó, được nó dẫn dắt theo; điều thiện trở thành một bộ phận của giòng tiến hóa, vì rằng “đâu phải tự mình chúng ta đạt tới điều công chính”, vì vậy nó không bao giờ bị tiêu diệt, không bao giờ bị hủy hoại. Đây không chỉ là niềm hi vọng của con người mà còn là sự chắc chắn của thành tựu tối hậu của con người; cho dù sự tăng trưởng chậm chạp đến đâu đi nữa thì kết quả vẫn là thế; cho dù con đường có dài đến đâu đi nữa thì nó cũng có chỗ tận cùng. Chon ngã vốn đang tiến hóa và bây giờ không thể bị hoàn toàn tiêu diệt, ngay cả khi do điên rồ chúng ta khiến cho sự tăng trưởng chậm chạp hơn mức cần thiết, tuy thế mọi thứ mà chúng ta đóng góp vào đó cho dù nhỏ bé đến đâu đi nữa cũng trường tồn mãi mãi trong đó, và vẫn thuộc về chúng ta mãi mãi về sau này.

## CÁC HIỆN THỂ KHÁC

Chúng ta có thể tiến lên một mức nữa, nhưng khi làm như thế, chúng ta bước vào một lĩnh vực cao siêu đến nỗi hầu như vượt khỏi khả năng của chúng ta, cho dù là trong tưởng tượng. Đó là vì thể nguyên nhân không phải là thể cao nhất, và “Chon ngã Tinh Thần” không phải là Thượng trí mà là Thượng trí kết hợp và hiệp nhất với Bồ Đề (Buddhi). Đây là đỉnh cao trong sự tiến hóa của con người, kết thúc vòng quay của bánh xe sinh tử. Phía trên cõi mà chúng ta đã bàn tới còn có một cõi cao hơn, đôi khi được gọi là cõi Turiya, tức cõi Bồ đề.<sup>(1)</sup> Ở đây hiện thể của tâm thức là thể tinh thần, thể Ānandamayakosha, hay thể chí phúc; các đạo sĩ Yoga có thể nhập vào thể này và ở trong đó nếm trải sự chí phúc đời đời của cõi huy hoàng ấy, thực chứng nơi tâm thức của chính họ sự đồng nhất căn bản, lúc bấy giờ trở thành một kinh nghiệm thật sự của họ chứ không còn chỉ là niềm tin của lý trí. Chúng ta có thể nghiên cứu thời điểm sẽ tới với con người khi y đã tăng trưởng về tình thương, minh triết và quyền năng và khi y bước qua một cánh cổng vĩ đại, đánh dấu một giai đoạn nhất định trong sự tiến hóa của mình. Đó là cánh cổng Điểm đạo, và con người được Chon sư dẫn qua đó cho lần đầu tiên tiến nhập vào thể tâm linh, trải nghiệm trong nó sự đồng nhất vốn làm nền tảng cho mọi sự đa dạng của cõi hồng trần và tất cả tính chia rẽ của nó, tính chia rẽ của cõi hồng trần vốn là cơ sở cho tính chia rẽ ở cõi trung giới và ngay cả ở cõi trí tuệ nữa. Khi tất cả những thứ này bị bỏ lại phía sau và con

---

<sup>1</sup> Cõi này cũng được gọi là cõi Sushupti. Xem Manuals IV và V.

người, trong thể tâm linh, vượt qua khỏi chúng, thì lần đầu tiên y kinh nghiệm rằng tính chia rẽ chỉ thuộc về ba cõi thấp mà thôi; rằng y là một với mọi người khác và rằng, không hề mất đi ngã thức của mình, tâm thức của y có thể mở rộng ra bao trùm tâm thức của những người khác, quả đúng thật là có thể nhập một với chúng. Đó là sự đồng nhất mà chọn nhơn luôn luôn mong mỏi, sự đồng nhất mà chọn nhơn đã cảm thấy có thật nhưng đã hoài công cố gắng nhận thức nơi các cõi thấp; trên cõi này sự đồng nhất được thực chứng vượt hơn mơ ước cao cả nhất của y và toàn thể nhân loại hiệp nhất với Tự ngã thâm sâu nhất của y.

## CÁC THỂ TẠM

Trong khi điếm lại các hạ thể của con người, chúng ta không thể bỏ qua một vài hiện thể khác vốn chỉ là tạm thời và về mặt tính chất thì có thể được gọi là nhân tạo. Khi người ta bắt đầu thoát ra khỏi thể xác thì y có thể sử dụng thể vía, nhưng chừng nào y còn hoạt động trong thể vía thì y còn bị hạn chế vào cõi trung giới. Tuy nhiên y có thể sử dụng thể trí, của cõi hạ trí, để qua lại ở cõi trí tuệ, và khi ở trong thể này, y có thể lướt qua các cõi trung giới và hồng trần không chút trở ngại. Cái thể được sử dụng như vậy thường được gọi là Mâyāvi Rūpa, tức Huyền thể (body of illusion), đó là thể hạ trí được sắp xếp lại, tạm nói như thế, cho hoạt động riêng. Con người tạo hình thể trí thành giống hệt y, nặn theo hình ảnh và chân dung của riêng y, và rồi trong cái thể nhân tạo tạm thời này, y tha hồ vân du trong ba cõi tùy thích, vượt cao hơn những giới hạn thông thường của con người. Trong sách vở Thông Thiên Học thường nói tới thể nhân tạo này, khi ở trong đó người ta có thể du hành từ xứ này sang xứ kia, cũng

như nhập vào cõi trí tuệ để học ở đó những chân lý mới, thu hoạch kinh nghiệm mới và mang những tài sản thu được ở đó về cho ý thức lúc tỉnh. Lợi điểm của việc dùng cái thể cao siêu này là nó không ở dưới sự dối trá và mê hoặc của cõi trung giới như là thể vía. Các giác quan chưa được tập luyện của thể vía thường bị lầm lạc và cần có nhiều kinh nghiệm trước thì những nhận định của chúng mới đáng tin cậy, còn cái thể trí được tạo ra tạm thời này thì không phải chịu những điều lầm lạc như thế; nó thấy là thấy đúng, nó nghe là nghe đúng; không một hão huyền nào của cõi trung giới có thể chế ngự được nó, không một ảo giác nào của cõi trung giới có thể lừa gạt được nó. Vì thế những người nào đã lão luyện trong việc vân du như thế đều thích dùng thể này, khi cần thì tạo ra nó, rồi để nó trở lại (như cũ – ND) khi mục đích tạo ra nó được làm xong. Bằng cách đó đạo sinh thường học được những bài học không thể có theo cách khác, và nhận được các giáo huấn mà không còn lỗi nào khác.

Các thể tạm khác cũng được gọi là Mâyāvi Rūpa, nhưng dường như tốt hơn là ta nên hạn chế chỉ dùng thuật ngữ này cho thể tạm vừa nêu. Một người có thể xuất hiện ở cách xa thể xác, nhưng thật ra đó chỉ là một hình tư tưởng hơn là một hiện thể của tâm thức, đó là tư tưởng bọc trong tinh chất ngũ hành của cõi trung giới. Theo thông lệ thì các thể này chỉ là những hiện thể của một tư tưởng đặc thù nào đó, một ý chí đặc biệt nào đó, và ngoài điều này ra nó không tỏ ra có ý thức nào cả. Chúng chỉ cần được đề cập qua thôi.

## HÀO QUANG CỦA CON NGƯỜI

Bây giờ ta mới ở vào vị trí để hiểu hào quang của con người là gì theo nghĩa trọn vẹn nhất của nó, thực sự là vậy.



Nó chính là Chơn nhơn biểu lộ cùng một lúc trên cả bốn cõi tâm thức và khả năng hoạt động của Chơn Nhơn trên mỗi cõi tùy theo sự phát triển của nó; nó là tổng thể (aggregate) của các thể của Chơn nhơn, của các hiện thể tâm thức của Chơn nhơn; tóm lại nó là khía cạnh hình tướng của Chơn nhơn. Chúng ta nên coi hào quang là như thế chứ không chỉ là cái vành hoặc đám mây bao xung quanh con người. Rực rỡ nhất trong tất cả là thể tinh thần, thấy được ở các Điểm đạo đồ, lửa sống động của ātma hoạt động thông qua đó; đây là biểu lộ của Chơn nhơn trên cõi Bồ đề. Rồi tới thể nguyên nhân, sự biểu lộ của Chơn nhơn trên cõi Thượng trí, tức các phụng cảnh vô sắc (arupa : không hình tướng – ND) thuộc cõi trí tuệ, chỗ ở của Chơn ngã. Kế đến là thể trí thuộc về cõi hạ trí, rồi lần lượt tới thể vía, thể phách và xác phàm, mỗi thể được cấu tạo bằng vật chất của cõi riêng của nó và biểu hiện chơn nhơn khi chơn nhơn ở trong mỗi thể đó. Khi đạo sinh nhìn vào một người thì y trông thấy tất cả các thể này hình thành con người, chúng tự biểu lộ một cách riêng rẽ qua ưu điểm của các cấp độ vật chất khác nhau của chúng và vì vậy đánh dấu trình độ phát triển mà con người đã đạt tới. Khi phát triển được tầm nhìn cao siêu thì đạo sinh thấy được hoạt động toàn diện của mỗi thể này. Thể xác được thấy như là một thứ kết tinh dày đặc ở trung tâm của các thể khác, những thể kia thấm qua nó và lan rộng ra ngoài chu vi của nó, thể xác là nhỏ nhất. Kế tới là thể vía biểu thị trạng thái của bản chất dục vọng, vốn tạo thành một bộ phận quá lớn ở người bình thường, đầy đam mê, ham muốn thấp kém và cảm xúc của con người, khác nhau về sự tinh khiết, về màu sắc tùy theo con người thuộc loại nhiều hay ít thanh khiết – rất đậm đặc nơi những người thô tục, tinh khiết hơn nơi những kẻ thanh cao hơn và tinh khiết nhất trong tất cả nếu người đó phát

triển xa trong sự tiến hóa của y. Rồi tới thể hạ trí, ít phát triển nơi đa số người nhưng đẹp đẽ nơi nhiều người, có màu sắc rất biến thiên tùy theo loại người trí tuệ và loại người đạo đức. Rồi tới thể nguyên nhân (Thượng trí), khó nhìn thấy nhất nơi hầu hết mọi người, chỉ có thể thấy nếu khảo sát tỉ mỉ nơi con người, vì nó phát triển không đáng kể, màu sắc tương đối rất lò mò, hoạt động rất yếu ớt. Nhưng khi ta đến nhìn một linh hồn tiến hóa cao thì chính thể này là cái đập ngay vào mắt ta, như là sự trình hiện mạnh mẽ của chơn nhơn; nó có ánh sáng rực rỡ, màu sắc huy hoàng và thanh bai, phô bày những màu sắc không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả, vì không có trong quang phổ cõi trần; cái màu sắc này không chỉ tinh khiết và đẹp đẽ nhất mà còn khác hẳn màu sắc ta biết trên những cõi thấp, những màu bổ sung chúng tỏ sự tăng trưởng của con người ở các cõi cao về những phẩm chất và quyền năng cao siêu hơn tồn tại ở các nơi đó. Nếu mắt ta đủ may mắn để được điểm phúc nhìn thấy một trong các Đấng Cao Cả, Ngài xuất hiện dưới một hình thái của sự sống và màu sắc sống động vĩ đại, chói lọi và rực rỡ, bộc lộ ra bản chất của Ngài qua chính dáng vẻ bên ngoài của các Ngài: đẹp không thể tả và huy hoàng không thể tưởng tượng. Tuy nhiên Ngài hiện nay như thế nào thì một ngày kia tất cả mọi người sẽ trở thành như thế đó: những gì mà Ngài đã thành tựu thì ở nơi mỗi người con của nhân loại nó là một triển vọng.

Có một điểm về hào quang mà tôi có thể đề cập tới như là một lợi ích thực tiễn. Chúng ta có thể tăng cường sự tự bảo vệ chống lại sự thâm nhập của các tư tưởng từ bên ngoài bằng cách tạo ra một bức tường hình cầu bao xung quanh mình bằng chất liệu hào quang. Hào quang rất dễ dàng đáp ứng với xung lực của tư tưởng và nếu bằng sự cố gắng tương

tượng, chúng ta hình dung bờ mép ngoài của nó đặc lại thành một lớp vỏ thì chúng ta thực sự tạo ra một bức tường bảo vệ xung quanh mình. Lớp vỏ này sẽ ngăn cản sự xâm nhập của các tư tưởng đang trôi dạt đầy dẫy trong bầu không khí của cõi trung giới, nhờ vậy ta sẽ ngăn cản ảnh hưởng quấy nhiễu của chúng trên cái trí chưa điều luyện. Đôi khi chúng ta cảm thấy mình bị rút sinh lực, nhất là khi chúng ta tiếp xúc với những người hút sinh lực của người lân cận một cách vô thức, thì ta cũng có thể tự vệ bằng cách tạo ra một lớp vỏ, và bất cứ người nhạy cảm nào mà nhận thấy mình bị kiệt sức do bị hút sinh lực như thế thì nên khôn ngoan làm như thế để tự bảo vệ. Quyền năng của tư tưởng con người đối với vật chất tinh anh khiến cho việc nghĩ về bạn như ở trong một lớp vỏ như thế cũng làm cho nó được tạo ra xung quanh bạn.

Khi nhìn vào những người ở khắp xung quanh ta, chúng ta có thể thấy họ ở đủ mọi giai đoạn phát triển, tự bộc lộ ra qua các hạ thể theo trình độ tiến hóa mà họ đạt được, sống trên cõi này rồi tới cõi khác của vũ trụ, hoạt động trong khu vực này rồi tới khu vực khác trong khi phát triển những hiện thể tâm thức tương ứng. Hào quang của chúng ta phô bày hiện trạng của chúng ta; chúng ta thêm vào cho nó khi chúng ta tăng trưởng trong đời sống chân chính; chúng ta thanh tẩy nó khi chúng ta sống một cuộc đời cao thượng và trong sạch; chúng ta dệt vào nó những phẩm chất càng ngày càng cao cả hơn.

Liệu có thể có bất cứ triết lý sống nào đầy hi vọng, đầy sức mạnh và đầy hoan lạc hơn triết lý sống này chăng? Khi chỉ quan sát thế giới loài người bằng mắt phàm không thôi thì chúng ta thấy nó bị suy thoái, khốn khổ, có vẻ như vô vọng; mà đúng là như thế khi nhìn bằng mắt thịt. Nhưng cũng cái thế giới loài người ấy xuất hiện trước chúng ta trong

một khía cạnh khác hẳn khi chúng ta nhìn bằng nhãn quan cao siêu hơn. Chúng ta vẫn thấy đúng là sự phiền não và đau khổ, chúng ta vẫn thấy đúng là sự thoái hóa và sắc tướng; nhưng chúng ta biết rằng chúng chỉ là nhất thời, chúng chỉ là tạm bợ mà thôi, chúng thuộc về giai đoạn ấu trĩ của loài người và loài người sẽ phát triển vượt qua khỏi chúng. Khi nhìn vào những người thấp kém và hèn hạ nhất, những kẻ thoái hóa và tàn bạo nhất, tuy nhiên chúng ta vẫn có thể thấy những khả năng thiêng liêng của họ, chúng ta vẫn có thể nhận ra họ sẽ ra sao trong nhiều năm tới. Đó là thông điệp đầy hi vọng mà Thông Thiên Học mang lại cho thế giới phương Tây, thông điệp của sự cứu chuộc toàn cầu khỏi sự vô minh, và do đó giải thoát toàn cầu khỏi sự đau khổ – không phải trong giấc mơ mà là trong hiện thực, không phải trong niềm hi vọng mà là trong sự xác tín. Mỗi người mà trong cuộc sống riêng đang chứng tỏ có sự tăng trưởng, có thể nói như vậy, là sự thể hiện rõ rệt và sự thôi thúc của thông điệp ấy; những trái đầu mùa đang xuất hiện ở khắp nơi và toàn thế giới sẽ sẵn sàng cho vụ gặt vào một ngày kia, và mục đích mà Thượng Đế đã định ra sẽ hoàn tất.

## CHON NHON

Bây giờ chúng ta chuyển sang xem xét chính Chon ngon, không còn nghiên cứu các hiện thể tâm thức mà là nghiên cứu tác động của tâm thức lên những hiện thể đó, không còn nhìn vào các hạ thể mà là nhìn vào chính thực thể hoạt động trong đó. Bằng từ ngữ “Chon ngon” tôi có ý nói đến cái biệt ngã liên tục vốn chuyển từ kiếp này sang kiếp khác, nhập vào các hạ thể rồi lại rời bỏ chúng, cứ như thế mãi, phát triển chậm chạp qua các thời đại, tăng trưởng bằng sự gom góp và bằng sự đồng hóa kinh nghiệm, tồn tại trên cõi manas thượng hay cõi thượng trí và đã được đề cập tới trong chương vừa rồi. Chon ngon này sẽ là đối tượng nghiên cứu của chúng ta, hoạt động trên ba cõi mà giờ đây chúng ta đã quen thuộc – là cõi trần, cõi trung giới và cõi trí tuệ.

Con người bắt đầu kinh nghiệm bằng cách phát triển ngã thức trên cõi hồng trần; đây chính là nơi xuất hiện cái mà chúng ta gọi là “ý thức tinh táo”, ý thức mà tất cả chúng ta đều quen thuộc, nó hoạt động thông qua bộ óc và thần kinh hệ; nhờ có nó chúng ta mới lý luận theo kiểu thông thường, mới tiến hành mọi quá trình hợp lý, nhờ có nó chúng ta mới nhớ được những sự kiện đã qua trong kiếp hiện thời và vận dụng sự phán đoán trong các sự việc của cuộc sống. Mọi thứ mà chúng ta thừa nhận là năng lực trí tuệ của chúng ta vốn là thành quả lao động của con người thông qua các giai đoạn trước đó trong cuộc hành hương của y, và ngã thức của y ở cõi trần trở nên ngày càng sống động, ngày càng tích cực, ngày càng linh hoạt, chúng ta có thể nói rằng chon ngon càng

phát triển khi con người càng tiến bộ từ kiếp này đến kiếp khác.

Nếu chúng ta nghiên cứu một người rất chậm phát triển thì chúng ta thấy hoạt động trí tuệ có ngã thức của y rất nghèo nàn về chất lượng và hạn chế về số lượng. Y làm việc trong thể xác qua bộ óc hồng trần và dĩ thái; hoạt động vẫn liên tục tiếp diễn xét về trọn cả hệ thần kinh hữu hình và vô hình, nhưng hoạt động này thuộc một loại rất vụng về. Trong đó có rất ít sự phân biệt, rất ít sự khéo léo của kỹ năng trí tuệ. Có một số hoạt động trí tuệ nhưng nó thuộc loại rất trẻ con hoặc ấu trĩ. Nó quan tâm tới những chuyện rất vụn vặt; nó thích thú với những sự kiện rất tầm thường; những sự việc thu hút sự chú tâm của nó là những chuyện có tính cách nhỏ mọn; nó chỉ để ý tới những đối tượng thoáng qua; nó thích ngồi dựa cửa sổ nhìn ra ngoài đường phố náo nhiệt, ngắm người và xe cộ lướt qua, nhận xét về những điều đó, rất lấy làm thích thú nếu có một người ăn mặc đẹp đẽ mà lại sẩy chân ngã vào vũng nước hoặc bị một xe hơi đi ngang qua vũng nước tạt nước vào tung tóe. Bản thân nó chẳng có bao nhiêu để phải bận tâm chú ý, do đó nó luôn luôn tuôn ra phía ngoài để cảm thấy rằng mình đang sống; đó là một trong những đặc trưng chủ yếu của trình độ tiến hóa trí tuệ thấp này, con người hoạt động qua thể xác và thể phách; đưa chúng vào quy cũ như các hiện thể của tâm thức, luôn luôn tìm kiếm cảm giác mạnh; y cần tin chắc rằng y đang cảm giác và học cách phân biệt các sự vật qua việc tiếp nhận từ chúng những cảm giác mạnh và sống động; đó là một giai đoạn tiến bộ rất cần thiết mặc dù chỉ là giai đoạn sơ cấp thô, và nếu không có điều đó thì y ắt liên tục bị rối trí, lẫn lộn giữa những quá trình diễn ra bên trong và bên ngoài cơ thể mình; y phải học bộ chữ cái về bản ngã và phi ngã bằng cách phân biệt

giữa những sự vật gây ra tác động và những cảm giác mà tác động gây ra, phân biệt giữa kích thích và cảm xúc. Những loại người trình độ thấp kém nhất này được thấy tụ tập ở các góc phố, ngồi dựa một cách luôi nhác vào một vách tường và đôi khi tự cho phép mình nói vài câu nhận xét bất chợt và phá ra cười vô nghĩa. Bất cứ người nào có thể nhìn vào bộ óc họ đều thấy rằng họ đang tiếp nhận những ấn tượng khá mơ hồ xuất phát từ các sự vật thoáng qua và sự liên kết giữa những ấn tượng này với những ấn tượng khác giống như vậy rất mỏng manh. Những ấn tượng đó giống như một đồng sỏi hơn là một bức khảm được sắp xếp tỉ mỉ.

Khi nghiên cứu cách thức mà bộ óc hồng trần và dĩ thái trở thành các hiện thể của tâm thức, chúng ta phải trở lại với sự phát triển ban đầu của Ahamkāra, tức ngã thức (I-ness), ta có thể thấy giai đoạn đó nơi những con thú hạ đẳng xung quanh ta. Những rung động do tác động của ngoại vật được xác lập trong bộ óc rồi nó được truyền sang cho thể vía, được tâm thức cảm nhận thành các cảm giác trước khi có bất kỳ mối liên kết nào của những cảm giác này với các đối tượng đã gây ra chúng, mối liên kết này vốn là một hành động nhất định của cái trí, đó là sự nhận thức. Khi nhận thức bắt đầu thì tâm thức đang sử dụng bộ óc hồng trần và dĩ thái làm hiện thể cho mình; nhờ đó mà nó thu thập được kiến thức từ thế giới bên ngoài. Dĩ nhiên giai đoạn này là quá khứ xa xăm của nhân loại, nhưng ta có thể thấy sự lặp lại một cách thoáng qua của nó khi tâm thức tiếp nhận một bộ óc mới lúc tái sinh; đứa trẻ bắt đầu “để ý” (các cô điều dưỡng nói như thế) nghĩa là nó liên kết một cảm giác nảy sinh trong nó với một ấn tượng tác động lên trên cái vỏ mới của nó, hay hiện thể, bởi một đối tượng bên ngoài, nhờ đó nó mới “để ý” tới đối tượng và nhận thức nó.

Chỉ sau một thời gian thì không cần nhận thức được sự vật mà hình ảnh của sự vật đó vẫn có thể hiện diện trong tâm thức, tâm thức nhận thấy mình có thể nhớ lại hình dáng của sự vật khi nó không tiếp xúc với sự vật qua bất kỳ giác quan nào; một nhận thức được nhớ lại như thế là một ý tưởng, một khái niệm, một hình ảnh trí tuệ và những thứ này tạo thành kho chứa mà tâm thức thu lượm được từ ngoại giới. Tâm thức bắt đầu tác động lên những thứ này và giai đoạn đầu tiên của hoạt động đó chính là việc sắp xếp các ý tưởng, bước chuẩn bị cho “việc lý luận” dựa vào ý tưởng. Sự lý luận bắt đầu bằng cách so sánh các ý tưởng với nhau, tiếp đến bằng cách suy diễn ra các mối quan hệ giữa chúng do việc hai hay nhiều ý tưởng cứ xảy ra cùng một lúc hoặc tuần tự nhau hết lần này tới lần khác. Trong quá trình này tâm thức rút vào bên trong, mang theo vào mình những ý tưởng đã được tạo ra từ nhận thức. Nó tiếp tục và phóng chiếu lên các ý tưởng ấy một điều nào đó của riêng nó, như khi nó suy diễn ra một chuỗi trình tự, liên hệ sự vật này với sự vật khác trong mối quan hệ nhân quả. Nó bắt đầu rút ra những kết luận thậm chí còn tiên liệu những diễn biến tương lai, khi nó đã xác lập được một chuỗi trình tự sao cho lúc một nhận thức được coi là “nguyên nhân” xuất hiện thì nhận thức được coi là “hậu quả” được cho là sẽ tiếp theo. Lại nữa, khi so sánh các ý tưởng, nó nhận thấy rằng nhiều ý tưởng có ít nhất là một yếu tố chung trong khi những yếu tố còn lại khác nhau; và nó tiến hành rút những đặc trưng chung đó ra khỏi phần còn lại, sắp xếp chúng với nhau thành ra đặc trưng của một loại, thế rồi nó đưa các sự vật có chung những đặc trưng này thành nhóm, và khi nó thấy một sự vật mới cũng có những đặc trưng đó thì nó bèn ném nó vào loại đó; bằng cách này nó dần dần sắp xếp mớ hỗn độn nhận thức đó vào trật tự, với



việc này nó bắt đầu quá trình hoạt động trí tuệ của nó, và suy ra định luật từ sự nối tiếp có thứ tự của các hiện tượng, và các kiểu mẫu mà nó tìm thấy trong thiên nhiên. Mọi điều này đều là công trình của tâm thức ở bên trong và thông qua óc phàm, nhưng ngay trong công trình này chúng ta truy ra được sự hiện diện của cái mà bộ óc không cung cấp. Bộ óc chỉ tiếp nhận các rung động; tâm thức hoạt động trong thể vía chuyển những rung động này thành cảm giác, và tâm thức hoạt động trong thể trí chuyển đổi các cảm giác thành ra nhận thức; thế rồi nó tiến hành mọi quá trình, như ta vừa nói, biến sự hỗn độn thành trật tự. Tâm thức khi hoạt động như thế được soi sáng thêm nữa từ bên trên với những ý tưởng không được tạo ra từ các vật liệu được cõi trần cung cấp, mà được phản ánh vào tâm trí trực tiếp từ Trí tuệ Vũ trụ. Những “định luật tư tưởng” vĩ đại điều hành mọi sự suy tư và chính hành vi suy tư tiết lộ sự có sẵn trước (pre-existence) của những định luật này, bởi vì hành vi suy tư thực hiện được nhờ những định luật này, chịu ảnh hưởng của chúng và không thể diễn ra nếu không có chúng.

Hầu như không cần thiết để nhận xét rằng mọi nỗ lực tâm thức sơ khai nhằm hoạt động trong thể xác đều phải chịu nhiều sai lầm, cả do nhận thức bất toàn lẫn do suy diễn lầm lạc. Những suy diễn, những tổng hợp vội vàng do kinh nghiệm hạn chế gây phương hại cho nhiều kết luận đã đạt được, và các qui tắc của luận lý học được hệ thống lại để đưa năng lực suy tư vào khuôn phép và khiến cho nó có thể tránh được những sai lầm mà nó thường rơi vào khi chưa thuần thục. Nhưng tuy vậy, sự nỗ lực lý luận, cho dù còn bất toàn, hết việc này đến việc khác, là một điểm nổi bật của sự tăng trưởng nơi chon nhon vì nó chứng tỏ rằng chon nhon đang thêm một điều gì đó của riêng mình vào thông tin lấy từ bên

ngoài. Sự tác động lên các vật liệu thu thập được này lại có một hiệu quả đối với chính thể xác. Khi cái trí liên kết hai nhận thức lại với nhau thì nó cũng lập nên (vì nó gây ra những rung động tương ứng trong bộ óc) một mối liên hệ giữa các tập hợp rung động gây ra các nhận thức ấy. Đó là vì khi thể trí được đưa vào hoạt động thì nó tác động lên thể vía, thể vía lại tác động lên thể phách và xác phàm, và chất liệu thần kinh của xác phàm rung động theo những xung lực được phóng qua nó; tác động này biểu hiện thành sự phóng điện và các dòng từ điện tác dụng giữa các phân tử và nhóm phân tử gây ra những mối tương quan phức tạp. Những mối tương quan này để lại cái mà chúng ta có thể gọi là một lối mòn thần kinh, đây là một lối mòn mà dọc theo nó một dòng từ điện khác sẽ chạy dễ dàng hơn, chẳng hạn băng ngang qua lối mòn đó; và nếu một nhóm phân tử liên quan với một rung động được khơi hoạt trở lại do tâm thức lặp lại cái ý tưởng đã từng gây ấn tượng lên chúng thì sự xáo trộn được tạo ra đó sẽ dễ dàng chạy dọc theo lối mòn đã được thành hình giữa nó với một nhóm khác nhờ vào một liên kết trước đó, và kêu gọi nhóm đó vào hoạt động; và nó gửi lên cho cái trí một rung động mà, sau những sự biến đổi đúng mực, thì nó tự biểu thị thành ra một ý liên tưởng. Vì tầm quan trọng lớn lao của sự liên tưởng, hành động này của bộ óc đôi khi gây rắc rối quá mức, như khi một ý tưởng điên rồ hoặc lối bịch nào đó đã được liên kết với một ý tưởng nghiêm túc hoặc thiêng liêng. Tâm thức đang khơi dậy ý tưởng thiêng liêng để an trú trong đó, và thành linh, hoàn toàn ngoài sự đồng ý của nó, bộ mặt cười nhả nhờ của ý tưởng đột nhập, do tác động máy móc của bộ óc gửi lên, lại lao vào qua cánh cửa thánh điện và làm ô ố nó. Những người khôn ngoan đều quan tâm tới sự liên tưởng và cẩn thận khi nói về những điều thiêng liêng nhất

như thế nào kéo một kẻ điên rồ và ngu dốt nào đó gây ra một liên kết kết nối giữa điều linh thiêng này với điều ngớ ngẩn hoặc thô bỉ, một liên kết mà sau đó rất có thể chính nó gây ra sự khó chịu trong tâm thức. Huấn điều của vị Đạo sư Do thái<sup>(1)</sup> vĩ đại thật là hữu ích: *“Đừng cho bất cứ điều thiêng liêng, cũng đừng quảng ngọc trai của con trước con heo”*.

Còn một dấu hiệu khác về sự tiến bộ sẽ xuất hiện khi một người bắt đầu điều chỉnh lại hạnh kiểm của mình do những kết luận đạt được từ bên trong thay vì do những sự thôi thúc nhận được từ bên ngoài. Lúc bấy giờ y tác động theo kho chứa kinh nghiệm tích lũy của riêng mình, nhớ tới những việc xảy ra trong quá khứ, so sánh được các kết quả thu lượm theo nhiều đường lối hành động khác nhau trong quá khứ và dựa vào đó mà quyết định đường lối hành động mà mình sẽ chọn dùng trong hiện tại. Y bắt đầu dự đoán, thấy trước, đánh giá về tương lai dựa vào quá khứ, suy luận xa hơn bằng cách nhớ lại những điều đã từng xảy ra, và khi một người làm như thế thì y đang tăng trưởng rõ rệt với tư cách Chon Nhon. Y có thể vẫn còn bị giới hạn hoạt động trong óc hồng trần, y có thể vẫn còn không hoạt động được bên ngoài chúng nhưng y đang trở thành một tâm thức phát triển bắt đầu ứng xử như một Chon Ngã, chọn lựa con đường của riêng mình thay vì trôi nổi theo hoàn cảnh hoặc bị cưỡng chế theo một đường lối hành động riêng biệt do một áp lực nào đó từ bên ngoài. Sự tăng trưởng của chon nhon tự biểu lộ theo cách thức xác định này và y càng ngày càng phát triển cái mà ta gọi là cá tính, càng ngày càng có thêm năng lực ý chí.

---

<sup>1</sup> Đức Christ (ND).

Những người ý chí mạnh và những người thiếu ý chí được phân biệt do sự khác nhau của họ về khía cạnh này. Người thiếu ý chí bị kích động từ bên ngoài, bởi sự thu hút và xô đẩy từ bên ngoài, trong khi người ý chí mạnh được thúc đẩy từ bên trong, y liên tục làm chủ hoàn cảnh bằng cách tác động lên chúng những lực thích hợp được dẫn dắt bởi kho kinh nghiệm đã tích lũy của y. Kho chứa này, do chon nhon đã góp nhặt và tích lũy trong nhiều kiếp, trở nên càng ngày càng sẵn có để dùng khi bộ óc hồng trần trở nên thành thạo và được thanh tẩy nhiều hơn, và do đó dễ tiếp thu hơn: kho chứa có sẵn nơi chon nhon, nhưng y chỉ có thể sử dụng nó nhiều khi y có thể tạo được ấn tượng lên ý thức hồng trần. Bản thân chon nhon có ký ức và biết lý luận; chính chon nhon phán đoán, chọn lựa và quyết định: nhưng y phải làm mọi thứ đó thông qua bộ óc hồng trần và dĩ thái; y phải làm việc và tác động thông qua thể xác, hệ thần kinh và cơ quan dĩ thái kết nối với nó. Khi bộ óc trở nên dễ cảm thụ hơn, khi y cải tiến được vật liệu của nó và đưa nó vào sự kiểm soát nhiều hơn thì y có thể sử dụng nó để tự biểu hiện tốt hơn.

Thế thì làm cách nào chúng ta, những người đang còn sống, cố gắng rèn luyện các hiện thể tâm thức của mình thành những công cụ tốt hơn để phục vụ? Bây giờ chúng ta không nghiên cứu sự phát triển thể chất của hiện thể mà nghiên cứu việc tâm thức rèn luyện nó để có thể sử dụng nó làm một công cụ của tư tưởng. Con người quyết định điều đó để khiến cho hiện thể này của y hữu dụng hơn, y đã quan tâm tới việc cải tiến nó về mặt thể chất, y phải rèn luyện nó để đáp ứng kịp thời và liên tục đối với những xung lực mà y truyền cho nó. Để cho bộ óc có thể đáp ứng liên tục thì bản thân y phải suy nghĩ liên tục, và việc gởi tới cho bộ óc những xung lực liên tiếp như thế, y sẽ tập cho nó quen làm việc liên

tục bằng các nhóm phân tử đã được liên kết, thay vì bằng những rung động riêng lẻ và ngẫu nhiên. Chon nhon để xướng, bộ óc chỉ bắt chước, và việc suy nghĩ cấu thả và rời rạc tạo nên thói quen hình thành trong bộ óc những nhóm phân tử rung động rời rạc. Việc rèn luyện có hai giai đoạn; khi quyết định là mình sẽ suy nghĩ liên tục thì chon nhon rèn luyện cho thể trí liên kết tư tưởng này với tư tưởng kia và không đáp xuống bất cứ nơi đâu một cách thiếu chủ định; thế rồi sau khi suy nghĩ như thế y lại rèn luyện bộ óc để cho nó rung động trong sự đáp ứng với tư tưởng của y. Bằng cách này, các cơ cấu vật lý – hệ thần kinh và hệ thống dĩ thái – quen với việc làm việc có hệ thống, và khi chủ nhon của nó cần thì chúng đáp ứng kịp thời và tuần tự; khi chủ nhon yêu cầu thì chúng sẵn sàng tuân lệnh. Giữa một hiện thể tâm thức đã thuần thực như thế và một hiện thể tâm thức thiếu rèn luyện, có một kiểu khác nữa, giống như giữa những công cụ của một người thợ cấu thả, bỏ cho dụng cụ dơ dáy và cùn nhụt, không thích hợp để đem sử dụng, với dụng cụ của người biết làm cho nó sẵn sàng, mài sắc và làm sạch nó, để khi cần thì dụng cụ đã sẵn sàng cho sử dụng và y có thể tức khắc dùng chúng cho công việc phải làm. Như vậy là thể xác nên luôn luôn sẵn sàng để đáp ứng với lời kêu gọi của cái trí.

Kết quả của việc liên tục tác động lên thể xác như thế trong việc cải thiện năng lực của bộ óc sẽ không chỉ có thế (by no means exhausted). Vì mọi xung lực được gởi đến cho thể xác đã đi xuyên qua thể vía và cũng tạo ra một hiệu quả lên thể vía. Vì, như chúng ta đã thấy, so với vật chất của cõi trần, vật chất cõi trung giới đáp ứng nhiều hơn với các rung động của tư tưởng, thì với tiến trình hoạt động mà chúng ta đã xem xét, hiệu quả trên thể vía cũng lớn lao một cách tương xứng. Do tác động của việc đó, thể vía có được một đường nét rõ

ràng, một trạng thái tổ chức hữu hiệu như ta đã từng mô tả. Khi một người đã học chế ngự bộ óc, khi y đã học định trí, khi y có thể suy nghĩ như y muốn và khi y muốn, thì một sự phát triển tương ứng cũng xảy ra nơi cái mà y sẽ coi là sự sống trong giấc mơ (dream-life) của y – nếu y có ý thức về nó trong xác phàm. Những giấc mơ này sẽ trở nên sống động, được duy trì liên tục, hữu lý, thậm chí còn có tính chất giáo huấn nữa. Con người đang bắt đầu hoạt động trong hiện thể tâm thức thứ nhì của mình tức là thể vía, nó đang nhập vào cõi tâm thức lớn thứ nhì và đang hành động ở đó bên trong thể vía độc lập với (apart from) thể xác. Chúng ta hãy xem xét một lúc sự khác nhau giữa hai người, cả hai đều “hoàn toàn tỉnh thức”, nghĩa là đang hoạt động trong thể xác, một người chỉ dùng thể vía của mình một cách vô thức như là cầu nối giữa cái trí và bộ óc, còn người kia dùng cái vía một cách hữu thức để làm một hiện thể. Người thứ nhất nhìn thấy theo cách thông thường và rất hạn chế, thể vía của y chưa phải là một hiện thể hữu hiệu của tâm thức; người thứ nhì dùng nhãn quan của thể vía và không còn bị hạn chế bởi vật chất của cõi trần, y nhìn thấy xuyên qua mọi cơ thể hồng trần, y nhìn thấy phía sau cũng rõ như phía trước, những bức tường và những vật chất “mờ đục” khác đối với y trong suốt như kính thủy tinh; y cũng nhìn thấy các hình thể và màu sắc trên cõi trung giới, hào quang, các tinh linh ngũ hành v.v.... Nếu y đến một buổi hòa nhạc thì khi âm nhạc trỗi lên, y thấy các bản hòa tấu đó rực rỡ nhiều màu sắc, đến một buổi diễn thuyết, y nhìn thấy tư tưởng của diễn giả dưới dạng màu sắc và hình thể, và do đó nhận được sự thể hiện trọn vẹn tư tưởng của diễn giả hơn nhiều so với một người chỉ có thể nghe những lời được thốt ra. Đó là vì tư tưởng phát dưới dạng biểu tượng trong khi lời nói cũng phát ra thành những

hình thể màu sắc và âm nhạc, và được bọc trong vật chất cõi trung giới gây nên ấn tượng trên thể vía. Khi tâm thức đã hoàn toàn thức tỉnh trong thể vía thì nó tiếp thu và ghi nhận hết thảy những ấn tượng bổ sung này và nếu khảo sát mình kỹ lưỡng thì nhiều người sẽ thấy rằng họ nắm bắt từ điển giả rất nhiều hơn khi chỉ truyền đạt bằng ngôn ngữ, mặc dù họ có thể đã không ý thức về điều đó ngay lúc họ đang lắng nghe. Nhiều người sẽ tìm thấy trong ký ức mình có nhiều hơn mức điển giả đã phát biểu; đôi khi một sự gợi ý tốt lành tiếp sau tư tưởng, dường như thể có một điều gì đó nổi lên quanh những ngôn từ ấy khiến cho chúng có ý nghĩa nhiều hơn ý nghĩa mà tai nghe thấy. Kinh nghiệm này cho thấy rằng thể vía đang phát triển và khi con người chú ý tới việc suy tư của mình và sử dụng thể vía một cách vô thức thì thể vía tăng trưởng và trở nên ngày càng hữu hiệu.

“Sự vô ý thức” của người ta trong khi ngủ là do thể vía còn chưa phát triển hoặc là do thiếu những mắc xích kết nối hữu thức giữa thể vía và óc phàm. Một người sử dụng thể vía trong ý thức tỉnh, phóng những luồng ý nghĩ (mind-currents) xuyên qua thể vía để tới óc phàm; nhưng khi bộ óc không được sử dụng tích cực, bộ óc mà con người quen dùng để tiếp nhận ấn tượng từ bên ngoài, thì y cũng giống như David mặc một áo giáp mà hấn chưa từng thử bao giờ: vì thế y không dễ dàng tiếp nhận đối với những ấn tượng chỉ qua thể vía để đến với y, đối với việc sử dụng độc lập mà y chưa quen. Hơn nữa, y có thể học cách sử dụng nó một cách độc lập trên cõi trung giới, thế nhưng y chưa biết rằng mình đã từng sử dụng được nó khi y trở về với xác phàm – đây lại là một giai đoạn khác trong quá trình tiến bộ chậm chạp của con người – và thế là y bắt đầu sử dụng nó trong cõi riêng của nó trước khi y có thể tạo nên được sự kết nối giữa cõi đó với cõi

bên dưới nó. Cuối cùng, y tạo được những mối liên kết này và rồi y chuyển từ việc sử dụng hiện thể này tới việc sử dụng hiện thể kia với đầy đủ ý thức, và được tự do trên cõi trung giới. Rõ ràng là y đã mở rộng được phạm vi ý thức tinh táo của mình để bao trùm được cõi trung giới, và trong khi còn ở nơi xác phàm thì y vẫn hoàn toàn sử dụng được các giác quan của thể vĩa, có thể nói là y đang sống cùng một lúc nơi hai cõi, không có sự gián đoạn nào, không có vực sâu nào giữa chúng, và y bước trên cõi trần như một người mù bẩm sinh bây giờ lại được sáng mắt.

Trong giai đoạn tiến hóa kế tiếp, con người bắt đầu hoạt động hữu thức trên cõi thứ ba tức cõi trí tuệ; đã từ lâu rồi y vẫn hoạt động trên cõi này, từ đó phóng xuống mọi tư tưởng khoắc lầy hình tướng hoạt động nơi cõi trung giới và biểu hiện trên cõi trần thông qua bộ óc. Khi y trở nên hữu thức trong thể trí, trong hiện thể trí tuệ của y, thì y phát hiện ra rằng y đang suy nghĩ tức là y đang tạo ra các hình tướng, y trở nên có ý thức về hành vi sáng tạo mặc dù y đã vận dụng quyền năng này một cách vô thức từ lâu lắm rồi. Bạn đọc có thể nhớ lại rằng nơi một trong những bức thư được trích dẫn trong quyển Thế Giới Huyền Bí (the Occult World), một Chon sư có dạy rằng mọi người đều đang tạo ra những hình tư tưởng, nhưng Ngài rút ra sự phân biệt giữa kẻ phàm phu và bậc Cao đồ, vì kẻ phàm phu tạo ra hình tư tưởng một cách vô thức, trong khi bậc Cao đồ tạo ra hình tư tưởng một cách hữu thức. (Thuật ngữ Cao đồ được dùng ở đây với một ý nghĩa rất phóng khoáng để bao gồm các Điểm đạo đồ thuộc nhiều cấp khác nhau ở các mức thấp hơn hẳn so với một "Chon sư"). Ở giai đoạn phát triển này của con người, năng lực hữu dụng của y gia tăng rất nhiều, bởi vì khi y có thể sáng tạo một cách hữu thức và điều khiển một hình tư tưởng



– một tinh linh nhân tạo, như nó thường được gọi như thế – thì y có thể sử dụng nó để làm việc ở những nơi mà nhất thời nó không thuận lợi cho y tới đó trong thể trí của mình. Vậy là y có thể làm việc từ xa cũng như làm việc ngay tại chỗ và gia tăng được tầm hữu dụng của mình; y kiểm soát được những hình tư tưởng đó từ xa, theo dõi và hướng dẫn chúng khi chúng làm việc, biến chúng thành những tác nhân của ý chí mình. Khi thể trí phát triển thì Chon nhon sống và hoạt động trong đó một cách hữu thức, khi y sinh hoạt trên cõi trí tuệ thì y biết được tất cả về sự sống rộng hơn và lớn hơn; trong khi y ở lại trong thể xác và ý thức xuyên qua môi trường vật chất xung quanh, y vẫn hoàn toàn thức tỉnh và hoạt động trên cõi cao, và y không cần để cho thể xác đi ngủ để thỏa thích sử dụng những năng lực cao siêu. Y đã quen dùng giác quan của thể trí, dùng nó để tiếp nhận đủ thứ ấn tượng từ cõi trí tuệ, sao cho y có thể cảm nhận được mọi hoạt động trí tuệ của người khác cũng giống như y cảm nhận được các chuyển động của cơ thể họ.

Khi con người đã đạt tới giai đoạn phát triển này – một trình độ tương đối cao so với người thường, mặc dù là thấp so với trình độ mà y hoài bão – thì bấy giờ y hoạt động hữu thức trong hiện thể thứ ba tức thể trí, truy nguyên tất cả những gì mà y làm trong đó, trải nghiệm những quyền năng và những hạn chế của nó. Y cũng cần học cách phân biệt giữa hiện thể này mà y dùng và chính y; lúc bấy giờ y mới cảm thấy tính cách hão huyền của cái “Ngã” (“I”) phạm tục, “cái Tôi” của thể trí chứ không phải chon nhon, và y đồng nhất hóa mình một cách hữu thức với Chon ngã vốn ngự nơi thể cao hơn, tức thể nguyên nhân, thể này ở trên cõi Thượng trí, tức cõi vô sắc giới. Y thấy y, chon nhon, có thể tụt ra khỏi thể trí, có thể bỏ nó lại đằng sau và khi thăng lên cao hơn thì

vẫn còn là chính mình; lúc bấy giờ y biết rằng nhiều kiếp sống thật ra chỉ là một kiếp duy nhất, và y, con người đang sống, vẫn là chính y trải qua mọi kiếp đó.

Bây giờ ta xét tới những liên kết, những mắc xích giữa các thể khác nhau này. Thoạt tiên chúng tồn tại mà con người không có ý thức về chúng. Chúng vẫn ở đó, nếu không thì y chẳng thể chuyển từ cõi trí sang cõi của thể xác, nhưng y không có ý thức về sự tồn tại của chúng, và chúng không được làm cho linh hoạt một cách tích cực, chúng hầu như giống với điều mà chúng ta gọi là các cơ quan sơ khai trong thể xác. Mọi sinh viên ngành sinh học đều biết rằng có hai loại cơ quan sơ khai: một loại cung ứng những dấu vết của các giai đoạn mà cơ thể đã trải qua trong quá trình tiến hóa, trong khi loại kia đưa ra ngụ ý về những đường lối phát triển tương lai. Các cơ quan này tồn tại nhưng không hoạt động, chúng đã hoạt động ở thể xác trong quá khứ hoặc sẽ hoạt động trong tương lai, khi y đã chết rồi hoặc khi y chưa sinh ra. Những mối liên kết mà tôi mạo hiểm dựa trên sự giống nhau để gọi chung là các cơ quan sơ khai loại hai, liên kết thể phách và xác phạm với thể vía, thể vía với thể trí, thể trí với thể nguyên nhân. Chúng có đó, nhưng chúng phải được khơi hoạt; nghĩa là, chúng phải được phát triển, và cũng giống như các loại hình thuộc thể xác, chúng chỉ có thể được phát triển qua việc sử dụng. Dòng sống tuôn chảy qua chúng, dòng trí tuệ tuôn chảy qua chúng, thế là chúng được giữ cho sống và được cấp dưỡng; nhưng chúng chỉ được đưa vào hoạt động dần dần khi con người chú tâm vào chúng và dùng ý chí để tác động lên sự phát triển của chúng. Tác động của ý chí bắt đầu truyền sức sống cho những mối liên kết sơ khai này và từng bước một, có lẽ là rất chậm chạp, chúng bắt

đầu hoạt động; con người bắt đầu sử dụng chúng để chuyển di tâm thức từ hiện thể này sang hiện thể khác.

Trong thể xác có các trung khu thần kinh tức là các nhóm nhỏ tế bào thần kinh, các tác động từ bên ngoài cũng như các xung lực từ bộ óc đều đi qua các trung khu này. Nếu một trong các trung khu bị trục trặc thì sự xáo trộn sẽ lập tức nổi lên và ý thức của thể xác sẽ bị rối loạn. Trong thể vía cũng có những trung tâm tương tự, nhưng nơi người kém phát triển thì chúng còn sơ khai và không hoạt động. Đây là những liên kết giữa thể xác với thể vía, giữa thể vía với thể trí, và khi quá trình tiến hóa tiếp diễn thì chúng được ý chí làm cho linh hoạt, bắt đầu tự do và hướng dẫn “hỏa xà”, được gọi là Kundalini theo sách vở Ấn Độ. Giai đoạn chuẩn bị cho tác động trực tiếp giải phóng Kundalini là việc luyện tập và thanh tẩy các hiện thể, vì nếu việc này không được hoàn tất một cách toàn diện thì ngọn lửa sẽ là năng lượng hủy diệt thay vì là năng lượng truyền sự sống. Đó là lý do tại sao chúng tôi rất nhấn mạnh tới sự thanh tẩy và đòi hỏi việc đó như là một sự chuẩn bị cần thiết cho mọi Yoga chân chính.

Khi một người đã làm cho mình xứng đáng để tiếp nhận một cách an toàn sự trợ giúp trong việc làm linh hoạt những liên kết này thì sự trợ giúp như thế sẽ đương nhiên đến với y từ những người vẫn luôn luôn tìm cơ hội để giúp đỡ kẻ tâm đạo nhiệt tình và vị tha. Rồi thì, vào một ngày, con người thấy mình trượt ra khỏi thể xác trong khi y vẫn đang tỉnh thức, và không hề có bất cứ sự gián đoạn nào trong tâm thức, y khám phá rằng y được giải phóng. Khi điều này đã xảy ra vài lần, thì việc chuyển từ hiện thể này sang hiện thể kia trở nên quen thuộc và dễ dàng. Khi thể vía xuất ra khỏi thể xác trong lúc ngủ thì có một giai đoạn ngắn mất ý thức, và ngay cả khi con người hoạt động tích cực trên cõi trung giới thì y

vẫn không thể vượt qua sự mất ý thức này lúc y trở về nhập xác. Mất ý thức khi rời khỏi xác thân thì có lẽ y cũng bị mất ý thức khi trở về nhập xác. Có thể có ý thức đầy đủ và sống trên cõi trung giới, thế nhưng mọi thứ biểu hiện trong bộ óc phàm vẫn có thể là một sự trống rỗng hoàn toàn. Nhưng khi con người xuất ra khỏi xác trong tâm thức tỉnh, đã phát triển những liên kết giữa các hiện thể vào hoạt động thiết thực, y đã bắc được cầu vượt qua vực sâu đó; đối với y nó không còn là cái vực nữa, và tâm thức của y chuyển nhanh chóng từ cõi này sang cõi khác và y biết y là cùng một con người ở cả hai cõi.

Óc phàm càng được tập luyện để đáp ứng với các rung động đến từ thế trí bao nhiêu thì việc bắc cầu qua vực thẳm giữa ngày và đêm càng được dễ dàng bấy nhiêu. Bộ óc càng ngày càng trở thành công cụ ngoan ngoãn của con người, thi hành những hoạt động mà ý chí của y thôi thúc, và giống như một con ngựa đã được huấn luyện thuần thục đáp ứng với sự va chạm nhẹ nhất của bàn tay hoặc đầu gối. Cõi trung giới mở ra đối với người đã hiệp nhất hai hiện thể của tâm thức như thế, và nó thuộc về y cùng với mọi khả năng của nó, mọi quyền năng rộng lớn hơn, mọi cơ hội to lớn hơn trong việc phụng sự và giúp đỡ. Rồi tới niềm vui do việc mang sự giúp đỡ đến cho những kẻ đau khổ, vốn không biết tới tác nhân giúp đỡ mặc dù họ vẫn cảm nhận được sự khuây khỏa, do việc tuôn đổ nước cam lồ vào những vết thương mà lúc bấy giờ có vẻ như chúng tự lành; do việc nâng lên những gánh nặng làm cho chúng trở thành nhẹ đi một cách mâu nhiệm cho đôi vai đau nhức do bị chúng đã đè nặng lên trên.

Ta cần phải bắc cầu qua vực thẳm nhiều hơn nữa giữa kiếp này sang kiếp khác; mang ký ức suốt ngày và đêm liên tục chỉ để cho thấy là thể vía đang hoạt động hoàn hảo và

những mối liên kết giữa nó với thể xác đang trong trình tự hoạt động hoàn hảo (full working order). Nếu một người muốn bắc cầu ngang qua vực thẳm giữa kiếp này với kiếp khác thì y phải làm rất nhiều hơn là chỉ hoạt động với ý thức đầy đủ trong thể vía, và hơn là chỉ hoạt động hữu thức trong thể trí; đó là vì thể trí bao gồm vật liệu của các cảnh thấp của cõi trí và sự tái sinh luân hồi không diễn ra từ các nơi đó. Đến đúng lúc thì thể trí cũng tan rã giống như thể vía và thể xác, nó không thể truyền thừa được cái gì. Trọn cả vấn đề nhớ được các kiếp trước là thế này: liệu con người có thể hay không thể hoạt động trên các phân cảnh cao của cõi trí, trong thể nguyên nhân của y? Chính thể nguyên nhân mới chuyển từ kiếp này sang kiếp khác, chính trong thể nguyên nhân mới tích chứa mọi thứ; chính trong thể nguyên nhân mà mọi kinh nghiệm được giữ lại, vì tâm thức được rút lên vào nó và từ cõi của nó mà sự giáng xuống khi tái sinh được thực hiện. Ta hãy theo dõi các giai đoạn của sự sống bên ngoài cõi trần, để xem sự thống trị của Thần Chết (King Death) lan ra bao xa. Con người rút ra khỏi phần thô trực của thể xác; nó rơi ra khỏi y, tan thành từng mảnh và được trả lại cho cõi hồng trần. Không còn lại chút gì để liên kết từ điện của ký ức có thể gắn kết vào trong đó. Khi đó con người ở trong phần dĩ thái của thể vật lý, nhưng trong vài giờ y lại rũ bỏ nó và nó cũng tan rã ra thành các yếu tố. Vậy thì không một ký ức nào được kết nối với bộ óc thể phách sẽ giúp cho y bắc cầu qua vực thẳm được. Y tiếp tục chuyển vào cõi trung giới, ở lại đó cho tới khi y cũng rũ bỏ thể vía theo cách tương tự, bỏ nó lại đằng sau cũng giống như trước đó y đã bỏ xác phàm; đến lượt "cái xác chết của thể vía" tan rã, trả lại vật liệu của nó cho cõi trung giới và làm tiêu tan luôn mọi thứ có thể được dùng làm cơ sở cho những liên kết từ tính cần thiết cho ký ức. Y tiếp tục

chuyển vào trong thể trí và trú ngụ trong những cảnh sắc giới Devachan, sống ở đó hàng trăm năm, ôn luyện các năng khiếu, vui hưởng thành quả. Nhưng khi thời gian đã chín muồi, y cũng rút ra khỏi thể trí, chỉ mang theo từ nơi đó tinh hoa còn tồn tại của tất cả những gì mà y đã thu gom và đồng hóa được vào trong thể nguyên nhân. Y bỏ thể trí lại đằng sau để cho nó tan rã theo cùng cách của các hiện thể thô hơn, vì vật chất của nó – nó tinh anh theo quan điểm của chúng ta – nhưng không đủ tinh anh để được chuyển lên những cảnh cao của cõi trí. Vật chất đó phải bị rũ sạch, bị bỏ lại để trả về kho vật liệu của cõi riêng của nó (cõi hạ trí –ND), lại thêm một sự tan rã của tổ hợp thành các yếu tố. Suốt con đường đi lên, chon nhon rũ bỏ hết thể này tới thể khác, chỉ khi đạt tới những cảnh vô sắc giới của cõi trí tuệ thì y mới có thể được công nhận rằng mình đã vượt ra khỏi phạm vi (regions) mà cây quyền trượng gây ra tan rã của Thần Chết (Death) thống trị. Cuối cùng y chuyển ra khỏi lãnh địa của Thần Chết, trú ngụ trong thể nguyên nhân là nơi mà Thần Chết không còn uy quyền nữa, và ở nơi đó, y tích trữ mọi thứ mà mình thu gom được. Vì vậy tên đúng thật của nó là thể nguyên nhân, do bởi mọi nguyên nhân ảnh hưởng tới các kiếp tương lai đều ở trong đó. Lúc bấy giờ y phải bắt đầu hoạt động với ý thức trọn vẹn trong thể nguyên nhân trên những cảnh vô sắc giới của cõi trí tuệ trước khi y có thể mang ký ức băng qua vực thẳm của sự chết. Một linh hồn chưa phát triển khi nhập vào cõi cao này không thể duy trì ý thức ở đó; y vào đó mang theo mọi mầm mống phẩm chất của mình; có một sự chạm nhẹ, một tia chớp lóe của tâm thức bao trùm cả quá khứ lẫn tương lai, và Chon ngã chóa mắt chìm xuống cho sự tái sinh. Y mang theo các mầm mống trong thể nguyên nhân này, và tung nó ra ngoài trên mỗi cõi mà các mầm mống đó thuộc về;

chúng gom về chúng những vật chất thật thích hợp với chúng. Như vậy, nơi những cảnh sắc giới của cõi hạ trí, các chúng tử hạ trí kéo về quanh chúng vật chất thuộc cõi này để tạo thành thể trí mới, vật chất được thu gom như thế thể hiện những đặc trưng trí tuệ mà chúng tử ở bên trong ban cho nó, cũng giống như trái sồi phát triển thành một cây sồi bằng cách thu gom vào nó vật liệu thích hợp từ dưới đất và bầu không khí. Trái sồi không thể phát triển thành một cây phong hoặc một cây bách hương mà chỉ thành cây sồi thôi, cũng thế, chúng tử hạ trí phải phát triển theo bản chất của riêng nó và không phải của ai khác. Karma tác động như thế trong việc kiến tạo các hạ thể, và con người có kỳ thu hoạch của hạt giống mà y đã gieo. Chúng tử từ thể nguyên nhân tung ra chỉ có thể tăng trưởng theo loại của nó, thu hút về nó cấp độ vật chất tương ứng với nó, sắp xếp vật chất đó thành hình dạng đặc trưng sao cho nó tạo ra bản sao phẩm chất mà con người đã hình thành trong quá khứ. Khi y nhập vào cõi trung giới, các chúng tử được tung ra vốn thuộc về cõi này, và chúng thu hút xung quanh chúng chất liệu cõi trung giới và những tinh chất ngũ hành thích hợp. Vì thế mới xuất hiện trở lại những ham muốn, những xúc động và những đam mê thuộc về thể dục vọng, tức thể vía, của con người, thể này được thành hình lại theo kiểu này khi y đến cõi trung giới. Vậy thì nếu ý thức về các kiếp đã qua còn lại (is to remain), được mang theo trong suốt mọi quá trình và mọi cõi này, ý thức đó phải tồn tại trong hoạt động đầy đủ trên cõi cao đó của những nguyên nhân, cõi của thể nguyên nhân. Người ta không nhớ được các kiếp đã qua của họ vì họ chưa có ý thức trong thể nguyên nhân như một hiện thể; nó đã không phát triển hoạt động chức năng của riêng nó. Nó ở đó, bản thể của những kiếp sống của họ, “cái Ngã” chân thực của họ, nơi mà tất cả đều

tiến hành từ đó, nhưng nó chưa hoạt động tích cực: nó chưa có ngã thức mặc dù vẫn hoạt động một cách vô thức, và chừng nào nó có ngã thức, ngã thức đầy đủ, thì ký ức mới có thể chuyển từ cõi này sang cõi khác và do đó từ kiếp này sang kiếp khác. Khi chơn nhơn tiến bộ, các tia chớp lóe của tâm thức tuôn ào ra soi sáng những mẫu nhỏ của quá khứ, nhưng những tia chớp lóe này cần phải đổi thành ánh sáng thường trực trước khi có được bất kỳ ký ức liên tục nào.

Người ta có thể thắc mắc rằng: Liệu có thể khuyến khích sự tái diễn của những tia chớp lóe như thế hay không? Liệu người ta có thể hồi thức hoạt động tăng trưởng từ từ này của tâm thức trên các cõi cao được hay chăng? Phạm nhơn có thể nỗ lực cho cứu cánh này, nếu y có sự kiên nhẫn và sự can đảm; y có thể cố gắng càng ngày càng sống trong cái ngã vĩnh hằng, càng ngày càng triệt thoái tư tưởng và năng lượng, ám chỉ sự chú ý, ra khỏi những chuyện tâm phào và những việc vô thường của cuộc sống thông thường. Tôi không có ý nói là người ta nên trở thành mơ mộng, đãng trí và lơ đãng, một thành viên bất tài nhất trong gia đình và xã hội; ngược lại y phải chu toàn mỗi yêu cầu mà thế gian đòi hỏi nơi y và chu toàn nó một cách hoàn thiện hơn bởi vì chơn nhơn cao cả đang làm điều đó. Y không thể làm các công việc một cách vụng về và bất toàn như những người chậm phát triển làm chúng, vì đối với y bốn phận là bốn phận và chừng nào mà còn có người hay sự việc nào đó đòi hỏi nơi y thì y phải trả nợ cho tới đồng xu cuối cùng; y phải làm tròn mọi bốn phận một cách hoàn hảo mà y có thể làm, với năng lực tốt nhất và sự chú tâm nghiêm chỉnh nhất. Nhưng y sẽ *không đặt tâm trí vào những sự việc này*, tư tưởng của y sẽ không bị ràng buộc vào kết quả của chúng; ngay khi bốn phận được thực thi và y được giải thoát, tư tưởng của y sẽ bay trở lại với sự sống vĩnh



hàng, sẽ vươn lên tới tâm cao hơn với năng lực phấn đấu hướng thượng, và y sẽ bắt đầu để sống nơi đó và để thấy sự vô giá trị thật sự của những chuyện tầm thường của cuộc sống thế gian. Khi y kiên định làm như thế và ra sức rèn luyện mình vào sự suy tư cao siêu và trừu tượng, y sẽ bắt đầu làm linh hoạt những liên kết cao trong tâm thức và đưa tâm thức mà y có được vào trong cuộc sống hạ giới này.

Một con người là duy nhất và cùng là một người trên bất cứ cõi nào mà y có thể đang hoạt động, và chiến thắng của y là khi y hoạt động được trên cả năm cõi với tâm thức liên tục. Các Đấng mà chúng ta gọi là Chơn sư, “những Con Người toàn thiện”, đều hoạt động với ý thức tinh của các Ngài không chỉ nơi ba cõi thấp mà còn cả trên cõi thứ tư <sup>(1)</sup> (cõi của sự đơn nhất mà *Māndūkyopanishad* gọi là cõi Turīya) và cõi ở trên đó, tức cõi Niết Bàn. Nơi các Ngài, sự tiến hóa đã hoàn tất, các Ngài đã bước đến mức cuối của chu kỳ này, và tất cả mọi người đang leo lên một cách chậm chạp hiện nay sớm muộn gì cũng sẽ đến được tới trình độ này của các Ngài. Đây là sự hợp nhất tâm thức; các hiện thể không còn có thể giam hãm con người nữa mà chỉ dành cho con người sử dụng, và con người sử dụng bất kỳ một hiện thể nào tùy theo công việc mà y phải làm.

Bằng cách này thì vật chất, thời gian và không gian đã bị chinh phục, những rào cản của chúng không còn tồn tại đối với Người đã hợp nhất. Trong khi leo lên cao, Người phát hiện ra rằng các rào cản trong mỗi giai đoạn càng ngày càng bớt đi: ngay cả trên cõi trung giới thì vật chất cũng ít phân hóa hơn so với ở dưới đây, khiến cho sự phân cách Người với

---

<sup>1</sup> Cõi Bồ Đề - ND

huynh đệ của Người ít hiệu quả hơn nhiều. Du hành trong thế vĩa nhanh đến nỗi có thể nói rằng không gian và thời gian thực tế đã được chinh phục, vì mặc dù con người vẫn biết rằng Người đang đi xuyên qua không gian, nhưng nó đi xuyên qua không gian nhanh đến nỗi không gian mất đi khả năng ngăn cách người bạn này với người bạn kia. Ngay cả sự chinh phục đầu tiên đó cũng vô hiệu hóa sự ngăn cách trên cõi trần. Khi Người vươn tới cõi trí tuệ thì Người thấy mình còn có một quyền năng khác: Người nghĩ đến một địa điểm thì Người đã ở đó rồi, Người nghĩ tới một người bạn thì người bạn đó đã ở trước mặt Người rồi. Ngay cả trên cõi thứ ba thì tâm thức đã vượt qua các rào cản của vật chất, không gian và thời gian; nó tha hồ có mặt ở bất cứ nơi đâu. Mọi vật được thấy là được thấy ngay tức khắc đúng vào lúc sự chú tâm được chuyển tới chúng; Mọi thứ được nghe là được nghe ngay tại một ấn tượng đơn độc; không gian, vật chất và thời gian như được biết nơi các cõi thấp đã biến mất, chuỗi sự kiện không còn tồn tại nữa trong “hiện tại vĩnh hằng”. Trong khi Người vươn lên cao nữa thì các rào cản ngay bên trong tâm thức mình cũng rơi rụng đi, Người biết là một với mọi tâm thức khác, mọi chúng sinh khác; Người có thể suy nghĩ giống như họ suy nghĩ, cảm giác giống như họ cảm giác, biết như họ biết. Người có thể làm cho những hạn chế của họ trở thành của Người trong một lúc để cho Người có thể hiểu chính xác họ suy nghĩ ra sao, và tuy thế vẫn giữ được ý thức của riêng mình. Người có thể vận dụng kiến thức rộng lớn của riêng mình để trợ giúp cho tư tưởng hẹp hòi hơn và bị hạn chế hơn, tự đồng hóa mình với tư tưởng đó để nhẹ nhàng mở rộng biên giới của nó. Người gánh vác hoàn toàn những nhiệm vụ mới trong thiên nhiên khi Người không còn chia rẽ với những người khác nữa mà thực chứng được Đại

Ngã là một trong vạn hữu và phóng năng lượng của Người từ cõi của sự hiệp nhất xuống. Quan tâm tới cả những con thú hạ đẳng, Người có thể cảm thấy thế giới tồn tại đối với chúng ra sao để Người có thể đưa ra sự trợ giúp đúng với điều mà chúng cần, và cung cấp sự giúp đỡ theo cái mà chúng đang mò mẫm một cách mù lòa. Vì thế sự chinh phục của Người không phải cho bản thân Người mà là cho tất cả chúng sinh, và Người đạt được những quyền năng rộng lớn hơn chỉ là để dùng chúng vào việc phục vụ cho mọi chúng sinh thấp kém hơn Người về trình độ tiến hóa; theo cách này Người trở nên hữu ngã thức trên khắp thế gian, vì điều này, Người học cách đáp ứng với mỗi sự kêu than đau khổ, với mỗi rộn ràng của niềm vui hay nỗi buồn. Đến tới tận cùng, đạt được tất cả, và Chơn sư là người “không còn gì để học nữa”. Nói như vậy chúng tôi không có ý cho là trong tâm thức của Ngài, bất kỳ lúc nào cũng có mọi tri thức khả hữu, mà là xét về *giai đoạn tiến hóa này* thì không có điều gì được ẩn giấu đối với Ngài nữa, không có điều gì mà Ngài không ý thức trọn vẹn được khi Ngài hướng sự chú tâm tới nó; trong chu kỳ tiến hóa này của mọi chúng sinh – và tất cả mọi thứ đều là đang sống – thì chẳng có điều gì mà Ngài không thể hiểu và do đó chẳng có thứ gì mà Ngài không thể giúp đỡ.

Đó là sự khai hoàn tối hậu của con người. Mọi điều mà tôi vừa nói tới có thể là vô giá trị, tầm thường nếu nó được thu về cho cái bản ngã hẹp hòi mà ở dưới đây chúng tôi công nhận là bản ngã; bạn đọc thân mến, mọi bước mà tôi vừa cố gắng thuyết phục bạn ắt chẳng có giá trị gì để ta phải bước tới nếu rốt cuộc chúng đặt bạn lên một đỉnh cao biệt lập, xa cách với mọi bản ngã tội lỗi, đau khổ, thay vì dẫn bạn tới tâm của vạn vật, nơi mà họ và bạn là một. Tâm thức của Chơn sư trải rộng nó ra theo bất cứ hướng nào mà Ngài phóng ra đó,

đồng hóa nó với bất cứ điểm nào mà Ngài nhắm đến nó, biết bất cứ điều gì mà Ngài muốn biết; và mọi điều này là để cho Ngài có thể trợ giúp hoàn hảo, để chẳng điều gì mà Ngài không thể cảm nhận được, chẳng thứ gì mà Ngài không thể bảo dưỡng được, chẳng điều gì mà Ngài không thể củng cố được, chẳng thứ gì mà Ngài không thể trợ giúp được trong sự tiến hóa của nó. Đối với Ngài trọn cả thế gian chỉ là một tổng thể rộng lớn đang tiến hóa, và vị trí của Ngài trong đó là một người trợ giúp cho cơ tiến hóa; Ngài có thể đồng nhất hóa chính Ngài với bất kỳ bước tiến hóa để đưa ra sự trợ giúp cần thiết ở bước đó. Ngài giúp được cho các giới tinh linh ngũ hành tiến hóa hướng hạ, và mỗi loài theo đường lối riêng của nó, sự tiến hóa của loài khoáng vật, loài thực vật, loài động vật và loài người; và Ngài giúp đỡ tất cả mọi loài như chính Ngài vậy, đó là vì vinh quang của cuộc sống của Ngài là ở chỗ tất cả đều là Ngài, và tuy thế Ngài có thể trợ giúp cho tất cả, và trong chính sự trợ giúp đó mà Ngài nhận thức như Ngài trợ giúp cho chính Ngài.

Điều bí ẩn là làm thế nào điều này có thể được khai mở dần dần khi con người phát triển, và tâm thức mở rộng để bao trùm ngày càng nhiều hơn nữa trong khi lại trở nên sinh động hơn, đầy sức sống hơn và không mất đi kiến thức của chính nó. Khi điểm đã trở thành hình cầu thì hình cầu thấy nó là điểm; mỗi điểm đều chứa đựng mọi thứ và biết nó là một với mọi điểm khác; cái bên ngoài được nhận thức chỉ là phản ánh của cái bên trong; Thực Tại là Sự Sống Duy Nhất và sự dị biệt chỉ là một ảo tưởng đã được vượt qua.